

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 231 – Chúa nhật 14.09.2014

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Lời Mở Đầu Sắc Lệnh Về Hiệp Nhất	Vatican 2
Chú giải và gợi ý suy niệm: nơi Thập Giá, Chúa Cha nói với chúng ta mọi sự.....	
.....	Lm. Vũ Phan Long, ofm.
LINH MỤC SỐNG ƠN HIỆP THÔNG	Lm. JB. Nguyễn Minh Hùng
GIÁ TRỊ THIÊNG LIÊNG CỦA THÁNH LỄ MISA	Lm. PX. Ngô Tôn Huân
CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
SYRIA: TRUYỀN BẢ BẠO ĐỘNG CÒN NGUY HIỂM HƠN CẢ SÚNG ĐẠN	
.....	Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
GIÁO LÝ VỀ ĐỨC BÀ MARIA (TRÌNH BÀY ĐẠI Ý CUỐN SÁCH KHẢO LUẬN CỦA DOMINIQUE CERBELAUD)	Gs. Trần Văn Toàn
LỜI CHỨNG CỦA ĐỨC GIÊ-SU VÀ CỦA CHÚA CHA TRONG TIN MỪNG GIO-AN.....	
.....	Lm. Jos. Lê Minh Thông, OP.
CUỘC CHIẾN THIÊNG LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
TÂN PHÚC ÂM HÓA BẢN THÂN TU SĨ VÀ CỘNG ĐOÀN.....	
.....	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
BỆNH SẠN THẬN	Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.
TỪ NỀ VỢ ĐẾN SỢ VỢ	Chuyện Phiếm của Gã Siêu

Lời Mở Đầu Sắc Lệnh Về Hiệp Nhất

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh

Về Hiệp Nhất Unitatis Redintegratio

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Mở Đầu

1. Cổ động việc tái lập sự hiệp nhất ^{1*} giữa toàn thể các Kitô hữu là một trong những mục tiêu chính của Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II. Quả thực, Chúa Kitô đã thiết lập một Giáo Hội và chỉ một Giáo Hội duy nhất, nhưng nhiều cộng đồng Kitô giáo tự xưng với mọi người mình là di sản đích thực của Chúa Kitô; thật vậy, tất cả đều xưng mình là môn đệ của Chúa nhưng lại cảm nghĩ và đi theo những đường lối khác nhau như thể chính Chúa Kitô bị phân rẽ vậy ¹. Quả thực, sự phân rẽ này hiển nhiên vừa trái ngược với ý muốn của Chúa Kitô vừa là gương xấu ^{2*} cho thế giới và phương hại cho công cuộc rất thánh thiện là rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật.

Tuy vậy, Chúa các thế hệ, Đấng tiếp tục chương trình thi ân cách khôn ngoan và nhẫn nại đối với chúng ta là những kẻ tội lỗi, trong những ngày gần đây đã bắt đầu đổ dồi dào tinh thần thống hối và ước vọng hiệp nhất trên các Kitô hữu còn đang chia rẽ với nhau. Rất nhiều người ở khắp nơi được khích lệ bởi ơn này và nhờ ơn Chúa Thánh Thần tác động, một phong trào tái lập sự hiệp nhất mọi Kitô hữu cũng được phát khởi mỗi ngày một rộng rãi hơn nơi những anh em phân ly với chúng ta. Tham dự phong trào tìm về hiệp nhất này, cũng được mệnh danh là phong trào hiệp nhất, là những người cầu khẩn Chúa Ba Ngôi và tuyên xưng Chúa Giêsu là Chúa và là Đấng Cứu Thế, ^{3*} không những từng cá nhân riêng rẽ, mà còn tụ họp lại nơi những cộng đoàn trong đó họ đã được nghe Phúc Âm, và mỗi người gọi các cộng đoàn ấy là Giáo Hội của họ và của Thiên Chúa. Tuy nhiên hầu như ^{4*} tất cả, dầu mỗi người mỗi cách, đều ngưỡng vọng một Giáo Hội duy nhất và hữu hình của Thiên Chúa, một Giáo Hội thực sự phổ quát và được sai đến với toàn thể thế giới, để thế giới trở về với Phúc Âm và nhờ vậy, được cứu rỗi hầu làm vinh danh Thiên Chúa.

Vì vậy, một khi hoan hỷ cứu xét tất cả những điều ấy, và sau khi công bố học thuyết về Giáo Hội ^{5*}, Thánh Công Đồng này cũng thiết tha mong mỏi tái lập hiệp nhất giữa tất cả các môn đệ Chúa Kitô, nên muốn cung ứng cho mọi người Công Giáo sự trợ lực, đường lối và phương sách để họ có thể đáp ứng lời mời gọi và ân sủng của Thiên Chúa ^{6*}.

Chú Thích:

1* Cũng như tựa đề của Sắc Lệnh "Về Hiệp Nhất", những tiếng "tái lập hiệp nhất" chỉ định mục đích của sắc lệnh. Lời mở đầu khai triển vấn đề mục đích này nhằm vào việc hiệp nhất tất cả Kitô hữu. ([Trở lại đầu trang](#))

1 Xem 1 Cor 1,13. ([Trở lại đầu trang](#))

2* Sự phân ly giữa các Kitô hữu là một gương xấu, vì lời cầu hiệp nhất của Chúa Kitô mà mọi người đều tuyên xưng đã bị chà đạp và vì Kitô giáo rao giảng bác ái trong khi các Kitô hữu lại chia rẽ nhau. Sự phân rẽ này đã làm đình trệ công cuộc Phúc Âm hóa: bởi lẽ Phúc Âm do các cộng đồng Kitô hữu dị biệt loan báo ngay giữa mỗi bất đồng và cả đến mâu thuẫn với nhau. ([Trở lại đầu trang](#))

3* Câu này ám chỉ về việc tuyên xưng đức tin mà Hội Đồng Hiệp Nhất các Giáo Hội năm 1961 tại Tân Đê Li đã chấp nhận. ([Trở lại đầu trang](#))

4* Tiếng này đã được thêm vào theo lời yêu cầu của Đức Giáo Hoàng, bởi vì có vài anh em Tin Lành chối bỏ việc Chúa Kitô đã thiết lập một Giáo Hội hữu hình. ([Trở lại đầu trang](#))

5* Học thuyết này đã được tuyên bố trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, công bố cùng ngày với Sắc Lệnh Hiệp Nhất. ([Trở lại đầu trang](#))

6* Dù không nói rõ, sắc lệnh này hủy bỏ và thay thế một số huấn giới ban hành trước kia do giáo luật hoặc do những sắc lệnh ngày 5 tháng 6 năm 1948 và 20 tháng 12 năm 1949 về mối tương quan với những người ngoài công giáo. ([Trở lại đầu trang](#))

VỀ MỤC LỤC

Chú giải và gợi ý suy niệm: nơi Thập Giá, Chúa Cha nói với chúng ta mọi sự

Nguồn: <http://kinhthanhvn.org/viewItem.jhtml?itemId=9085>

Bản văn có thể chia thành hai phần: 1) Đức Giêsu nhắc lại quá khứ (3,14-15); 2) Đức Giêsu đưa vào Tin Mừng hôm nay (3,16-17).

Lm FX Vũ Phan Long, ofm

1. Ngữ cảnh

Chỉ *TM IV* nói đến Nicôđêmo, một thành viên quan trọng trong Phái Pharisêu – rất có thể cũng là một thành viên của Thượng Hội Đồng -. Ông đã tận dụng bóng đêm để đến gặp Đức Giêsu, có thể cũng vì đêm là thời gian yên tĩnh và an bình. Ông đại diện cho người Israel, với trái tim vẫn còn tinh trong, đang đi tìm ánh sáng và xác tín rằng vị Rabbi đến từ Nadarét, “một vị tôn sư được Thiên Chúa sai đến”, có thể chỉ cho ông thấy ánh sáng.

Ông đã đến và ra đi trong đêm, và chúng ta vẫn tự hỏi là từ cuộc đối thoại với Đức Giêsu, ông đã khám phá ra điều gì, vì tác giả *Gioan* không nói.

Chúng ta sẽ lại gặp ông giữa các thượng tế tại Giêrusalem đang tranh luận với nhau xem có thể loại trừ Đức Giêsu cách nào. Nicôđêmo im lặng lắng nghe rồi đã gây chuyện với họ: “Lề Luật của chúng ta có cho phép kết án ai, trước khi nghe người ấy và biết người ấy làm gì không?”. Nhưng họ đã mỉa mai ông: “Ông cứ nghiên cứu, rồi sẽ thấy: không một ngôn sứ nào xuất thân từ Galilê cả” (*Ga* 7,51-52). Nicôđêmo thật quá chân thành và lương thiện để làm thành viên của một nhóm xảo trá!

Chúng ta gặp lại ông lần cuối cùng với Giôxép Arimathê: họ tắm liệm thi hài Đức Giêsu bằng dầu thơm, bọc bằng khăn liệm rồi đặt vào trong mộ (*Ga* 19,39-40).

2. Bố cục

Bản văn có thể chia thành hai phần:

- 1) Đức Giêsu nhắc lại quá khứ (3,14-15);
- 2) Đức Giêsu đưa vào Tin Mừng hôm nay (3,16-17).

3. Vài điểm chú giải

- *Như ông Môsê đã giương cao con rắn* (14): Câu này nhắc đến Ds 21,9tt.
- *ai tin vào Người thì được sống muôn đời* (15): Câu này tương ứng với Ds 21,8: “Ai nhìn lên con rắn đó, sẽ được sống”.
- *Thiên Chúa yêu thế gian* (16): Động từ *agapan* ở thì quá khứ aorist (*êgapêsen*) nhằm diễn tả hành vi yêu thương tuyệt đỉnh của Thiên Chúa. Có thể nói ở đây chúng ta có một ví dụ tuyệt hảo về động từ *agapan* được diễn tả ra thành hành động, bởi vì c. 16 nói đến tình yêu Thiên Chúa được bày tỏ ra trong cuộc Nhập Thể và cái chết của Chúa Con.
- *đã ban* (16): Động từ *didonai*, “cho; ban [tặng]”, không chỉ nhắm đến cuộc Nhập Thể (Thiên Chúa gửi Con vào trần gian; c. 17), nhưng nhắm đến cả cuộc đóng đinh (trao nộp cho chết: “giương cao” trong cc. 14-15). Như thế, động từ này tương tự với *paradidonai*, “trao nộp”, ở Rm 8,32; Gl 2,20; và *didonai* ở Gl 1,4.
- *Thiên Chúa sai Con* (17): Động từ *apostellein* này song song với “ban” ở c. 16. Khi nói về Đấng Bảo Trợ, cũng có cặp động từ này, “sai” và “ban” ở 14,16.26. Tác giả Gioan dùng hai động từ có nghĩa là “sai phái” có vẻ không phân biệt: *pempein* (26 lần) và *apostellein* (18 lần).
- *Con* (17): Từ “Con” ở dạng tuyệt đối (không có túc từ đi theo) trong TM IV thì hầu như song song với cụm từ “Con Người” theo truyền thống *Nhất Lãm*.
- *không phải để lên án thế gian* (17): Câu này xác định mục tiêu của sứ mạng Chúa Con đảm nhận khi được gửi vào trần gian: không phải để lên án, nhưng để cứu độ (x. Ga 4,42; 1 Ga 4,14). Thế nhưng ở 9,39, Đức Giêsu lại khẳng định: “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử”. Điều duy nhất Thiên Chúa muốn, đó là cứu độ thế gian; nhưng biến cố Con của Ngài đến cũng nhất thiết đưa loài người đến chỗ phải lấy quyết định; quyết định trọng yếu nhất của đời người, là gắn bó với Con Một Thiên Chúa (c. 18) bằng đức tin, hoặc ngược lại, từ chối tin vào Người.
- *được cứu độ* (17): So sánh với c. 16, ta hiểu “được cứu độ” ở đây có nghĩa là “được sống muôn đời” (x. 1 Ga 4,14; Ga 12,47).

4. Ý nghĩa của bản văn

* *Đức Giêsu nhắc lại quá khứ (14-15)*

Đức Giêsu nhắc lại cho Nicôđêmo một biến cố đã xảy ra trong cuộc Xuất Hành, biến cố này Người biết rất rõ, vì là “vị tôn sư được Thiên Chúa sai đến”: con rắn đồng Môsê đã đúc và giương cao trong sa mạc (x. Ds 21,4-9), và Người bình luận tích đó rằng tích đó tượng trưng

cho những gì sắp xảy ra cho Người. Con Người sắp được giương cao trên thập giá để tất cả những ai nhìn lên Người thì sẽ được cứu.

Nicôđêmô đã không hiểu điều Đức Giêsu ám chỉ khi Người nói “ông cần được sinh lại bởi trên”, bây giờ lại càng ngỡ ngàng khi nghe nói đến việc “giương cao Con Người”. Ông ngạc nhiên và có lẽ cũng buồn nữa. Ông im lặng lắng nghe, chứ không biết hỏi thế nào nữa. Ông chưa được soi sáng bởi ánh sáng Phục Sinh, nên những gì ông đang được nghe lúc này là mầu nhiệm không sao dò thấu đối với ông. Ông chưa hiểu được rằng “Tin vào Đấng được giương cao” có nghĩa là đưa mắt nhìn lên “Đấng Chịu đóng đinh”, là Chúa Kitô bị đóng đinh trên thập giá, và dựa vào Người mà đo lường mọi quyết định của ông, để cho Người hướng dẫn các quyết định của ông. “Đưa mắt nhìn lên Đấng Chịu đóng đinh” chính là coi Người là biểu tượng của ơn cứu độ, là nguồn mạch đưa tới sự sống. “Đưa mắt nhìn lên Đấng Chịu đóng đinh” như thế cũng có nghĩa là phải từ bỏ nhiều thứ, hy sinh nhiều chuyện. Tác giả *TM IV* nói rằng một ngày nào đó người ta “sẽ nhìn lên Đấng họ đã đâm thâu” (Ga 19,37). Vào ngày đó, Nước Thiên Chúa sẽ được thiết lập trên trần gian.

** Đức Giêsu đưa vào Tin Mừng hôm nay (16-17)*

Trong phần thứ hai, Đức Giêsu nói về Tin Mừng của ngày hôm nay: Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, Người đến không phải để lên án thế gian, nhưng để cứu thế gian. Thiên Chúa chọn con người, Thiên Chúa đứng về phía con người.

Đây là một câu nói có sức trấn an, một mạc khải phải làm cho lòng chúng ta tràn ngập niềm vui và cậy trông. Tuy nhiên, mạc khải này có thể bị phi bác bởi nhiều bản văn Tin Mừng khác cho thấy Thiên Chúa và Đức Giêsu như là những thẩm phán nghiêm khắc (x. Mt 13,31-42; 25,31-46...), nếu không được giải thích đúng đắn. Mt dùng các hình ảnh giới thiệu Thiên Chúa như là thẩm phán là để nhắc các độc giả nhớ rằng phải nghiêm túc quan tâm đến đời sống. Tuy nhiên, hình ảnh này cần được bổ túc bởi hình ảnh “án xử của Thiên Chúa” trong *TM IV*.

Đời sống của chúng ta sẽ được mở dần ra cho tới cùng, bởi ánh sáng của Thiên Chúa, và ánh sáng này sẽ cho thấy thời gian chúng ta đã sống thế nào theo “án xử của Người” và thời gian chúng ta đã phung phí vì đã sống theo “án xử của loài người”. Nhưng “án xử” này không chỉ kết luận đơn giản bằng một lời tuyên án là có tội hay vô tội. Điều này không ích lợi gì. Án xử chúng ta cần nhất, án xử sẽ cứu chúng ta, đó là án xử Thiên Chúa đi qua hôm nay, một án xử sẽ ngăn cản chúng ta phí mất đời sống chúng ta. *TM IV* nhấn mạnh trên án xử này.

Tác giả không bao giờ nói đến “phán xét chung [cuối cùng]” và không bao giờ bảo rằng Thiên Chúa sẽ kết án chúng ta (c. 17) bởi vì Thiên Chúa chỉ muốn cho chúng ta được cứu độ. Ở xa hơn, ngài nhắc lại một lời nói khác của Đức Giêsu: “Ai nghe những lời tôi nói mà không tuân giữ, thì không phải chính tôi xét xử người ấy, vì tôi đến không phải để xét xử thế gian, nhưng để cứu thế gian” (Ga 12,47).

+ Kết luận

Chính cái nhìn chúng ta nhận ra nơi bản văn (Thiên Chúa muốn cho chúng ta được cứu độ) giúp chúng ta hiểu lời đọc trong Kinh Tin Kính: “Người sẽ đến để phán xét”. Người đến từ đâu? Từ cây thánh giá, từ Phục Sinh: Cây thánh giá lật ngược các giá trị của chúng ta, và giúp chúng ta có thể lật ngược thất bại thành chiến thắng, nô lệ thành quyền bính, nghèo khó thành giàu có, mất mát thành lời lãi, thấp hèn thành vinh quang, tử vong thành tái sinh. Cây thập giá phải là chuẩn mực giúp chúng ta đo lường thành công hay thất bại trong cuộc đời. Chính án xử của Đức Giêsu Chịu đóng đinh sẽ nói lên sự thật về lịch sử loài người. Chỉ duy án xử này của Người mà chúng ta phải “sợ hãi”.

Bài Tin Mừng này mời gọi chúng ta chiêm ngưỡng vị Thiên Chúa trên thập giá và thúc bách chúng ta đi đến một câu đáp trả bằng tình yêu.

5. Gợi ý suy niệm

1. Chúng ta đọc trong *Tin Mừng Gioan* rằng Thiên Chúa mạc khải vinh quang lớn lao nhất của Ngài ra khi Con của Ngài được giương cao trên thập giá. Điều này sẽ gây ngạc nhiên cho những ai đã nghĩ rằng vinh quang của Thiên Chúa trước tiên và tốt nhất phải được mạc khải ra qua các phép lạ, quyền lực vô biên của Ngài. Trên Núi Sọ, Chúa Cha đã nói cho chúng ta cách rõ ràng nhất Ngài yêu thương chúng ta đến độ nào. Núi Sọ cắt đi mọi tấm khăn có thể ngăn cản chúng ta thấy được gương mặt của Thiên Chúa.

2. Nói đến tình yêu là nói đến sự quan tâm, sự thông dự, sự ân cần, chăm sóc, nỗ lực, vận dụng mọi sự. Tình yêu muốn điều hay điều tốt cho người mình thương. Người ấy không dừng đứng với con đường và định mệnh của người yêu, nhưng ra sức làm cho người kia được sống trong niềm vui và sự viên mãn. Đối với Thiên Chúa thì sao? Phải chăng Ngài đã tạo thành thế giới rồi bỏ mặc nó? Ngài có quan tâm đến chúng ta và đến định mệnh chúng ta không? Ngài có để ý xem chúng ta thế nào và chúng ta đi đến đâu không? Thiên Chúa đã tạo thành chúng ta, đã quan tâm đến số phận của chúng ta, đã ban Người Con Một để chúng ta được sống viên mãn ngay từ bây giờ. Chúng ta có giá đối với Thiên Chúa đến mức Ngài sẵn sàng hy sinh Con vì chúng ta (x. *Rm* 8,32).

3. Sau cuộc tạo dựng, sau Lễ Luật, các Ngôn sứ và tất cả những hình thái ân cần săn sóc khác, Người Con là tiếng nói cuối cùng và ân huệ có giá trị tối cao được Chúa Cha ban cho chúng ta. Người Con sẽ quan tâm đến chúng ta riêng tư từng người, sẽ chỉ cho chúng ta từng người biết con đường đưa tới ơn cứu độ, sẽ đưa ta đến chỗ hiệp thông với Người và đi đến cuộc sống muôn đời. Đức Giêsu, Đấng chịu đóng đinh, không phải là một tư tưởng hay là một lý thuyết, một giả thuyết hay một chuyện tưởng tượng, nhưng là một thực tại lịch sử đích thực. Từ đó, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng tình yêu của Thiên Chúa cũng hết sức hiện thực.

Chúng ta suy ngẫm một đoạn bài giảng của thánh Antôn Padôva: “Chúa Cha đã gửi Con của Ngài đến với chúng ta, là “ân ban tuyệt vời, ân ban hoàn hảo” (*Ga* 1,17). Ân ban tuyệt vời, không gì có thể vượt qua; ân ban hoàn hảo, ta không thể thêm gì vào nữa. Chúa Kitô là ân ban tuyệt vời bởi vì Đấng mà Chúa Cha ban cho chúng ta như thế là Con Ngài, tối cao, vĩnh cửu như Ngài. Chúa Kitô là ân ban hoàn hảo; như thánh Phaolô đã nói, “Một khi đã ban Người Con

đó, lẽ nào Thiên Chúa lại chẳng rộng ban tất cả cho chúng ta?” (Rm 8,32)... Ngài đã ban cho chúng ta Đấng là “đầu Hội Thánh” (Ep 5,23). Ngài đã không thể nào ban thêm gì nữa cho chúng ta. Chúa Kitô là ân ban hoàn hảo bởi vì, khi ban Người cho chúng ta, Chúa Cha đã nhờ Người mà đưa mọi sự tới mức hoàn hảo”.

VỀ MỤC LỤC

LINH MỤC SỐNG ƠN HIỆP THÔNG

GIÁO PHẬN PHÚ CƯỜNG

SUY NIỆM TÌNH TÂM LINH MỤC THÁNG 9.2014

Đối với người linh mục: hiện thân của Mẫu nhiệm Hiệp thông, thừa tác viên của Mẫu nhiệm Hiệp thông, sự cụ thể của Ơn hiệp thông mà Thiên Chúa ban cho nhân loại, mỗi dây hữu hình gắn kết Trời Cao với lòng người thế... phải thể hiện cho bằng được vai trò “hiệp thông” của mình trong Ơn gọi mà Thiên Chúa, vì sự ưu ái của Người, đã trao cho chính linh mục.

Khép lại ở đề tài linh mục sống ơn hiệp thông, chúng ta sẽ nói tới hai khía cạnh cần thiết của Mẫu nhiệm Hiệp thông gắn liền cuộc đời linh mục: **Hiệp thông trong sứ vụ; Hiệp thông qua chiều kích siêu nhiên.**

I. HIỆP THÔNG TRONG SỨ VỤ.

“Mục đích mà các linh mục theo đuổi trong chức vụ và đời sống các ngài là phải tìm kiếm vinh danh Thiên Chúa Cha trong Chúa Kitô” (Chức vụ và Đời sống các linh mục số 2). Bởi đó, linh mục đặt trọng trách hàng đầu là thi hành sứ vụ theo ý Thiên Chúa như Chúa Kitô và liên kết với Hội Thánh. Khi thi hành sứ vụ *“vinh danh Chúa”*, linh mục đem ơn thánh hóa cho mình, cho đời, dẫn mọi người tới ơn cứu độ của Chúa Kitô.

1. Sứ vụ thánh hóa con người.

Hơn ai hết, do thánh chức mời gọi, linh mục trở thành trung gian cá biệt giữa Thiên Chúa và con người. Linh mục phải chấp tay hướng về trời, để rồi mở bàn tay hướng ra xung quanh mình. Chính linh mục, qua kho tàng Ơn thánh, kho tàng Bí tích, qua Thừa tác vụ, qua vai trò ngôn sứ, tư tế, vương đế, ngài sẽ là người đến cùng Thiên Chúa, kết hợp cùng Chúa Kitô, múc lấy nguồn ân tứ thiêng thánh để ban tặng phàm trần. Chính linh mục mới là người làm dồi dào lễ sống cho những ai mình phục vụ, những ai mình tha thiết tìm đến, những ai tin mình, những ai nương nhờ mình, những ai tìm đến mình...

Đó là đời sống Sứ vụ. Sứ vụ của linh mục là một khoa chuyên biệt: “thánh hóa con người”. Sứ vụ vừa thiêng thánh, vừa phàm trần.

- Thiêng thánh vì nối tiếp Chúa Kitô mang ơn cứu độ cho con người.
- Phàm trần vì dù được thánh hiến, linh mục vẫn là người ở giữa mọi người.

Dù vậy, thừa tác vụ linh mục khiến linh mục cao quý: Mang sứ vụ thánh, linh mục làm cho khuôn mặt Thiên Chúa như cụ thể hóa qua công tác thi hành thánh chức của mình. Đồng thời linh mục tiến dâng con người, dâng nỗi khắc khoải, dâng từng mảnh đời, dâng nghị lực sống, dâng nỗi niềm, dâng tinh hoa... của nhân loại lên cùng Chúa. Nói như thánh Augustinô, thừa tác vụ khiến linh mục vừa hạnh phúc, vừa mang trọng trách, đó là làm Kitô hữu với anh chị em và làm linh mục cho anh chị em.

Sứ vụ thánh hóa của linh mục được cụ thể hóa nơi tất cả những công tác mà linh mục được mời gọi phải thi hành với lòng nhiệt tâm, với tình yêu dâng hiến như: lãnh đạo; giảng dạy; truyền giáo; đồng cảm và xoa dịu nỗi đau của con người; gìn giữ thuần phong mỹ tục, nền luân lý, lề luật Chúa, lề luật Hội Thánh; bảo vệ chân lý, công lý và nền bình an; cử hành bí tích và mọi nghi thức tôn giáo trong vai trò tư tế đại diện con người tôn thờ Thiên Chúa. Và công tác hàng đầu của sứ vụ linh mục là cầu nguyện: cho mình, cho thánh vụ của mình, cầu nguyện cho mọi người và trong mọi người.

Hãy nhớ mãi và đừng quên: trong sứ vụ thánh hóa con người mà linh mục tận tụy thi hành cách thánh thiện, hết lòng yêu mến, sẽ cho chính linh mục hiệp thông trọn vẹn với Chúa, như Chúa Giêsu đã nói: *“Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái”* (Ga 15, 5).

2. Sứ vụ của linh mục giữa lòng Hội Thánh.

“Nhờ đức tin và phép rửa, mọi tín hữu đều được hội nhập vào trong Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền; không một tín hữu nào thuộc về Giáo Hội phổ quát một cách gián tiếp, qua trung gian sự việc thuộc về một Giáo Hội địa phương, nhưng là một cách trực tiếp, cho dù việc gia nhập và sống trong Giáo Hội phổ quát có nhất thiết phải được thể hiện ra ở trong một Giáo Hội địa phương” (Giáo Hội như là mẫu nhiệm hiệp thông – Thư của Bộ Giáo Lý Đức Tin ban hành ngày 28.5.1992).

Hội Thánh không chỉ là Hội Thánh địa phương, mà phải là Hội Thánh tại địa phương trong tương quan với Hội Thánh hoàn vũ. Vì thế, sứ vụ của linh mục, dù được thực hiện nơi Hội Thánh địa phương, vẫn không bao giờ được phép loại trừ yếu tố phổ quát của cả Hội Thánh mà chính Chúa Kitô đã thiết định.

Hơn nữa, linh mục chỉ trở thành linh mục trong Hội Thánh mà chính Chúa Kitô đã thành lập và đổ máu cứu chuộc. Mang thánh chức linh mục của chính chức linh mục của Chúa Kitô, không thể nào linh mục tách mình khỏi Hội Thánh mà lại có thể là linh mục của Chúa Kitô.

Ngoài Hội Thánh hoàn vũ, còn có giám mục và anh em linh mục. Linh mục không là một bông hoa xương rồng giữa sa mạc trơ trọi, đơn lẻ. Đúng hơn, linh mục hoạt động trong tương quan với giám mục bằng thái độ vâng phục, yêu mến và đi theo đường hướng mục vụ của ngài. *“Anh em hãy vâng lời những người lãnh đạo anh em và hãy phục tùng họ, vì họ chăm sóc linh hồn anh em như những người sẽ phải trả lễ với Thiên Chúa”* (Dt 13, 17).

Kể đến, linh mục hiệp thông với linh mục đoàn trong tình yêu, sự nâng đỡ, thông cảm, sẻ chia, đón nhận, đôi khi cả tha thứ nữa... *“Tất cả anh em hãy đồng tâm nhất trí, thông cảm với nhau, hãy yêu thương nhau như anh em”* (1Pr 3, 8).

Hiệp thông với Chúa Kitô trong Hội Thánh và hiệp thông với Hội Thánh nhờ sứ vụ của Người, linh mục đã hoàn thành ý nghĩa hiến dâng mà mình đã chọn lựa để bước theo tiếng gọi của Thiên Chúa.

Chúa Kitô dành sự ưu ái cho linh mục, khi các ngài hoàn thành xuất sắc đời sống hiến dâng trong ơn hiệp thông trọn vẹn ấy: *“Anh em là bạn hữu của Thầy, nếu anh em thực hiện*

những điều Thầy truyền dạy. Thầy không còn gọi anh em là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu, vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha của Thầy, Thầy đã cho anh em biết” (Ga 15, 14-16).

II. HIỆP THÔNG QUA CHIỀU KÍCH SIÊU NHIÊN.

Mầu nhiệm Hiệp thông giới thiệu một tương quan mang hình Thánh giá. Nó vừa có chiều dọc, vừa có chiều ngang. Chiều dọc, Hiệp thông giúp ta gắn mình với Thiên Chúa, với Chúa Kitô. Chiều ngang, Hiệp thông dạy ta gắn mình với anh chị em, với những ai còn sống hay đã qua đời. Nếu hiệp thông trong sứ vụ, nhấn mạnh nhiều hơn đến chiều ngang, thì hiệp thông qua chiều kích siêu nhiên sẽ nhấn mạnh nhiều đến chiều dọc.

1. Hiệp thông trong nhân đức đối thần.

Ba nhân đức đối thần là chìa khóa cho từng cá nhân sống mầu nhiệm hiệp thông. Bờ đỉnh cao của hiệp thông phải là Thiên Chúa. Mọi ý nghĩa của hiệp thông phải bắt nguồn từ Thiên Chúa. Không có chiều dọc, không có hiệp thông đúng nghĩa, mà chỉ là một “tập thể” như bao tập thể trần gian.

Nhân đức đối thần giúp linh mục sống Mầu nhiệm Hiệp thông trọn vẹn giữa Thiên Chúa và con người, giữa linh mục với Thiên Chúa, giữa linh mục với con người. Qua đó, linh mục nhìn thấy Chúa nơi từng anh chị em, nơi cả cộng đoàn, nơi trách vụ lãnh đạo và thánh hóa của mình.

a. Đức Tin: Người linh mục được kêu gọi làm linh mục, chính là do ơn Chúa. Lãnh nhận ơn Chúa để làm việc trong vườn nho Chúa là cánh đồng truyền giáo trên mọi nẻo của cuộc đời, linh mục không thể không chìm đắm trong đức tin để múc nguồn ơn thánh.

Phải có đức tin, lời rao giảng mới nên hiệu nghiệm. *“Vì có được cùng một lòng tin như đã chép: Tôi đã tin, nên tôi mới nói; Chúng tôi cũng tin nên chúng tôi mới nói” (2Cr 4, 13).* Chúng ta chỉ có thể rao giảng trong đức tin. Nhờ đức tin gợi hứng, chúng ta trình bày giáo lý của Chúa Kitô, chỉ một giáo lý của Chúa Kitô mà thôi.

Không có đức tin, linh mục không còn là linh mục của Chúa, không còn là linh mục của Hội Thánh. Đức tin chính là “hương thơm” của linh mục. Trong đức tin, linh mục nói được như thánh Phaolô: *“Vì chúng tôi là hương thơm của Đức Kitô dâng kính Thiên Chúa, tỏa ra giữa những người được cứu độ cũng như những kẻ bị hư mất” (2Cr 2, 15).*

b. Đức Cậy: Nếu đức tin là chỗ dựa bình an cho việc giảng dạy đúng đòi hỏi của Tin Mừng và đúng giáo lý Hội Thánh, thì đức cậy là nguồn nâng đỡ mỗi khi chính vì phải làm chứng cho Tin Mừng, cho công lý, cho sự thật, cho lẽ sống của Hội Thánh, mà ta phải đối diện với thử thách.

Một khi sống giữa muôn người, trái ngọt và trái đắng đan xen, ngang qua sứ vụ của linh mục, chắc không là chuyện bất thường. Đức cậy đứng ra chống đỡ mọi gánh nặng, giúp ta vượt qua, không nản chí và mạnh mẽ bước tiếp.

Đức cậy dạy ta phó thác. Càng ghập ghềnh, càng khó khăn, càng bế tắc, càng phó thác và phó thác càng mãnh liệt: Đó là phó thác mình trong tay Chúa như Chúa Kitô: *“Lạy Cha, Con xin phó thác linh hồn con trong tay Cha” (Lc 23, 46);* Đó là phó thác riêng từng anh chị em và phó thác chung cả cộng đoàn mà mình có nhiệm vụ coi sóc cho Chúa: *“Tôi xin phó thác anh em cho Thiên Chúa và cho lời ân sủng của Người, là lời có sức xây dựng và ban cho anh em được hưởng phần gia tài với tất cả những người đã được thánh hiến” (Cv 20, 32);* Đó cũng là phó thác mọi hoàn cảnh, mọi biến cố, mọi bất trắc, mọi cảnh đời, mọi niềm vui, mọi nỗi buồn, mọi

thành công hay thất bại... trên đường mục vụ *“như mắt của gia nhân hướng nhìn tay ông chủ, và như mắt của nữ tỳ hướng nhìn tay bà chủ, mắt chúng con cũng nhìn lên Chúa là Thiên Chúa chúng con, tới khi Người xót thương chút phận”* (Tv 122, 21).

Niềm phó thác sẽ giúp ta chiến đấu cách quyết liệt và đầy tin tưởng: *“Chúng tôi bị dồn ép tứ bề, nhưng không bị đè bẹp; hoang mang, nhưng không tuyệt vọng; bị ngược đãi, nhưng không bị bỏ rơi; bị quật ngã, nhưng không bị tiêu diệt. Chúng tôi luôn mang nơi thân mình cuộc thương khó của Đức Giêsu, để sự sống của Đức Giêsu cũng được biểu lộ nơi thân mình chúng tôi”* (2Cr 4, 8-12).

c. Đức Mến: Dù là nhân đức cuối trong ba nhân đức đối thần, đức mến là nhân đức nền tảng, nhân đức máu chốt cho tình yêu hiệp thông của ta với Chúa. Từ đó nảy sinh tình yêu hiệp thông giữa ta với tha nhân.

Bằng câu chuyện về người cha của một đứa bé mà Tin Mừng theo thánh Marcô (9, 14-29) kể lại, sẽ chứng minh: Trong đức mến, ta sẽ nhìn thấy ba chiều kích giữa cá nhân với Thiên Chúa, giữa cá nhân với tha nhân và giữa Thiên Chúa với con người.

Đứa bé được kể là tình trạng bệnh rất nặng. *“Cháu bị quỷ ám ám. Bất cứ ở đâu, hễ quý nhập vào là vật cháu xuống. Cháu sùi bọt mép, nghiêng răng, cứng đờ người ra...”* (Mc 9, 18a).

Nhưng vượt trên tình trạng bệnh tật của em bé là nét đẹp tuyệt vời của tình yêu nơi người cha. Không chỉ yêu con mình, ông đã dành lòng yêu mến cho Chúa Giêsu. Đó là chiều kích thứ nhất: chiều kích giữa cá nhân với Thiên Chúa.

Lòng yêu mến khiến người cha tin và cậy trông vào quyền năng của Chúa. Ông cầu nguyện cho con ông: *“Nếu Thầy có thể làm được gì, thì xin chạnh lòng thương mà cứu giúp chúng tôi”* (Mc 9, 22b). Vì chữ “nếu”, ông bị Chúa trách ngược lại, thì lập tức ông tuyên xưng đức tin: *“Tôi tin! Nhưng xin Thầy giúp lòng tin yếu kém của tôi!”* (Mc 9, 24). Lòng tin của người cha, sự ao ước cho con mình được chữa lành đã chứng minh chiều kích thứ hai: chiều kích cá nhân với tha nhân.

Lòng yêu mến, niềm cậy trông và đức tin của ông đã cho ông kết quả thật lớn: con ông khỏi bệnh. Đó là chiều kích thứ ba: chiều kích giữa Thiên Chúa với con người. Thiên Chúa không bỏ rơi con người.

Như người cha trong Tin Mừng, các linh mục hãy xót thương đoàn chiên của Chúa, hãy săn sóc, hãy gìn giữ dù đoàn chiên thánh thiện hay khiếm khuyết. Hãy đến cùng Chúa, sống kết hiệp với Chúa luôn luôn, không bao giờ rời xa lòng từ bi của Chúa.

Linh mục hãy yêu mến Chúa trọn tình, trọn nghĩa, nhằm lôi kéo tình thương của Chúa, hồng ân của Chúa, niềm an ủi của Chúa trên cả đoàn chiên, và trên từng con chiên không phân biệt lành dữ, tốt xấu. Hãy nhớ, những gì mà người cha không thể làm cho con mình, thì Chúa Giêsu đã bù đắp cho ông.

Một mặt, đức mến sẽ cho ta hiệp thông trọn vẹn vào tình yêu của Chúa, để nhờ hiệp thông với Chúa, ta có Chúa và không còn sợ hãi. Mặt khác, nhờ đức mến, ta hiệp thông trọn vẹn với anh chị em, để nơi anh chị em, ta sẽ được bổ khuyết những gì còn thiếu sót nơi bản thân mình.

Chỉ trong đức mến, ta nhận ra khuôn mặt tình yêu rạng ngời của Chúa nơi từng con người và nơi cả cộng đoàn. Bởi không phải ta, nhưng là Chúa, Người luôn luôn lãnh đạo đoàn chiên. Người khẳng định rằng: *“Đây, chính Ta chăm sóc chiên của Ta và thân hành kiểm điểm... Con nào bị mất, Ta sẽ đi tìm; con nào đi lạc, Ta sẽ đưa về; con nào bị thương, Ta sẽ băng bó; con*

nào bệnh tật, Ta sẽ làm cho mạnh; con nào béo mập, con nào khỏe mạnh, Ta sẽ canh chừng. Ta sẽ theo lẽ chính trực mà chặn dắt chúng” (Ed 34, 11. 16).

2. Hiệp thông trong tình yêu Thiên Chúa Ba Ngôi.

Người Công giáo luôn tin rằng: Trong Chúa Thánh Thần, ta hiệp thông với Chúa Kitô. Nhờ Chúa Kitô, ta đến cùng Chúa Cha. Lãnh nhận Bí tích Truyền chức, Chúa Thánh Thần được trao ban để linh mục thi hành sứ vụ của Chúa Kitô, trong tình yêu sâu thẳm, tình yêu tận cùng của Chúa Cha và nhân danh cùng vinh danh Chúa Cha.

“Thiên Chúa là Tình Yêu” (1Ga 4, 16), tình yêu không thể là sự đơn độc buồn tẻ, mà là những tương quan, những hành vi yêu thương.

Nơi Thiên Chúa, tương quan và hành vi ấy hiện thực và trọn vẹn đến nỗi là những “Ngôi vị” cụ thể: Chúa Cha, Chúa Con, Chúa Thánh Thần.

Nhưng tình yêu ấy không nội tại nơi cung lòng Ba Ngôi, mà được trào tràn, được thông ban cho mọi thụ tạo, cách riêng cho loài người.

Một khi hiệp thông trong tình yêu Ba Ngôi, chúng ta được mời gọi bước vào đời sống của Ba Ngôi, nhờ hiến tế của Chúa Kitô nơi bí tích nguồn của ơn hiệp thông là Thánh Thể Chúa Kitô.

Linh mục cần khắc sâu tâm niệm này: **“Hiệp thông là ân sủng”**. Bởi chỉ khi Chúa đón nhận ta, ta mới có thể hiệp thông với Người. Chỉ khi Chúa cho phép ta, ta mới có thể sống bằng chính sự sống của Người. Nói cách khác, hiệp thông với Thiên Chúa là được Người mời gọi bước vào huyền nhiệm tình yêu của Người. Nhận lãnh tình yêu sung mãn và tròn đầy ấy, ta lại tiếp tục trao tặng tình yêu cho nhau. Trong Chúa, ta hiệp thông với nhau. Vì thế, sống chiều kích hiệp thông Ba Ngôi là sống ân sủng tràn đầy của Thiên Chúa, sống tình yêu mãnh liệt của mọi con người dành cho nhau.

Đối với linh mục, sống ân sủng hiệp thông là nền tảng của mọi hoạt động trong thánh chức. Chúa Giêsu đã tha thiết cầu nguyện cùng Thiên Chúa để mỗi linh mục kết hiệp với Người mà sống trọn vẹn ân sủng hiệp thông: *“Con cầu nguyện cho họ. Con không cầu nguyện cho thế gian, nhưng cho những kẻ Cha đã ban cho Con, bởi vì họ thuộc về Cha” (Ga 17, 9).*

Ngay trong lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, cũng hàm chứa sức sống của sứ vụ mà người linh mục thực hiện trong thánh chức của mình: *“Con không chỉ cầu nguyện cho những người này, nhưng còn cho những ai nhờ họ mà tin vào Con, để tất cả nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta” (Ga 17, 20-21).*

Sức sống của sứ vụ sẽ làm cho *“những ai nhờ họ mà tin vào Con”*. Vì thế, sứ vụ của linh mục hết sức cao đẹp: dẫn đưa con người về cùng Thiên Chúa.

Sứ vụ linh mục được gắn kết với Chúa Cha, nhờ Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần, trở thành một sứ vụ cao cả, to tát, là niềm hạnh phúc của chính linh mục, đòi linh mục phải giữ gìn, phải trân trọng và luôn luôn tỉnh thức để thấm mãi sự gắn kết ấy.

Hãy cầu nguyện để mỗi giây phút sống là mỗi giây phút chìm đắm trong tình yêu Ba Ngôi. Cầu nguyện để giữ mãi ân sủng hiệp thông trong suốt đời linh mục của mình với Ba Ngôi.

Hãy cầu nguyện, vì mỗi phút giây chìm đắm trong cầu nguyện để dâng lên Ba Ngôi sự tôn thờ, cũng chính là mỗi phút giây vinh danh chính linh mục. Cầu nguyện là sự sống còn của linh

mục và sự sống còn của tác vụ linh mục. Bởi một lẽ đơn giản: không cầu nguyện, không bao giờ có sự hiệp thông trong tình yêu Thiên Chúa Ba Ngôi.

3. Sống Bí tích Thánh Thể, nguồn ơn hiệp thông.

“Thánh Thể là nguyên lý và cứu cánh của thừa tác vụ Linh Mục” (Chức vụ và đời sống linh mục số 5; Chỉ Nam Đời sống Linh Mục năm 1994 số 48.)

Chúng ta vừa đề cập đến hiệp thông trong tình yêu Ba Ngôi. Nhưng Thánh Thể chính là cửa ngõ ban sự sống thần linh của Ba Ngôi. Khi cử hành Hiến tế tạ ơn của Chúa Kitô, linh mục và mọi Kitô hữu được bước vào cung thánh của sự sống thần linh nơi Ba Ngôi. Vì họ trực tiếp tham dự và hiệp thông với sự sống của Chúa Kitô, được Chúa Thánh Thần “thần hóa” để trở nên “Thiên Chúa” hơn.

Thánh Thể là suối nguồn và tột đỉnh của đời sống và sứ vụ của Hội Thánh, nên cũng phải là trung tâm đời sống và sứ vụ của linh mục. Theo thời gian, công việc, sức nặng của trách nhiệm có thể làm ta mỏi mòn, phai nhạt nhiệt huyết, đến với Thánh Thể, Chúa sẽ “nạp lại năng lượng”, tăng sức mạnh tông đồ cho ta. *“Hãy đến với Ta, hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, Ta sẽ nâng đỡ và bổ sức cho các ngươi”* (Mt 11,28). *“Chính ở bên cạnh Chúa mà Linh Mục tìm được sức mạnh và phương thế đem ta đến gần Thiên Chúa, khơi dậy đức tin và thúc đẩy hành động và chia sẻ”* (Chỉ Nam 1994 số 42).

Không chỉ đến với Thánh Thể, linh mục còn *“phải chăm lo sao cho Bí tích Thánh Thể trở thành trung tâm của cộng đoàn giáo xứ; ngài phải cố gắng làm cho tín hữu được dẫn dắt và nuôi dưỡng bởi việc cử hành sốt sáng các bí tích”* (Huấn thị Bí tích Cứu Độ số 32).

4. Sống Mầu nhiệm Hiệp thông giữa các Thánh.

“Sự hiệp thông này không giới hạn vào những người còn sống tại thế, mà còn là sự Hiệp thông với triều thần thánh trên trời, với các linh hồn còn chịu đau khổ trong luyện ngục” (Giám mục Bùi Văn Đọc – Tham luận tại Đại Hội Dân Chúa 2010).

Mọi tín hữu dù còn sống hay qua đời, đều đã được thanh tẩy, được trở nên công chính nhờ ơn Thánh Thần trong Bí tích Rửa tội. Tất cả đều được tháp nhập vào Chúa Kitô, nên một với Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần. Vì thế, dù tín hữu còn sống hay qua đời đều nên một với nhau, làm thành một Thân Thể Duy nhất là Hội Thánh.

Bởi vậy, trên đường trọn lành, không phải chỉ có những người đang sống chung quanh ta, nhưng còn là anh chị em đã vượt qua trần thế. Đó là Đức Trinh Nữ Maria, hàng hàng lớp lớp các thánh của Chúa, các linh hồn nơi luyện tội. Nhờ sự công chính, công nghiệp lớn lao và lời chuyển cầu của các ngài, chúng ta được Chúa ban ơn, gìn giữ và mạnh mẽ tiến về cùng Chúa.

Sống ơn hiệp thông, chúng ta cầu nguyện cùng các thánh, dâng hy sinh và cầu nguyện cho các linh hồn. Chúng ta cậy nhờ các ngài, hiệp thông với các ngài mà chúc tụng, tạ ơn Chúa và đền tội chúng ta.

III. KẾT LUẬN.

Con người chỉ tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống khi có được mối hiệp thông với Thiên Chúa và tha nhân. Được tạo dựng bởi tình yêu Thiên Chúa, con người chỉ sống đích thực khi nào đáp trả tình yêu đó bằng cách sống trọn vẹn tương giao thông hiệp với Chúa là Cha và với mọi người như anh em trong một nhà. *“Thật vậy, ví như thân thể người ta chỉ là một, nhưng lại có nhiều bộ phận, mà các bộ phận của thân thể tuy nhiều nhưng vẫn là một thân thể, thì Đức Kitô cũng vậy”* (1 Cr 12,12).

Tất cả chúng ta là Nhiệm thể của Chúa Kitô. Nếu một chi thể bị cắt khỏi thân thể, sẽ làm thân thể tàn tật, thì Nhiệm thể Chúa Kitô cũng vậy. Chúng ta không sống trong một Hội Thánh

để rồi làm cho Hội Thánh bị tật nguyền, mà hãy là một phần của Hội Thánh, góp hết sức mình yêu mến và xây dựng Hội Thánh.

Hội Thánh là Gia đình của Thiên Chúa ở trần gian. Là linh mục, chúng ta cố hết sức tạo mối tương giao thân thiện làm cho mọi người sinh hoạt trong Hội Thánh, đều cảm thấy như “ở nhà mình”: *“Anh em không còn phải là người xa lạ hay người tạm trú, nhưng là người đồng hương với các thánh, và là người nhà của Thiên Chúa”* (Ep 2, 19).

Xin Chúa ban cho mọi anh em linh mục chúng ta biết yêu mến Hội Thánh tại địa phương mình và cả Hội Thánh hoàn vũ, để trong khi xây dựng Hội Thánh địa phương, nơi được trao phó cho mình, chúng ta cũng biết làm cho cộng đoàn Hội Thánh địa phương tương hợp với cả gia đình Hội Thánh hoàn vũ.

VẤN TÂM

1. Lẽ ra, là linh mục, chúng ta phải luôn luôn xây dựng sự hiệp thông, luôn luôn là tác nhân của tình yêu hiệp thông, nhưng do bản tính con người yếu đuối, nhiều lần vô tình hay cố ý, chúng ta đã là chứng nhân, tệ hơn, hiện thân của sự chia rẽ. Giờ phút này, đặt mình trước Chúa Giêsu Thánh Thể, kiểu mẫu và nguồn ơn hiệp thông, chúng ta hãy thật lòng xin lỗi Chúa, xin lỗi anh chị em của mình.

2. Hằng ngày cử hành thánh lễ, cử hành Mầu nhiệm Thánh Thể, anh em linh mục đụng chạm tới “cửa ngõ” của tình yêu hiệp thông nơi Ba Ngôi. Nghĩa là đụng chạm tới siêu nhiên, đụng chạm tới thực tại quý giá trên hết mọi thứ quý giá nơi chính bàn tay mình. Nhưng chúng ta đã yêu mến thánh vụ của mình đến mấy mươi phần trăm? Chúng ta đã dành hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn hay chỉ giới hạn ở một mức độ nào đó cho Mầu nhiệm Cực Trọng này?

3. Bởi bí tích Thánh Thể là bí tích Cực trọng, linh mục hãy cố gắng hết sức xa lánh tội lỗi, chống lại cám dỗ và dọn mình chu đáo mỗi khi cử hành. *“Bất cứ ai ăn Bánh hay uống Chén của Chúa cách bất xứng, thì phạm đến Mình và Máu Chúa. Ai nấy phải tự xét mình, rồi hãy ăn Bánh và uống Chén của Chúa. Thật vậy, ai ăn và uống mà không xứng đáng là ăn và uống án phạt mình.”* (1 Cor 11,27-29).

Huấn từ của Đức Bênêđictô XVI tại Đại Hội Thánh Thể lần thứ 49 ở Québec cũng nhắc nhở: *“Tôi van nài các linh mục đặc biệt tôn trọng các nghi thức Thánh Lễ, và kêu gọi các tín hữu tôn trọng vai trò của mỗi cá nhân, cả linh mục lẫn giáo dân, trong các cử chỉ trong Thánh Lễ. Phụng vụ không thuộc về chúng ta mà là một kho tàng của Hội Thánh”*.

Giáo Luật 916 hướng dẫn cụ thể hơn: *“Ai ý thức mình phạm tội nặng và chưa xưng tội trước thì không được làm lễ và rước lễ, trừ khi có lý do quan trọng và không có dịp tiện đi xưng tội. Trong trường hợp này, họ phải tâm niệm về bốn phận thống hối trọn vẹn, bao gồm lòng dốc quyết đi xưng tội sớm ngần nào có thể.”*

Ngay lúc này, chúng ta cần suy nghĩ và kiểm điểm về những giáo huấn của Thánh Kinh và của Hội Thánh để nên xứng đáng hơn với Bí tích Hiệp Thông quý trọng, là chính Thánh Thể Chúa Giêsu

4. Là linh mục, chúng ta trèo lên con đường thập giá đến tận đỉnh đồi Golgotha, đến tận Chúa Kitô, một Chúa Kitô toàn thể vừa với thập giá và mào gai, vừa với vinh quang trên núi Tabo và chiến thắng phục sinh vinh hiển.

Sứ mạng linh mục là hướng dẫn những con người đau khổ vì đối nghịch và hận thù để họ không quay lưng lại với nhau, nhưng nhìn vào nhau cảm thông.

Với trách nhiệm vừa vinh quang vừa đầy thử thách, có thể đã có lần đã làm chúng ta ngã nhào, nhưng tin vào tình yêu của Chúa, cậy dựa vào trái tim rộng mở của Hội Thánh, chúng ta tiếp tục con đường của mình trong tin yêu và hy vọng.

HƯỚNG VỀ VĨNH CỬU

1. Là thân mình của Chúa Kitô, cộng đoàn Kitô hữu được mặc khải như một dân tộc cánh chung, vì hai lý do:

- Đó là cộng đoàn sống Thánh Thể, tức là cộng đoàn cử hành màu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô bằng cách ăn và uống Thức Ăn và Thức Uống đích thực của Nước Chúa, làm lương thực vĩnh cửu cho cuộc vượt qua đi về vĩnh cửu.

- Đó là cộng đoàn được quy tụ quanh bàn tiệc Thánh Thể, để thông phần sự sống của Chúa, nuôi dưỡng mỗi linh hồn trong cả cộng đoàn ấy ngay hôm nay và mãi mãi.

Lý thuyết về Bí tích Thánh Thể như trên, không linh mục nào không biết. Nhưng để hiệu quả và ích lợi cho việc tiến về cánh chung của chúng ta, các linh mục không chỉ biết mà hãy tâm niệm, hãy thúc bách mình tiến tới hơn nữa trên đường trọn lành để ơn ích mà Bí tích Thánh Thể mang lại càng ngày càng dẫn chúng ta tiến sâu vào tình trạng Nước Thiên Chúa hơn.

2. Cùng cộng đoàn Hội Thánh sống Màu nhiệm Hiệp thông, anh em linh mục cũng luôn để tâm và ý thức tất cả những hoạt động trong sứ vụ của mình đều hướng về cánh chung. Vì thế, cùng cả Hội Thánh chúng ta sống trong hy vọng các lời hứa của Chúa Kitô sẽ được thực hiện ở phía cuối đường đời của chúng ta.

3. Trong mọi kinh nguyện, trong mọi cử hành, chúng ta đều hướng về Chúa Kitô, để như Người, hiệp thông với Người, chúng ta nhìn thấy ánh sáng giữa bóng tối trần gian và sẵn sàng chọn lựa đi về phía ánh sáng. Đó chính là đời sống Phục Sinh của Chúa chúng ta mà mình được mời gọi tham dự vào.

4. Chính nhờ ánh sáng Phục Sinh của Chúa soi đường, chúng ta vượt qua tội lỗi để tiến đến sự thánh thiện, vượt qua tình trạng nô lệ đến tự do. Đó là ơn của Đấng Phục Sinh biến đổi chúng ta: *“Lương bổng mà tội lỗi trả cho người ta là cái chết; còn ân huệ Thiên Chúa ban không, là sự sống đời đời trong Đức Kitô Giêsu Chúa chúng ta”* (Rm 6, 22).

5. Hướng về màu nhiệm cánh chung, chúng ta hãy cảm tạ Chúa thật nhiều. Bởi ngay trong thánh chức linh mục mà Chúa khoát lên cuộc đời chúng ta, tự bản thân, đã mang chiều kích cánh chung. Vì:

- Như Lời Chúa nói: *“Con đã ban cho họ vinh quang mà Cha đã ban cho Con, để họ được nên một như chúng ta là một”* (Ga 17, 22).

- Trong thánh chức, Chúa mời gọi chúng ta không sống cho hôm nay, nhưng cho ngày mai. Chúa mời gọi chúng ta từ bỏ những gì là trần tục để hướng về thực tại là chính Chúa.

Chúng ta thật hạnh phúc vì được diễn tả thực tại Nước Trời ngay trong ơn gọi của mình, đang khi còn sống trên cõi đời này.

Vậy chúng ta hãy ra sức sống sát với thực tại Nước trời trong từng ngày sống hôm nay, để ngày mai chúng ta hãnh diện dự phần của Chúa trong bình an trường tồn, như Chúa Giêsu hằng ước mơ: *“Con muốn rằng, Con ở đâu, thì những người Cha đã ban cho con cũng ở đó với Con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của Con, vinh quang mà Cha đã ban cho Con”* (Ga 17, 24).

Lm. JB NGUYỄN MINH HÙNG

VỀ MỤC LỤC

GIÁ TRỊ THIÊNG LIÊNG CỦA THÁNH LỄ MISA.

Hỏi : Xin cha giải thích thắc mắc sau đây:

1- xin lễ với giá tiền cao và có nhiều cha đồng tế thì có lợi ích thế nào so với lễ Chỉ có một linh mục làm và người xin chỉ có ít tiền xin lễ ?

2- linh mục có được phép đi làm quảng cáo thương mại cho ai , và có nên xưng “con” với mọi người ở nơi công cộng hay không ?

Trả lời :

1- Về câu hỏi thứ nhất, xin được trả lời như sau:

Như tôi đã có đôi lần viết về vấn đề này , nhưng nay xin được nói lại một lần nữa về lợi ích thiêng liêng của Thánh Lễ Tạ Ơn (Eucharist) hay Lễ Misa (Missa).

Thánh lễ này được dâng trên bàn thờ ở khắp mọi nơi trong Giáo Hội ngày nay để diễn lại cách bí tích Bữa ăn cuối cùng của Chúa Giêsu với Nhóm Mười Hai Tông Đồ và Hy tế đền tội mà Chúa dâng lên Chúa Cha trên thập giá năm xưa để một lần đền tội thay cho toàn thể nhân loại khỏi phải phạt và chết đời đời vì tội.

Vì thế, Thánh Lễ Tạ Ơn hay Thánh Lễ Misa là đỉnh cao của đời sống Giáo Hội và của toàn thể Dân Chúa đang hiệp thông với Giáo Hội, vì Thánh Lễ là nguồn ban phát ơn Cứu Độ của Chúa Kitô cho chúng ta ngày nay cùng thể thức và mục đích của Hy Tế thập giá mà Chúa Kitô đã dâng lên Chúa Cha trên đồi Calvary xưa kia; đúng như Giáo Hội đã dạy trong Hiến Chế Tín Lý Lumen Gentium, là “ **mỗi lần hy tế thập giá được dâng trên bàn thờ, nhờ đó “Chúa Kitô, Chiên vượt qua của chúng ta chịu hiến tế (1 Cor 5:7) thì công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện.”** (LG số 3)

Nghĩa là qua Thánh Lễ , chúng ta hiệp thông cùng Giáo Hội dâng lời cảm tạ Chúa Cha cùng với Chúa Kitô và được lãnh nhận ơn cứu chuộc của Chúa một lần nữa lại tái diễn và ban phát cho ta ngày nay mỗi khi Thánh Lễ Tạ Ơn được cử hành ở khắp nơi trong Giáo Hội. Vì mục đích cao trọng này của Thánh Lễ nói chung, nên không có sự khác biệt nào giữa Thánh Lễ do một linh mục tầm thường cử hành , hay do Giám mục và cả Đức Thánh Cha cử hành cũng vậy, vì các vị này chỉ là thừa tác viên (ministers) khi dâng Thánh Lễ nhân danh Chúa Kitô (in persona Christ).Nghĩa là chính Chúa Kitô cử hành Thánh Lễ hay ban phát bất cứ bí tích nào qua tay thừa tác viên con người là Linh mục, Giáo mục hay Đức Thánh Cha.

Vì thế, không hề có sự khác biệt nào về mục đích và ơn ích thiêng liêng của Thánh Lễ do một linh mục cử hành hay do chính Đức Thánh Cha dâng trên bàn thờ như đã nói ở trên. Nói rõ hơn, dù Thánh Lễ chỉ có một linh mục tầm thường cử hành hay có giám mục và nhiều linh mục đồng tế thì cũng không có gì khác biệt về mục đích và ân sủng của Thánh Lễ. Phải nói lại điều này để đừng ai lầm tưởng rằng Thánh Lễ có nhiều linh mục đồng tế thì có giá trị thiêng liêng hơn Thánh Lễ chỉ có một linh mục cử hành.

Liên quan đến vấn đề tiền bồi lễ (mass stipends) tức là số tiền người xin lễ bỏ ra để xin một hay nhiều lễ cầu cho ai, thì cần thiết phải nói lại rằng : tiền xin lễ chỉ có mục đích trả thù lao cho linh mục cử hành, theo qui định của Giáo quyền địa phương và theo giáo luật. Thí dụ ở Mỹ, số tiền này được ấn định là 5 hay 10 đôla tùy mỗi giáo phận. Số tiền này chỉ có mục đích đãi ngộ cho linh mục cử hành Thánh Lễ theo tinh thần lời dạy sau đây của Thánh Phaolô :

“ anh em không biết rằng người lo các thánh vụ thì được hưởng lộc Đền Thờ, và kẻ phục vụ bàn thờ thì cũng được chia phần của bàn thờ sao?. Cũng vậy, Chúa truyền cho những ai rao giảng Tin Mừng phải sống nhờ Tin Mừng.” (1 Cor 9: 13-14)

Nghĩa là linh mục được quyền hưởng bổng lễ của người xin lễ theo qui định của giáo quyền địa phương.

Nhưng nếu giáo dân nghèo túng, không có tiền xin lễ, thì linh mục vẫn được khuyến cáo dâng lễ cho họ (giáo luật số 945 & 2) nghĩa là không được từ chối dâng lễ chỉ vì người xin không có tiền dâng cúng.

Một điều quan trọng nữa cần nói lại là linh mục không được phép đòi hỏi người xin lễ dâng số tiền cao hơn mức qui định của giáo quyền địa phương. Đòi tiền nhiều mới chịu dâng lễ là phạm tội mại thánh (simony) cần phải tránh.

Mặt khác, cũng cần phải nói lại ở đây một lần nữa là số tiền người xin lễ dâng cúng dù to hay nhỏ, dù chỉ có 5 đô hay 500 đô do hảo tâm của người xin lễ bỏ ra, **thì cũng không hề có ảnh hưởng gì đến việc Chúa ban ơn thánh của Ngài cho ai được hưởng ý lễ**. Nghĩa là ơn thánh của Chúa không thể mua được bằng tiền bạc và Thánh Lễ là vô giá (invaluable) vì không thể mua hay đổi trác được bằng bất cứ báu vật nào của con người. Xin nhớ kỹ điều này để đừng ai lầm tưởng rằng hễ bỏ ra nhiều tiền xin lễ, để được rao tên trong nhà thờ, được tháp thêm đèn nến và kéo chuông inh ỏi thì được nhiều ơn ích thiêng liêng hơn là chỉ có 5 đô xin lễ và linh mục âm thầm cử hành không ai biết đến. Số tiền nhiều hay ít chỉ có giá trị đãi ngộ cho một hay nhiều linh mục dâng và đồng tế Thánh Lễ chứ không có giá trị xin ơn thánh của Chúa ban cho người sống hay cho các linh hồn đã ly trần. Xin nhớ kỹ điều này để đừng ai phải áy náy khi không có nhiều tiền bỏ ra xin lễ, và có đồng linh mục đồng tế, hay chỉ có ít tiền xin một lễ không ai biết đến.

Nếu người chết mà khi còn sống đã quyết tâm yêu mến Chúa và tuân giữ các giới răn của Chúa thì dù sau khi chết, không được linh mục nào dâng lễ hay đồng tế, và cho dù xác của mình không được phép mang vào trong nhà thờ như đã xảy ra ở một địa phương kia bên nhà, thì cũng không thiệt thòi gì về mặt thiêng liêng. Ngược lại, một người khi còn sống đã xa lìa hay hoàn toàn chối bỏ Chúa bằng chính đời sống của mình cho đến khi chết, thì dù tang lễ, hay lễ giỗ có cả Hồng Y, giám mục và hàng trăm linh mục đồng tế thì cũng vô ích mà thôi. Chắc chắn như vậy.

Tóm lại, ơn thánh Chúa ban cho ai là hoàn toàn do lòng nhân hậu và công bằng của Chúa chứ không hề dính dáng gì đến số tiền lớn nhỏ của người xin lễ. Và một Thánh Lễ do một linh mục dâng cũng có giá trị như Thánh Lễ của Giám mục, Hồng Y hay chính Đức Thánh Cha, vì không phải cá nhân và phẩm chất của người cử hành mà là chính Chúa Kitô dâng lại hy tế thập giá và diễn lại Bữa Ăn sau hết của Người qua tay các thừa tác viên con người là linh mục, giám mục hay Đức Thánh Cha, cũng là giám mục trong chức năng (competence) như mọi linh mục và giám mục khác. Cho nên, không thể nói là tham dự Thánh Lễ của giám mục, hay của Đức Thánh Cha thì được nhiều ơn ích thiêng liêng hơn là tham dự Lễ của một linh mục không tên tuổi. Xin nhớ kỹ điều này mỗi khi đi tham dự Thánh Lễ.

2- Về câu hỏi thứ 2, xin được nói lại một lần nữa là linh mục của Chúa không thể kiêm thêm "**ngành thương mại**" để đi làm quảng cáo bán hàng cho một cơ sở thương mại nào; như một linh mục kia đã nằm dài trên chiếc ghế đẩu bóp để quảng cáo cho công dụng của loại ghế này. Làm như vậy là đã hạ giá vai trò và chức năng linh mục của mình, tự đồng hóa mình với những người buôn bán cạnh tranh trên thị trường thương mại, với những thủ đoạn lường gạt, xảo trá để mong bán hàng cho thật nhiều, bất kể hàng hóa của mình tốt hay xấu, cơ lợi hay làm hại người tiêu thụ.

Với chức năng (competence) là linh mục, thì chỗ đứng và nơi trình diễn của mình phải là bàn thánh,(Altar) giảng đài (pulpit) tòa giải tội (confessional) và giường bệnh nhân, chứ không thể là khán đài với micro cầm tay để kể chuyện tếu, hay hát những bài ca ướm át để giúp vui trong các tiệc cưới hay hội họp công cộng, nhất là đi rao hàng cho người khác trên truyền thanh và truyền hình.

Linh mục của Chúa Kitô không bao giờ được phép làm những việc này của người đời, nếu muốn sống và hành xử đúng cương vị của mình là linh mục.

Một điều đáng nói nữa là linh mục, khi đứng trước công chúng, thì không được tự hạ mình (cách giả dối, không xứng hợp) **khi xưng “con”** với hết mọi người lớn nhỏ.

Mình không được phép xưng “**cha**” với ai – trừ với mấy trẻ em, nhưng cũng không nên khiêm nhường giả tạo, lễ độ không đúng chỗ khi tự xưng “**con**” với hết mọi người trước công chúng.

Trong phạm vi riêng tư, như nói chuyện với mấy cụ già đáng tuổi cha mẹ mình thì linh mục có thể xưng “con” với họ theo văn hóa Việt Nam. Nhưng trước công chúng, với nhiều thành phần nam nữ lớn nhỏ, và thuộc các tôn giáo khác nhau, thì xưng “**con**” với mọi người là điều không chính đáng với tư cách là linh mục và cũng không phù hợp với lễ phép theo văn hóa Việt Nam. Xưng hô như thế vừa tự hạ giá mình không chính đáng mà còn gây khó nghe cho người khác, trong đó có nhiều người còn nhỏ tuổi hơn mình và không phải là tín hữu công giáo. Tại sao không xử dụng cách xưng hô bình thường và không có gì là thiếu lịch sự hay lễ độ như xưng “**tôi**” hay “**chúng tôi**” với người nghe, mà phải hạ mình cách không thích hợp khi xưng “**con**” với hết mọi người như vậy? Đức khiêm nhường (humility) của Kitô giáo không đòi hỏi phải làm như vậy.

Vì ngôn ngữ Việt Nam đặc thù hơn mọi ngôn ngữ khác, nên cách xưng hô cũng cần áp dụng cho đúng nơi đúng chỗ. Nếu người trẻ mà xưng tao gọi mày với người lớn là vô lễ, là thiếu giáo dục, thì linh mục mà xưng “**con**” với cả những người trẻ tuổi hơn mình thì lại là điều chướng tai, gai mắt xét về mặt văn hóa và theo phép lịch sự thông thường.

Ước mong ai đang vô tình hay hữu ý xưng hô không thích hợp như trên cần sử dụng lại cách xưng hô của mình trước công chúng để không làm phiền cho người nghe nói chung và cho người Công giáo nói riêng.

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn.

VỀ MỤC LỤC

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT



Mấy hôm nay trên các trang báo, các đài truyền hình, các websites, các blog và facebook nổ tung một lượng thông tin rất lớn về cuộc triển lãm Cải Cách Ruộng Đất (1946 – 1955) tại Hà Nội, cơn bão thông tin như xói lên vết đau mà lâu lắm rồi, 60 năm tưởng chìm vào quên lãng, chỉ ít là cũng tạm ngủ yên vì không mấy ai nhắc đến nữa. Bao nhiêu cảm xúc được phơi bày cho thấy, quả thật là một cuộc “cách mạng long trời lở đất” trong quá khứ còn hằn dấu cho đến hôm nay. Phản ứng mạnh và sâu rộng như thế này không biết đến bao giờ biến cố tang tóc này mới lắng xuống và trôi vào dĩ vãng ?

Cuộc cải cách ruộng đất những năm ấy ghi một dấu ấn sâu đậm vào cuộc sống gia đình tôi, cách riêng cha tôi, mà cho đến giờ chết ông vẫn còn chưa nguôi ngoai nỗi đau buồn. Không riêng gì nhà tôi, hầu hết các gia đình ở miền Bắc đa phần đều hứng chịu, người cách này kẻ cách khác, kể cả những gia đình đã vào Nam trước nhưng vẫn có liên hệ với họ hàng thân thuộc ở lại miền Bắc.

Năm 1945, khi Việt Minh nổi dậy cướp chính quyền, cha tôi, đang còn là một thanh niên, vội vàng bỏ lại người vợ trẻ và hai đứa con ở miền quê nghèo nàn của mình, trốn lên thành thị để tránh bị ruồng bắt. Cha tôi chẳng làm gì để phải mắc “nợ máu” với nhân dân, nhưng ông bị tìm bắt chỉ vì đã là chánh hội Nam Thanh (hội Thanh Niên Công Giáo trong Giáo Xứ thời bấy giờ), bị xem là lực lượng đối kháng với họ. Mẹ tôi kể “Bố vừa thoát ra khỏi nhà ban chiều, lúc sập tối, thì nửa đêm họ ập vào nhà lục soát tra khảo mẹ”.

Sau cái đêm kinh hoàng ấy, mẹ tôi đã tìm cách đưa đứa con trai đầu lòng trốn lên thành Nam theo bố, ông nội tôi thì giữ bằng được đứa con trai thứ hai ở lại quê để “hương khói tổ tiên”. Mẹ tôi sẽ tìm cách trở về làng “đánh tháo” đứa con này của mình, cha tôi sẽ đạo diễn “chiến dịch” ly kỳ ấy, vì không chịu được cảnh “cứ xối cơm lên là mẹ lại khóc vì mất con”.

Cuộc “bắt cóc” đứa con trai được thực hiện đúng ngày lễ Đức Mẹ lên Trời, bổn mạng của Giáo Họ, mọi người vui vẻ tham gia cuộc rước kiệu, ông nội tôi mãi mê đọc kinh đi theo kiệu, anh tôi thoát ra sau mật lệnh của thím út, hai mẹ con gặp nhau ở bãi tha ma rồi cầm đầu chạy. Cuộc đào thoát diễn ra ban đêm, hai mẹ con băng qua các cánh đồng chứ không dám chạy trên mặt lộ sợ bị bắt lại. Khi đến được nơi an toàn là bến đò, hai mẹ con xuống núp ở một canô chờ chiếu đi buôn. Lúc này mẹ tôi mới phát hiện ra túi bánh kẹo cha tôi mua, dặn trao cho thím út mang về làm quà cho mọi người, vẫn còn đeo nguyên bên người... Sau này, năm 1975, các anh tôi phải đi tù cải tạo xa, nhiều tháng ngày không tin tức, một lần nữa mẹ tôi lại nhiều phen băng rừng tìm con, bà lồng lộn lên như con thú bị mất con, quyết tâm dành lại cho bằng được.

Di cư vào miền Nam rồi, ngày được tin ông nội tôi mất, cả nhà bao trùm một bầu khí thê lương. Bố tôi ngồi rầu rĩ không nói gì, mấy ngày trôi qua trong im lặng đáng sợ, chỉ có tiếng thở dài của bố và của mẹ, thỉnh thoảng các chú tôi đến nhà, mấy anh em lại ngồi vò đầu thở dài với nhau. Mấy ngày sau bố tôi tổ chức phát tang rồi đi dâng lễ ở Nhà Thờ, tôi đọc kinh trong nỗi buồn hiu hắt. Sau này nhờ Ủy Hội Quốc Tế, các danh thiếp liên lạc Bắc – Nam cho chúng tôi biết rõ hơn về cái chết của ông. Sau 30 tháng 4, chính cô tôi vào Nam kể lại nhiều chi tiết đau xót hơn nữa.

Ông tôi, một nông dân nghèo, sở hữu 2 công ruộng, bị xếp loại địa chủ lồi ra đầu tổ. Cả cuộc đời chân lấm tay bùn, cày cấy trên chính mảnh ruộng của mình còn không đủ ăn lấy ruộng đâu ra mà cho tá điền làm thuê? Tính tình ông nhân hậu, cho người hàng xóm mượn vài yền thóc, thế cũng đủ là nguyên nhân để bị kết tội địa chủ. Người ta vin vào việc ông có thóc cho vay, chính người hàng xóm từng được vay thóc đã quay ngược lại vu cáo ông tôi, rồi mấy người trong xóm theo phong trào, nhảy dựng lên mà kể tội, bảo “lắm của nhiều bạc nên mới phè phỡn sáng chiều chỉ mỗi một việc đến nhà thờ đọc kinh” !?!

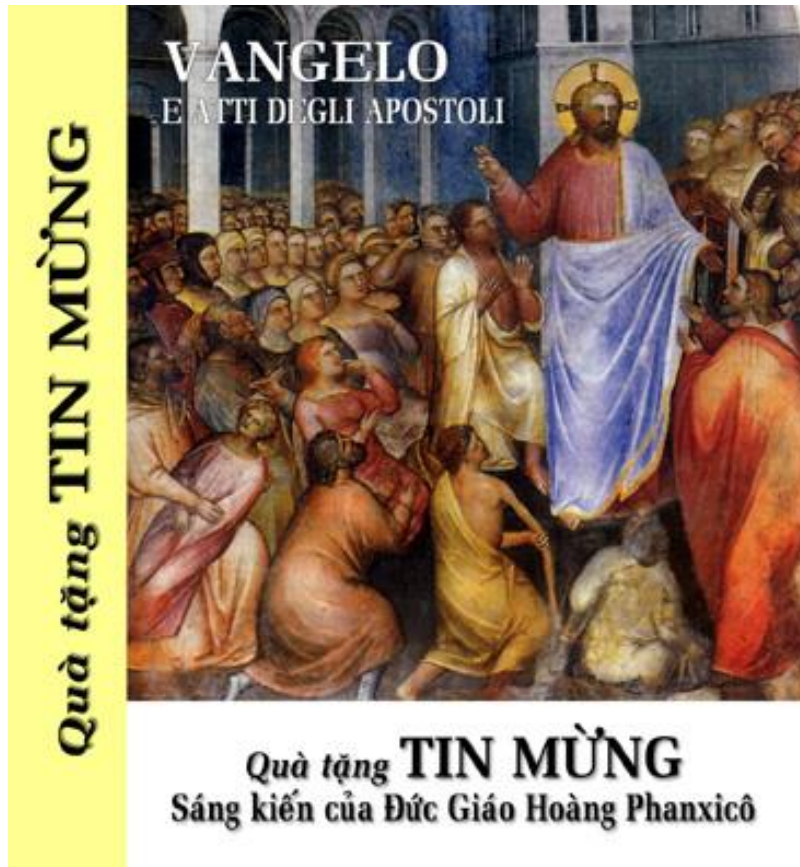
Tòa Án Nhân Dân quyết định xử tử hình ông tôi. Đêm trước ngày thi hành án, cô tôi nắm một nắm cơm bỏ vào sân đình nơi nhốt ông tôi để ông ăn đỡ đói, khi bỏ vào đến nơi trói ông tôi, sờ vào người thì ông tôi đã mất rồi, người cứng đờ không còn biết gì nữa, cô tôi sợ quá không dám phản ứng gì, lẳng lặng bỏ ra. Hôm sau họ đem xác ông ra vùi ngoài bãi tha



ma, đến con ruột cũng không dám thắp nén hương cho bố, mãi sau này mới đem cải táng về chung trong lăng mộ của gia tộc.

Cũng sau năm 75, người hàng xóm từng cầm đầu đám đông đứng lên đầu tố ông tôi tìm vào Nam, ông ta tìm đến thăm gia đình tôi và ngỏ lời xin lỗi, cha tôi lắng lắng không một lời trách cứ. Sau bữa cơm mời khách, cha tôi bảo mẹ tôi cho họ ít tiền xe.

Khách về rồi, cha mẹ tôi bùng nổ xung đột, khi có khách bà nhịn không nói, khách đi rồi, bà bảo sao lại có thể dọn cơm đãi đằng kẻ đã vô ơn bất nghĩa, đã góp phần làm hại cha của mình cơ chứ. Cha tôi vẫn không một lời, gương mặt ông hằn lên nỗi đau khổ. Sau này khi ông đau nặng, những ngày tôi kề cận bên ông, nghe ông tâm sự, tôi mới hiểu ông bị dẫn vật về tội bất hiếu, đã vắng mặt trong những ngày khốn khổ của cha mình.



Không ai có thể đo được sự tàn phá của một chính sách tàn ác và sai lầm, nỗi đau len lỏi vào tận từng tâm hồn con người nạn nhân, di chứng đến nhiều thế hệ. Cái cách thi hành chính sách "cải cách ruộng đất" làm sụp đổ cả một hệ thống đạo đức xã hội, phá tan tình làng nghĩa xóm, gia đình anh em họ hàng ruột thịt, nó cắt nghĩa tại sao tội ác về sau này sẽ hoành hành hung tợn, con người sẽ chém giết nhau không gớm tay.

Người tin vào Chúa đứng trước thách đố vô cùng to lớn, nếu thật sự vững tin vào Chúa, phải chứng minh được rằng Tin Mừng có sức hàn gắn, chữa lành và thay đổi mọi sự. Mỗi người tùy theo lương tâm mách bảo mà dần thân cho sự sống của dân tộc mình, dần thân để không chỉ mang lại sự sống, nhưng còn là Sự Sống dồi dào bất diệt (x. Ga 10, 10).

Lm. VĨNH SANG, DCCT, 13.9.2014

VỀ MỤC LỤC

SYRIA: TRUYỀN BÁ BẠO ĐỘNG CÒN NGUY HIỂM HƠN CẢ SÚNG ĐẠN

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Gần đây phong trào Quốc Gia Hồi Giáo ISIS đang rầm rộ nổi lên ở Iraq rồi lan sang Syria đã gây nên những cảnh tượng kinh hồn mà thế giới văn minh không thể chấp nhận được. Chặt đầu, đóng đinh đối phương chết trên thập giá, cả những trẻ con.... là những hình phạt chỉ thấy ở thời thượng cổ. Vậy mà ISIS đã đang làm.

Syria bị chiếm đóng bởi quân chiến đấu Hồi Giáo ISIS không phải là điều tệ hại nhất đang xảy ra ở quốc gia này. Cái tệ hại hơn là những tên giảng giải, truyền bá và khuyến khích bạo động đang hô to nói lớn trong các đền thánh và đền thờ Hồi Giáo / mosques để rao truyền hận thù và tuyển mộ những đạo quân tuổi trẻ.

Theo như tin tức cuộc họp báo của Đại diện Tòa Thánh ở Aleppo, Đức Ông George Abou Khazen với sự hiện diện của người kế vị là Giám mục Giuseppe Nazzaro, đã trả lời câu hỏi của phóng viên Zenit là có phải tín đồ Hồi Giáo trong vùng đó thuộc phái cực đoan không, thì Đức Ông trả lời: *“Dân Hồi Giáo ở Syria thì rất ôn hòa, và đang tiếp tục ôn hòa. Họ vẫn được khuyến khích và truyền giảng như vậy trong các đền thờ.”*

Nhưng hiện nay -Đức Ông nói thêm- quân chiến đấu ngoại quốc không những chỉ mang quân đội đến mà còn cả những giáo lý viên Hồi Giáo và chiến đấu quân Saudis Hồi Giáo nguyên thủy thuộc Al Qaeda bắt đầu giảng dạy một loại Hồi Giáo hoàn toàn khác, và họ tuyển mộ cả những trẻ nít.” Ngoài ra họ còn thiết lập những tòa án Hồi Giáo để xét xử cả những người Syria do những quan tòa *ceceno / cực đoan*. Nói cách khác, nếu người cha nhận thấy và tố cáo là con gái mình bị người Hồi Giáo bắt cóc thì trước tòa, ông ta sẽ phải đối diện với một chiến đấu quân không khác gì một tên quá khích và tàn bạo.

Để có một ý tưởng về những kẻ đó là ai, Đức Ông Khazen đã chỉ rõ những vị cường quyền tối cao Hồi Giáo ở Saudi Arabia (Granh Mufti of Saudi Arabia) năm ngoái đã đưa ra một phán quyết được đăng tải trên nhiều báo chí, nhấn mạnh là: ***“Bất cứ ai tin rằng trái đất quay chung quanh mặt trời là bất trung, bởi lẽ đáng tiến bổi của tôi ở thập niên 70 đã nói như vậy, và không một ai được quên rằng nó không đáng được sống.”*** Dựa trên phán quyết đó, -Đức ông thêm- quý vị có thể tưởng tượng đạo quân ISIS như thế nào.

Câu hỏi của Zenit về tình trạng của Aleppo, sau ba năm chiến tranh, bây giờ ra sao? Đức Ông cho biết “rất là khó khăn”, về vấn đề điện nước và an ninh, đâu đâu cũng bị pháo kích và ngày nào cũng có người chết. Thành phố bị chia hai: có vùng bị quân nổi loạn kiểm soát, có vùng quân chính phủ. Quân phiến loạn thường kiểm soát và chiếm đóng thị trấn. Ngày nay quân đội Syria mở rộng vùng kiểm soát và có thể cung cấp nhu cầu. Phi trường bị đóng cửa vì “họ nhắm bắn cả những chuyến bay dân sự.” Đức ông cho biết thêm: cho đến nay không ai biết được số phận của các giám mục và linh mục bị bắt cóc mang đi ra sao và các dòng nữ tu ở Aleppo có còn ở đó hay không.

Câu hỏi ai đã cung cấp tài chánh cho những quân kháng chiến này đã được Đức Ông trả lời là “Ai cũng biết rõ chuyện này cả rồi. Nó phát xất từ Saudi Arabia và Qatar. Tuy nhiên, Thổ Nhĩ Kỳ ít yểm trợ hơn, chỉ về phương diện lý luận cổ vấn thôi. Nếu họ thực sự muốn chấm dứt tình trạng này thì họ đừng gửi quân đội và huấn luyện người nữa, đừng cung cấp khí giới cho họ nữa.” Dĩ nhiên -Đức Ông nói thêm- có “một quốc gia khác” cũng liên đới vào việc này.

“Một năm trước đây, khi mà quân phiến loạn chỉ là người Syria thì vấn đề lại khác; không có bạo động và quá khích như thế này, vẫn có kính trọng nhau. Bây giờ quân chiến đấu là những quân ngoại quốc. Có nhiều người trước kia hy vọng rằng mùa xuân sẽ nở hoa, nhưng nay họ nhận thức ra là không thể được.”

Khi Đức PHANXICO viếng Đất Thánh, ngài nói rằng dân chúng ai cũng biết điều đó. Tin tức đến khi nào có ánh sáng và người ta có thể đọc được những tin đó. “Ngoài ra chúng tôi cũng có thể chuyển đạt những tin tức đó,” ĐO nói thêm là dân chúng nói: “Chúng tôi ước mong Đức Thánh Cha cũng sẽ đến đây nữa.”

Về tình trạng di chuyển những Kito hữu, ngài nói rằng vào năm 1968, khi chính phủ trước của cha Assad đã quốc hữu hóa các trường học, lần đầu tiên các Kito hữu đã ra đi về Lebalon

vì họ nghĩ rằng con cái họ có thể tiếp tục có một nền giáo dục Kito giáo. Đó là “thời kỳ tai họa kinh khủng”, ĐO nói.

“Ngay từ lúc đầu, cha của Assad đã khởi đầu gây khó khăn, mặc dù ông là người cuối cùng làm đảo chánh cướp chính quyền. Ông không muốn nhóm Sunni mà là Alawite. Những năm cuối đời, cha của Assad bắt đầu thả lỏng mọi sự; đến con ông thì sự cởi mở rộng rãi hơn, hầu như mọi phương diện như du lịch, thương mại, và có an ninh đầy đủ.”

ĐO Khazen cho biết thêm “không có thống kê về người Kito Giáo còn ở lại Syria,” mặc dù trước chiến tranh số người Kito hữu có chừng 250,000 trong thị trấn dân cư 4.5 triệu người. Hiện nay –ngài nói thêm- chừng 60% Kito hữu còn ở lại.”

Kết luận, vị đại diện Tòa Thánh bày tỏ hy vọng “Hiện nay, Syria có thể tiếp tục sống còn như một quốc gia ôn hòa, đa nguyên/đa tôn giáo và thế tục.”

Nhìn chung, chủ trương quốc gia Hồi Giáo ISIS là kẻ thù chung của toàn thế giới, là khủng bố lây lan từ Đông qua Tây tới Mỹ là chủ đích của họ cho đến khi toàn thế giới nằm dưới tay Hồi Giáo bằng bạo động, trong đó Hoa Kỳ là kẻ thù số một. Ngoài nước thì loạn lạc giặc dã tứ tung, trong nước thì rối loạn mọi mặt, ký giả công dân Hoa Kỳ bị ISIS công khai chặt đầu để làm gương, nhưng Obama cứ tỉnh bơ con cá vàng, đi nghỉ hè, đánh golf thường xuyên như không có gì xảy ra. Từ quốc hội đến báo chí truyền thông, những người ưu tư về an ninh và uy quyền của Hoa Kỳ đối với thế giới, hỏi TT Obama có kế hoạch gì đối phó ISIS không thì ông trả lời “Tôi không có strategy gì cả”! Hỡi ơi, một tổng thống của một nước cường quyền số 1 trên thế giới!

Nhưng bây giờ thì ông bắt buộc phải bước theo đuôi thế giới. Khối NATO đã đứng lên hô hào chống lại ISIS thì Obama mới thập thò cái kế hoạch / Strategy 3 năm một cách yếu xìu! Hãy chờ coi.

Fleming Island, Florida

August 28, 2014 / Sept 7, 2014

[VỀ MỤC LỤC](#)

GIÁO LÝ VỀ ĐỨC BÀ MARIA (TRÌNH BÀY ĐẠI Ý CUỐN SÁCH KHẢO LUẬN CỦA DOMINIQUE CERBELAUD)

Trần Văn Toàn

Trong số 215 (02/02/2014) đặc san **Giáo Sĩ Việt Nam** đã đưa lên mạng lưới bài « Vấn đề tôn sùng Đức Bà Maria », đã in năm 2003 trong tạp chí TRIẾT ĐẠO (Hoa Kỳ). Vấn đề được đặt ra nhân dịp đọc ba tài liệu của hai nhà thần học là Tissa Balasuriya và Bruno Chenu, và của vị Hồng-y Ratzinger (sau này là đức giáo tông Biển-Đức XVI). Về cuối bài, trong phần Tái bút, tôi mới chỉ nhắc đến tên cuốn sách nghiên cứu rất công phu của nhà thần học Dominique Cerbelaud thuộc dòng Đa-minh, là : **Marie, Un parcours dogmatique, TS Cogitatio fidei**, số 232, NXB Cerf, Paris, 2004. Nay xin trình bày đại ý cuốn sách để tu bổ hồ sơ cho đầy đủ hơn.

Trái lại với trường hợp Balasuriya đã bàn trước đây (đã bị rút phép thông công làm trong một năm), Cerbelaud chỉ mới bị một vài người bên Pháp lên tiếng là không đồng ý, nhưng không sao cả, vì chưa có vị nào đưa ra được lý do gì để làm khó dễ.

Sau đây xin trình bày mấy đề tài cốt yếu của cuốn sách, rồi đưa ra một vài nhận xét, để ai nấy rộng đường suy xét về vấn đề tôn sùng Đức Bà Maria, sao cho hợp với Phúc âm^[1] và với giáo lý.

1 – Giáo lý và các lối sùng đạo

Trong bài viết trước đây, tôi đã đưa ra mấy lý do làm cho lối sùng đạo của dân công-giáo hơi thiếu thăng bằng : một là quan-niệm thần-học đã có chỗ lệch-lạc, hai là vì không tham-gia được vào lễ-nghi cử-hành bằng tiếng La-tinh. Có thể nói thêm là còn vì thiếu bản dịch Thánh-kinh ra tiếng Việt, cho nên không tiếp-xúc được thăng với lời Chúa. Và vì thế hay hội nhập văn hóa, bằng cách tựa theo tôn-giáo bình-dân cổ-sơ mà thờ-phượng và tôn-sùng. Cái lệch lạc nói đây là ở chỗ người ta quên, không để ý đến Chúa Giêsu Ki-tô là môi giới độc nhất giữa Thiên Chúa và loài người, cho nên tìm nhiều môi giới khác : trên trời thì có Đức Bà và các thánh, dưới đất thì có vị giáo tông, đôi khi được coi như là đại diện Chúa Ki-tô đang ở dưới đất này.

Trong chương IV, tác giả Cerbelaud nhận định là giáo lý và các lối sùng đạo phải đi đôi với nhau. Thường thì giáo lý phải là tiêu chuẩn định hình và kiểm soát cho các lối sùng đạo và sống đạo, nhưng khi các lối sùng đạo bộc phát trong dân gian lại định hình cho giáo lý, thì thật là có vấn đề. Vấn đề là sau bao nhiêu thế kỷ các lối sùng đạo bộc phát mạnh mẽ như thế, nếu không căn cứ vào tiêu chuẩn Phúc âm, thì dần dần rất dăm có khuynh hướng chuyển thành những tín điều trong giáo lý.

11 – Đặt thêm các ngày lễ trong phụng vụ.

Cerbelaud nhận định rằng trong ba thế kỷ đầu tiên của giáo hội, thì các ngày lễ và lễ nghi đều đặt trọng tâm vào công việc chuộc tội của Chúa Ki-tô, và thỉnh thoảng có nói đến Đức Bà, nhưng là như vai trò phụ thuộc.

Riêng tôi, tôi dám chắc là Đức Bà cũng chẳng có lấy gì làm tội phạm, vì chính người đã khiêm tốn mà thưa rằng : « Này tôi là tôi tá Đức Chúa Trời ». Nhưng rồi trong những thế kỷ tiếp theo đó đã có những thay đổi lớn. Theo như tôi hiểu thì có lẽ vì những cuộc tranh cãi về Đức Ki-tô trong tín lý của các nhà thần học, thì quá sức trừu tượng đối với giáo dân ít học, cho nên lòng sùng đạo dần dần chuyển hướng về Đức Bà và các thánh. Và vì trong Phúc âm rất ít nói về Đức Bà, cho nên người sùng đạo về tìm trong văn chương bình dân với khá nhiều sách « ngoại thư » (apocryphes)^[2], giàu tưởng tượng, đã viết ra sau Phúc âm khá lâu.

Trước khi trở lại với Cerbelaud, thiết tưởng cũng nên chú ý rằng cuốn lịch của giáo hội thì gồm có hai phần. Phần thứ nhất gọi là « temporal », kỷ niệm ơn cứu chuộc, chia ra làm hai mùa : mùa Phục sinh, sửa soạn từ mùa chay, qua mùa thương khó, cho đến khi hoàn thành vào lễ Phục sinh, lễ ĐCG lên trời, rồi lễ ĐCTT hiện xuống ; và mùa Giáng sinh, sửa soạn từ mùa « vọng » cho đến lễ Ba Vua. Phần thứ hai gọi là « sanctoral », kỷ niệm các thánh đã được nhờ ơn Chúa cứu chuộc. Phần này đã được rất mực phát triển, và các giáo tông, nhất là Đức Gio-an Phao-lô đệ nhị, đã tuyên thánh cho rất nhiều tội tớ của Chúa.

Chỗ đứng của Đức Bà chính ra là ở phần thứ hai này, nhưng, như Cerbelaud trình bày, từ thế kỷ thứ IV trở đi, khuynh hướng tôn vinh Đức Bà đã dần dần đưa chỗ đứng của người về phần thứ nhất.

Vào năm 336, giáo hội đặt lễ Giáng sinh (Đức Bà sinh ĐCG nơi hang đá) vào ngày 25 tháng 12 dương lịch, vốn là ngày lễ mừng mặt trời của người ngoại đạo. Từ đó, tính ngược lên chín tháng, ngày 25 tháng 3 phải là lễ Truyền tin. Rồi 40 ngày sau lễ Giáng sinh, là ngày 2 tháng 2, lễ Đức Bà dâng ĐCG trong đền thánh. Đó là những lễ có căn cứ vào Phúc âm.

Các lễ về sau thì căn cứ vào quan niệm bình dân trong các « ngoại thư ». Vào thế kỷ V, người ta mừng lễ sinh nhật Đức Bà ngày 8 tháng 9 ; tính ngược lên chín tháng thì ngày 8 tháng 12 phải là ngày bà thánh Anna chịu thai Đức Bà. Rồi sau đó đặt ra lễ dâng Đức Bà trong đền thánh. Cerbelaud viết : « Người ta có cảm giác là các sách « ngoại thư » như có dụng ý là trình bày song song Đức Mẹ và Chúa Con. » (tr 109). Từ đó đã đưa Đức Bà ra chỗ cao xa hơn các thánh^[3], và gần chỗ ĐCT ba ngôi hơn.

Sau này, vào thế kỷ XIII, các cha dòng thánh Phan-xi-cô mừng lễ Đức Bà đi viếng bà thánh Y-sa-ve ; đến năm 1475, giáo hội đặt lễ đó trong lịch vào ngày 21 tháng 5 (giữa lễ Truyền tin và lễ Giáng sinh). Tiếp theo là lễ Đức Bà là nữ vương, ngày 22 tháng 8. Lại còn lấy ngày thứ 7 trong tuần lễ làm ngày dâng kính Đức Bà.

Ngoài các lễ kể trên, thì các bài hát kính Đức Bà lại càng nói lên địa vị cao trọng của Đức Bà. Ta nên chú ý rằng giáo hội thường rất để ý đến lời cầu nguyện sao cho phải phép : ta xin Chúa thương xót chúng tôi , nhưng ta xin Đức Bà và các thánh cầu cho chúng tôi. Thế nhưng, ngày xưa cũng như ngày nay, những người đặt ra lời ca có thi vị thì thật là quá nhiều, lại thường không phải là những nhà thần học cân nhắc từng chữ, cho nên rất dễ nói « quá lời », mà giáo quyền cũng khó kiểm soát cho xuể, ấy là nếu không đưa theo.

Ví dụ như trong bài « Sub tuum praesidium » (tk IV), thì lời cầu nguyện là nói thẳng với Đức Bà, và xin Đức Bà phù hộ và cứu cho khỏi nguy – và đây lại chính là hai đặc quyền của Thiên Chúa. Rồi trong bài « Salve Regina » (Lạy nữ vương mẹ nhân lành), tk XI, thì như Cerbelaud viết : « Ở đây đã thấy có khuynh hướng đưa về cho Đức Bà những đặc tính của ba ngôi Thiên Chúa » (tr 115) : Mẹ nhân lành cũng như Chúa nhân từ, và ĐB là Chúa bầu, là đáng an ủi, cũng như Đức Chúa Thánh Thần là đáng an ủi và là « trạng sư ». Người đã khiêm tốn xưng mình là tôi tá ĐCT, thì nay được tôn lên làm nữ vương.

Chưa hết. Tuy Phúc âm không có nói gì, nhưng người ta suy tính rằng « Chúa Giê-su sống lại trước hết đi viếng Đức Mẹ » mới là hợp tình hợp lý. Vẫn biết giáo hội giữ đúng phép, ca tụng một mình Chúa là « Tu solus sanctus », là « Chúa rất thánh » (panagios), nhưng rồi người ta lại cứ chuyển đặc tính đó cho Đức Bà, gọi là « rất thánh Đức Bà » (panagia), vượt cao lên trên các thiên thần và trên hết các thánh. Thế rồi sách Diễm-ca trong Cựu Ước cũng lại được áp dụng vào Đức Bà.

Trong phạm vi nghệ thuật, thì người ta nghĩ thánh Lu-ca là họa sĩ, cho nên chắc là có vẽ hình Đức Bà. Vào thế kỷ XIII, thánh Phan-xi-cô sáng chế ra hang đá máng cỏ, để giáo dân có được trước mắt và hình dung ra một cách cụ thể quang cảnh lễ Giáng sinh. Vào thế kỷ XIV, thì các họa sĩ vẽ ra cảnh « Pietà », là cảnh Đức Bà ôm con sau khi tháo khăn. Như thế, Cerbelaud cho rằng « Đức Bà Maria đã được đưa vào phạm vi Thiên Chúa » (tr 127).

Đi thêm một bước nữa, trong giáo hội công giáo, người ta bắt đầu vẽ hình Đức Bà một mình, mà không có kèm Đức Ki-tô nữa. Có hình Đức Bà cầu nguyện hoàn toàn hướng về Thiên Chúa. Rồi có hình Đức Bà đưa hai tay hướng về dưới đất, để nhận lấy lời cầu xin và để ban ơn (Đức Bà ban ơn) (tr 127), như Chúa vậy.

Nói tóm lại là những đặc tính của ba ngôi Thiên Chúa đã được chuyển dần dần sang Đức Bà.

Thực vậy, nhiều đặc điểm của Chúa Thánh Thần được chuyển sang Đức Bà : « Đức Bà bầu chửa kẻ có tội », « Đức Bà yên ủi kẻ âu lo » (tr 129). Khi nói « Rất Thánh Đức Bà chịu thai bởi phép ĐC Thánh Thần », thì người ta cũng nói lên một cách rất tự nhiên : Đức Bà là bạn thanh sạch ĐCTT.

Đức Bà là hình ảnh Chúa Ki-tô : thánh I-rê-nê-ô gọi Đức Bà là bà Êva mới, cũng như Đức Chúa Giê-su là ông tổ phụ A-đam mới. Dần dần đi đến chỗ coi Đức Bà là đồng công cứu chuộc với Chúa Giê-su, và vì thế đã có người đạo đức ở Việt Nam lập ra dòng Đồng công. Đức Bà còn là hình ảnh Đức Chúa Cha, vì cùng có con là Đức Chúa Giê-su, vừa là Thiên Chúa, vừa là người ta. Cerbelaud kết luận : « Người giáo dân sùng đạo sẽ thường có khuynh hướng nâng cao Đức Bà lên một vị trí do đặc ân của Chúa ba ngôi, và vì thế việc tôn kính Đức Bà gọi là hyperdulia, là phép tôn kính cao cấp (tr 131).

12 - Các cách thức tôn sùng bên ngoài phụng vụ

Như ta biết, các cha dòng thánh Đa-minh đã chuyên môn khuyến khích việc lần hạt, như tràng hoa hồng kính Đức Bà. Vào thế kỷ XVII, XVIII, thì các cha dòng Tên đặt ra « tháng Đức Bà », là tháng 5, và đã được Tòa Thánh chuẩn y năm 1821. Theo cái gương sùng đạo ấy, năm 1855 người ta đã chọn thêm tháng 3 làm tháng ông thánh Giu-se, năm 1868 chọn tháng 10 làm tháng Mân-côi (Rosariô), năm 1873 chọn tháng 6 làm tháng Trái tim ĐC Giê-su.

Đặc biệt nhất là phép lần hạt. Cốt yếu là kinh Kính mừng, trước gọi là kinh Ave, là lời thiên thần chào Đức Bà khi truyền tin – ta biết là còn có kinh Truyền tin nữa. Kinh này có nguồn gốc trong Phúc âm (PA thánh Lu-ca 1, 28). Nếu các thầy dòng đọc 150 thánh vịnh làm kinh cầu nguyện, thì giáo dân ít học cũng có thể đọc 150 kinh Kính mừng thay vào đó. Đến năm 1480 thì bên nước Ý, người ta có sáng kiến rất hay là chia 150 kinh ra làm 15 lần 10 kinh, mỗi lần thì suy niệm về một mầu nhiệm trong đạo. Như ta biết, 15 mầu nhiệm đó lại chia làm 3 hồi, gọi là năm sự vui, năm sự thương và năm sự mừng. Gần đây đức giáo tông Gio-an Phaolo đệ nhị, rất có lòng kính Đức Bà – với khẩu hiệu Totus tuus (xin hoàn toàn là của Mẹ) – đã nói rộng cái khuôn khổ ấy và thêm vào đó 5 mầu nhiệm nữa, gọi là năm sự sáng (mystères lumineux), nhưng hình như không mấy ai để ý.

Đến năm 1571, mùng 7 tháng 10, thì quân binh Công giáo thắng quân Hồi giáo của vua Selim II ở Lepante, do đó người ta đặt ra lễ Đức Bà Mân-côi vào chính ngày mùng 7 tháng 10. Trong sách lễ của chúng ta còn có nhiều lễ Đức Bà hơn nữa.

Có lẽ kinh cầu Đức Bà là kinh tóm tắt được hết các lý do để tôn kính Đức Bà. Vào cuối thế kỷ XIII thì có giai thoại nói là cái nhà thánh (santa casa) của thánh gia đã được các thiên thần di chuyển từ đất thánh về thành Loretta, tỉnh Ancona, nước Ý. Đức giáo tông Sixtô thứ V đã chấp nhận kinh cầu Đức Bà làm kinh nguyện chính thức của giáo hội.

Cerbelaud phân tích kinh cầu, và nhận định như sau : trước tiên thì có 12 câu (trong tiếng Việt thì bắt đầu bằng chữ « Đức Mẹ ») nói lên rằng người là mẹ ; 5 câu tiếp theo (bắt đầu bằng chữ « Đức Nữ ») nói lên người là trinh nữ ; rồi 13 câu (bắt đầu bằng chữ « Đức Bà ») nêu lên những tước hiệu của một số nhân vật trong Cựu Ước được áp dụng cho Đức Bà ; 4 câu sau nói lên chức vụ của Đức Bà, ví dụ như « yên ủi kẻ âu lo » ; 12 câu sau cùng thì tôn Đức Bà là « nữ vương ». Như thế thật là tôn vinh Đức Bà « trên hết thiên thần cùng trên hết các thánh ». Vì thế riêng tôi cũng không lấy gì làm lạ, khi thấy trong các sách đạo của ta ngày xưa quen dùng tước hiệu « Đức Chúa Bà ».

Tôi xin thêm vào đó một nhận xét riêng là : trong các kinh cầu khác, thì giáo hội nhắc lại trong mỗi câu những việc mà Chúa Giê-su hay là các thánh đã làm trong khi còn sống. Nhưng trong kinh cầu Đức Bà thì lại không nói đến những việc mà Đức Bà đã làm khi còn sống, mà chỉ nói lên các tước hiệu cao sang mà sau này giáo hội cao tuyên về Đức Bà.

Tôi cũng chú ý một điểm nữa là : trong tiếng Việt thì ông cha ta đã dùng những khẩu hiệu có thêm chữ « Đức », rất kính cẩn : « Đức Mẹ », « Đức Nữ », « Đức Bà » ; trong khi đó thì bản tiếng la-tinh và bản chữ Hán (gọi là kinh cầu chữ), chỉ nói là : « Mẹ » / « mater » / « mẫu », « Virgo » / « trinh nữ ». Rồi khi xướng lên các tước hiệu, thì bản dịch tiếng Việt nói thêm cho rõ :

« Đức Bà là ... » hay : « Đức Bà như ... », chứ không nói cụt ngắn như : « tòa đáng không ngoan » / « sedes sapientiae » / « thượng trí chi tọa », hay là : « đền vàng » / « domus aurea » / « hoàng kim chi điện », v.v.

Sau cùng, tôi xin nhắc lại là : tuy đã rất mực đề cao Đức Bà như thế, nhưng trong phần đầu và phần cuối kinh cầu, giáo hội vẫn không quên giữ cho đúng phép, là « xin Chúa thương xót », « xin Chúa tha tội », « xin Chúa nhậm lời », và trong phần chính thì xin Đức Bà « cầu cho chúng tôi ».

Cũng phải chờ cho đến Công đồng Vaticano II mới hạn chế được ít chút phong trào thi đua tuyên dương Đức Bà, như xưa có người đạo đức đã nói : « De Maria nunquam satis (về Maria thì không bao giờ nói cho đủ được) ». Rồi sau này, chính đức giáo tông Biển Đức XVI cũng cho biết là đã nhận được đó đây nhiều đơn xin tuyên bố tín điều Đức Bà đồng công cứu chuộc, nhưng người nhất định không chịu.

13 - Đức Bà hiện ra, và lòng sùng đạo của quần chúng

Trong các cách thức tôn sùng bên ngoài phụng vụ thì những nơi hành hương là nơi rất sầm uất, quần chúng thường nô nức đi như trẩy hội, mà giáo quyền có lên tiếng bảo phải dè dặt thì cũng không có hiệu quả là bao nhiêu : Cerbelaud gọi lối sùng đạo bộc phát như thế nhiều khi là lối sùng đạo « hoang dại » (religieux sauvage) (tr 137). Như đã nói trong bài trước đây, nhà thần học Bruno Chenu cũng đồng ý rằng cần phải điều chỉnh sao cho hợp với Phúc âm, và nhà thần học Josef Ratzinger (Biển Đức XVI) cũng nhận xét là trong đó không có mặc khải gì mới lạ cả.

Trong giới công giáo có khá nhiều nơi được tiếng là nơi Đức Bà đã hiện ra, Có tiếng vào hạng nhất là Lourdes (Lộ-Đức) ở Pháp, Czenstochowa ở Ba-lan, ở Việt Nam thì có La-Vang, v.v. Còn có nhiều nơi khác nữa, tuy giáo quyền dè dặt không chấp thuận, nhưng dân chúng vẫn cứ tổ chức đi trẩy hội.

Trong những trường hợp đó, Cerbelaud nhận xét rằng những người được ơn thấy Đức Bà hiện ra thì « thường là những người ít học, nhất là đàn bà con gái, vào tuổi thiếu niên hay là trẻ thơ ». Ông viết tiếp : « Những kẻ « bé mọn » như thế mà được tiếp xúc trực tiếp với thế giới trên trời, làm cho ta nhớ đến cuối thời Trung cổ ở trong giáo hội la-tinh : những người được ơn thiêng liêng bí nhiệm như thế thường là phụ nữ ít học, họ nói là đã được mắt thấy tai nghe những điều mặc khải riêng. Thế đã rõ là trong trường hợp Đức Bà hiện ra, ta nhận thấy đó là điển hình chống đối lại hàng giáo sĩ, mà chống nhau từng nét (một bên là đứa con gái trẻ thơ vô học, bên kia là giáo sĩ, người đàn ông lớn tuổi, có học thức). Có lẽ chính vì cái khuynh hướng chống giáo sĩ đó, mà giáo quyền phải lúng túng khi gặp hiện tượng ấy, không biết phải xử trí thế nào cho phải. Người ta thấy rõ thái độ lúng túng như thế, không biết dàn xếp sao cho ổn thỏa trong cuộc khủng hoảng về thần bí cuốn thời Trung cổ » (tr 138).

2 – Tín điều công giáo : Đức Bà vô nhiễm nguyên tội (1854)

Đây thực là một sáng kiến mới lạ của tông tòa Roma. Thực vậy, như Cerbelaud đã nhận xét, cho đến giữa thế kỷ XIX, thì mỗi lần có xác định một tín điều, thì giáo hội phải cẩn thận họp công đồng để bàn luận và giải quyết một vấn đề đức tin chính yếu đang gây ra bất hòa. Nhưng lần này thì tông tòa Roma, tuy không có ai đặt vấn đề - vì tín điều này không phải là trọng tâm chính yếu, không phải là « lẽ cần phải tin cho được rồi linh hồn » - đã đơn phương tự ý xác định và tuyên bố Đức Bà vô nhiễm nguyên tội, mà không có họp công đồng nào cả. Lý do viện ra là niềm tin đó trong giáo hội « xưa nay vẫn đã được tuyên dương ở khắp mọi nơi ». Cerbelaud cho biết là lý do đó không đúng hẳn (tr 141).

21 – Tín điều không hiển nhiên

Niềm tin này không hiển nhiên, vì nhiều lý do.

Thứ nhất là vì, từ thế kỷ II, cho đến thế kỷ V, có nhiều vị giáo phụ - ví dụ như Origêne, Tertullianô – cho rằng Đức Bà không phải là không có khuyết điểm hay tội lỗi gì.

Thứ hai là quan niệm chủ trương Đức Bà là « rất thánh » cũng không được công nhận. Nói thế khác, Đức Bà cũng phải được Chúa cứu rỗi, cứu cho khỏi tội.

Phải chờ đến cuối thời Trung cổ thì mới có ít nhà thần học, nhất là thuộc dòng thánh Phan-xi-cô, đưa ra ý kiến là Đức Bà « vô nhiễm ». Sau đó thì ngày 17/09/1439 trong công đồng ở Bâle (Thụy-sĩ) mới đưa ra giả thuyết là Đức Bà được hưởng đặc ân của Chúa.

22 - Hệ thống các tín điều công giáo

Liên quan giữa « nguyên tội » và « vô nhiễm nguyên tội »

Cerbelaud viết : « Vấn đề Đức Bà Maria vô nhiễm nguyên tội là căn cứ vào lý thuyết về tội tổ tông truyền.. Ngoài bối cảnh đó ra thì vấn đề đặt ra không có nghĩa lý gì hết ...Thế rồi công đồng Tridentinô tuyên bố đó là tín điều^[4], và rồi chính cái tín điều tuyên bố năm 1854 thì lại cũng căn cứ vào đó » (tr 157).

Tội tổ tông truyền ^[5] (nguyên tội) được đưa vào sổ các tín điều

Tội tổ tông truyền là do thánh Augustinô đề xướng ra, nhưng thật rắc rối, là vì thánh nhân đã hiểu lầm hai chữ « in quo » trong thư thánh Bảo-lộc viết cho giáo hữu thành Roma, đoạn 5, câu 12. Thực thế, thay vì hiểu hai chữ « in quo » (ở giống đực, neutre) là « vì lẽ » ^[6], thì thánh nhân lại nghĩ chữ « in quo » là ở giống đực, masculin, cho nên hiểu là : « trong tổ phụ A-đam » thì mọi người đã phạm tội. Theo đúng như thần học đó, người công giáo VN ở miền bắc trước đây thường đọc trong kinh sám ơn chịu lễ đoạn : « Xưa bởi tổ tông chúng tôi ăn lá cấm cho nên thiên hạ mất sống, ...Xưa bởi tội A-dong truyền thì mọi người đều mắc tội hết cả thầy ».

Vì hiểu như thế, cho nên giáo hội thấy là cần phải « rửa tội cho trẻ thơ », vì nếu không thì nhờ nó chết thì không được lên thiên đường, mà phải xuống « âm phủ », cũng giống như « ngục tổ tông » vậy.

Tín điều Đức Bà vô nhiễm nguyên tội (08/12/1854)

Về tín điều này, Cerbelaud đưa ra nhận xét : thường thường thì các tín điều trước đây căn cứ vào Thánh kinh. Đàng này khác : người ta bắt đầu từ lập trường của giáo quyền, rồi mới tìm chọn trong Thánh kinh những câu nào có thể biện hộ cho lập trường đã có.

Như thế đã rõ là đức giáo tông có một ảnh hưởng quyết định. Cerbelaud viết : « Chính vào thời kỳ phải tạm rời giáo đô về Avignon mà các giáo tông bắt đầu mừng lễ (bà thánh Anna) chịu thai Đức Bà, mà không xét gì đến các lễ nghi trong phụng vụ trước đây ở ngoài thành Roma », và rồi cứ cho rằng : « cầu nguyện thế nào thì phải tin như thế ấy » (tr 167), tuy rằng về điểm này trong giáo hội, từ thời các giáo phụ vẫn còn có nhiều ý kiến bất đồng.

Liên quan giữa tín điều này và tín điều Đức Giáo tông không sai lầm.

Nếu tín điều Đức Bà vô nhiễm nguyên tội khó được chấp nhận ^[7], thì chỉ cần tin rằng đức giáo tông không sai lầm được, rồi áp dụng ngược lại là xong. Đó là giải pháp của Tòa thánh Roma.

Tôi muốn thêm vào đây cho rõ là : công đồng Vaticano I chưa kịp bàn đến các điều quan trọng thì đã phải bỏ dở, phải đình lại vì chiến tranh giữa Pháp và Đức (1870), nhưng cũng vội tuyên bố tín điều Đức giáo tông không sai lầm được. Tuyên bố, lấy uy tín của mình mà tuyên bố cho mình, chứ không có thảo luận cho đáo lý như các công đồng về trước^[8]. Cerbelaud nhận xét (tr 175) rằng cách làm việc như thế chưa từng thấy trong giáo hội. Đó là điều mà một nghị phụ có mặt trong công đồng, là giám mục C. J. Hefele, cai quản giáo phận Rottenburg, và là chuyên gia đã viết bộ lịch sử các công đồng (Conciliengeschichte, 9 tập, 1855-1890), đã phản nài cay đắng trong các thư viết cho nhà cầm quyền ở Stuttgart ^[9].

Kết quả là một số giáo sư thần học, đứng đầu là Dollinger, đã không chịu, rồi bị rút phép thông công và ly khai với giáo hội Roma mà lập thành phái « Cựu công giáo (Vieux catholiques / Altkatholiken) », hiện nay vẫn còn, nhất là ở Hòa-lan. Một thế kỷ sau, nhà thần học, giáo sư Hans Küng cũng viết sách đặt lại vấn đề ^[10].

Để kết luận, Cerbelaud viết : « Thực ra, cho dù văn kiện Ineffabilis Deus có dài lời giải thích mấy đi nữa, thì cả trong Thánh kinh và trong sách các giáo phụ, cũng không có gì hết để biện hộ cho thuyết chủ trương Đức Bà Maria vô nhiễm nguyên tội. Vì hồ sơ thánh kinh và giáo phụ rất là nhẹ, cho nên phải cho lời dạy của đức Giáo tông là thật nặng đồng cân, thì mới xuôi » (tr 176).

3 – Tín điều : Đức Bà linh hồn và xác lên trời (1950)

Tuy rằng nhiều vấn đề chưa được thảo luận cho đáo lý, nhưng một khi đã chịu nhận rằng đức giáo tông không sai lầm được, thì tín điều mới này cũng không còn gặp trở ngại gì nữa. Chỉ cần lý luận là biết được mà thôi. Thực vậy, vì cho rằng tội nguyên tổ có liên quan đến cái chết (Sáng thế ký 2, 2), và vì không mắc tội nguyên tổ, cho nên Đức Bà không phải chết, mà có chết thì thân xác cũng không bị tiêu tan, lại được Đức Chúa Con đưa lên trời cả hồn lẫn xác (assumptio), mà không phải chờ ngày tận thế.

Lý luận là như thế, nhưng lần này, trong văn kiện Munificentissimus Deus. đức giáo tông tránh không đi vào những chi tiết khó hiểu nữa.

Thực ra thì trong Thánh kinh không có nói gì hết về việc này. Mấy thế kỷ đầu cũng không ai nói gì. phải chờ đến cuối thế kỷ V, mới thấy trong vô số các « ngoại thư » (apocryphes) bàn đến việc Đức Bà đi sang thế giới bên kia (transitus Mariae), nhưng lại suy luận khác nhau, không có đồng ý là đi như thế nào. Người thì cho rằng Đức Bà chỉ ngủ thiếp đi thôi (dormitio), và đến ngày thứ ba thì được đức Ki-tô đem lên trời (Assumptio / Analepsis). Người khác thì cho rằng Đức Bà đã được Chúa cho sống lại và đem lên thiên đường. Lại còn có người chỉ nói rằng Đức Bà không chết và cả hồn lẫn xác đã được đưa lên trời. Nói ra thì dễ, vì tin rằng Chúa có quyền phép mầu nhiệm vô cùng, nhưng thật khó mà tưởng tượng ra được, vì trời là gì ? là trong không gian hay ở ngoài không gian ?

Văn kiện kể trên chỉ nói lý thuyết chung chung và tránh không đi vào chi tiết khó hiểu, nhưng lại cũng không nói lên là gốc tích không lấy trong Thánh kinh, nhưng lấy từ các « ngoại thư ». Lập luận thì vẫn một điệu như sau : a), đó là việc nên làm, b) Chúa có phép làm được, c) cho nên Chúa đã làm như thế.

Cerbelaud nhận xét như sau : cứ sự thường thì có hai tình trạng : a) ai nấy mắc tội nguyên tổ (đây là bình diện siêu nhiên) và vì thế phải chết (đây là bình diện tự nhiên), hai bình diện ấy liên quan với nhau như thế nào thì không biết, nhưng Đức Bà được coi là ngoại lệ, do đặc ân của Chúa (tr 195). Thật là khó hiểu, nhưng có thể thôi.

4 - Để kết luận

Cerbelaud để ra tất cả chương VII, để nói lên rằng từ thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ XX, thì đã có nhiều tâm hồn đạo đức thánh thiện đã đưa nhau tôn vinh Đức Bà lên gần như là Thiên Chúa, như : Louis-Marie Grignon de Montfort (1673-1715), Alphonse de Liguori (1696-1787), Maximilien Kolbe (1894-1941), kể cả Leonardo Boff (có chân trong nhóm thần học giải phóng). Thêm vào đó thì, như ta biết, đã có những người vận động xin đức giáo tông tuyên bố Đức Bà đồng công cứu chuộc (trong đó chắc là có dòng Đồng công), nhưng không được.

Sau đó tác giả đưa ra nhận xét rằng đó là khuynh hướng muốn vượt ra ngoài các công đồng của toàn thể giáo hội và tập trung quyền bính vào đức giáo tông. Ông viết : « Việc tuyên bố các tín điều hình như không còn phải là để giải quyết những vấn đề khó khăn nội bộ của giáo hội, nhưng là để đề cao uy quyền giảng dạy của Tòa thánh Roma » (tr 213). Cũng phải chờ cho đến công đồng Vaticanô II, mới thấy khuynh hướng đó được hạn chế lại trong khuôn khổ giáo lý.

Đọc hồ sơ đến đây, tôi xin đưa ra một vài nhận xét về hồ sơ Đức Bà và về vị trí của tông tòa Roma, là hai vấn đề có liên quan với nhau.

A - Về Đức Bà thì như ta thấy, trong các học giả và nhiều người đạo đức, có kẻ nói đi, người nói lại, và nói nhiều lắm, khó mà thêm vào được gì mới. Có điều là hình như ít ai nói tới đức khiêm nhường của Đức Bà đã tự xưng là tôi tá Đức Chúa Trời. Đó là điều mà trong phụng vụ chính thức, giáo hội rất hay nhắc tới, như trong bài hát kinh Magnificat (Linh hồn tôi tán dương Đức Chúa, Lc 1, 46-55). Giáo dân Việt Nam vẫn không quên kính bầy sự thương khó Đức Bà và vẫn nhớ « Đức Bà là gương nhân đức ».

B - Về Tông tòa Roma, thì Cerbelaud đã nói nhiều về việc tập trung quyền bính, và mới chỉ nhắc qua là công đồng Vaticanô II bắt đầu hạn chế lại. Thiết tưởng cần phải nói tiếp thêm cho rõ, nếu không thì người ta rất dễ hiểu lầm về giáo hội. Ở đây tôi xin mượn ý kiến của nhà thần học Pierre Dentin viết về Giáo tông ^[11].

Đại ý như sau : tông tòa Roma đã tranh đấu để việc đạo không bị các vua chúa phân đời lợi dụng làm phương tiện chính cho cho chính quyền, nhiều khi là bạo quyền. Đồng thời đi đến chỗ tập trung quyền bính. Không tập trung như thế thì giáo hội mất thống nhất và chia làm vô số môn phái tự trị, không ai bảo được ai, như trong các giáo hội Tin lành. Biết thế các giáo hội Tin lành đã cổ vũ phong trào Đại kết, nhưng không phải là dễ, vì có tới hơn 22 nghìn giáo hội tự trị, và giáo hội công giáo đông hơn tất cả và thống nhất hơn thì buổi đầu lại không muốn tham gia, mà rồi khi tham gia thì lại mạnh quá. Nhưng tập trung như thế lại làm cho mất tính cách đồng liêu của các giám mục công giáo, làm cho các vị này thành ra như công chức để tông tòa sai bảo vậy. Dentin viết : « Khi người anh cả cho mình là gia trưởng và muốn cai quản các em như là những người thừa hành mệnh lệnh của mình, thì gia đình sẽ sớm ly tán » (tr 35). « Giáo tông, đó là một chức vụ, chứ không phải là một phép bí tích » (tr 37). « Giáo tông chỉ có một chức vụ là làm giám mục giáo phận Roma » (tr 37).

Lập trường cho rằng giáo tông không sai lầm, hay là « vô ngộ », cũng là một trở ngại lớn cho việc thống nhất các giáo hội. Chính vì các giáo hội Tin lành đã nhân danh Thánh kinh mà ly khai, cho nên Tông tòa Roma trong vòng ba trăm năm đã cấm giáo dân không được đọc Thánh kinh : chỉ cần nghe đức giáo tông giảng dạy giải thích là đủ rồi. Biết như thế là bế tắc, cho nên hai vị giáo tông Gio-an XXIII và Phao-lô Gio-an II đều đã tuyên bố sẽ không bao giờ giảng dạy « ex cathedra », nhân danh giáo hội có ơn « vô ngộ » Chúa ban cho ^[12].

Muốn cai quản cả và hội thánh, cần phải lập ra một bộ máy hành chính rất tinh vi và lâu đời, tức là giáo triều (curie), mà thành phần là các vị hồng y lại là do giáo tông đặt ra. Công đồng Vaticanô II muốn hạn chế, cho nên nhắc lại tính cách đồng liêu của các giám mục, cùng cai quản hội thánh với đức giáo tông. Thế nhưng ngay thời đức giáo tông Gio-an Phao-lô II thì, như Dentin viết : « Đức giáo tông Gio-an Phao-lô II không còn cai quản giáo hội nữa, nhưng là

cái « tập đoàn giáo sĩ trị » (lobby hiéocratique », gồm chừng mười nhân vật có tai mắt trong giáo triều, mà người đứng đầu là vị hồng y Sodano » (tr 40). Khi đức giáo tông bị kiệt sức, thì tập đoàn này càng lấn át quyền hành ^[13]. Người ta cứ nhân danh đức giáo tông, rồi tự tiện làm như ý riêng mình. Năm 1985, Đức giáo tông có giao cho vị hồng y Godfried Danneels, tổng giám mục Malines-Bruxelles, nghiên cứu vấn đề rồi cho ý kiến. Vị này cũng phàn nàn về giáo triều như thế.

Sau đó Đức giáo tông Biển-Đức XVI, cựu giáo sư thần học, rất am hiểu vấn đề, cũng không làm gì được. Và người đã từ chức giáo tông. Cũng may cho giáo hội là đức giáo tông Phan-xi-cô mới đây đã thay đổi hẳn lối làm việc : những người trong tập đoàn kia, nhất là hồng y Sodano, trước đây đã lạm quyền thì nay đã được cho nghỉ việc, và từ đây người chọn ở ngoài giáo triều một số hồng y đại diện cho các lục địa trong thế giới công giáo, để làm cố vấn cho mình. Với sự can đảm mở ra đường lối mới, đức giáo tông làm cho giáo dân ngày càng thêm hi vọng và lạc quan về tương lai giáo hội.

^[1] Tôi dùng kiểu nói « sao cho hợp với Phúc âm » là để giải cho rõ nghĩa chữ « évangéliser (la piété mariale populaire) ». Chữ bây giờ có một vài người ưa dùng cụm từ có chữ « -hóa » cho nó gọn, rồi dịch chữ « évangélisation » và « nouvelle évangélisation » ra là « phúc âm hóa » và « tân phúc âm hóa », nhưng như thế thật là tối nghĩa, không biết có ý nói là « giảng dạy phúc âm », « làm cho thành phúc âm », hay là « làm cho hợp với phúc âm » !

^[2] Tôi nghĩ là không nên dịch là « nguy thư », vì ở đây người ta thường chỉ muốn thêu dệt cho đẹp, chứ không có ý làm nguy chống lại Phúc âm. Và nhất là vì chẳng lẽ lại nói rằng việc tôn sùng Đức Bà thêu dệt ra là chống lại Phúc âm.

^[3] Về sau này, giáo hội gọi việc thờ phượng Chúa (culte) là latria, việc tôn kính các thánh là dulia (do chữ Hi-lạp doulos là tôi tá : tôn kính các tôi tá của Chúa), rồi đặc biệt gọi việc tôn kính Đức Bà là hyperdulia, tức là dulia cao cấp. Trong kinh kính Đức Bà hằng cứu giúp thì giáo dân Việt Nam lại đọc : « Con muốn làm tôi Mẹ cách trọn hơn, là phó hết mình trong tay Mẹ ».

^[4] Ngày 17/06/1546.

^[5] Về tội tổ tông truyền thì từ hơn nửa thế kỷ nay đã có nhiều sách vở. Nay tôi chỉ xin giới thiệu một cuốn sách tập thể, vừa vấn tắt, vừa là tổng hợp : LE PÉCHÉ ORIGINEL – Heurs et malheurs d'un dogme, Sous la direction de Christophe Boureux et Christoph Theobald, Coll. Concilium, Éd. Bayard, Paris, 2005, 216 p.

^[6] Bản dịch VN của Nhóm Phiên dịch các giờ kinh phụng vụ : « Do đó cũng như vì một người duy nhất, mà tội đã xâm nhập trần gian, và vì tội, sự chết cũng đã xâm nhập ; như thế sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi lẽ mọi người đã phạm tội » (những chữ đã gây ra vấn đề thì in chữ ngã ở đây). Hai chữ gây ra vấn đề đó, tiếng Hi-lạp là « eph'ô », tiếng la-tinh là « in quo ».

^[7] Tôi còn nhớ : trước đây hơn một nửa thế kỷ, có người nói rằng khi bên Công giáo đơn phương tuyên bố Đức Bà vô nhiễm nguyên tội, là có ý chống lại bên Tin lành, thì linh mục Ignace Lepp, trong cuốn sách *Le monde chrétien et ses malfaçons* trả lời là : không phải là có ý chống, nhưng là coi như không có bên Tin lành.

^[8] Nhằm vào lúc nước Ý thống nhất và lấy mất đất của Toà thánh, cho nên các nghị phụ trong công đồng có vẻ như coi việc tuyên bố tín điều này là để bù cho đức Giáo tông phần thiệt vì mất đất.

^[9] Tôi còn nhớ là đã được đọc những thư ấy trong thư viện ở Mainz bên Đức năm 1958.

[10] Bản dịch từ Đức văn sang Pháp văn là : *Infaillible ? Une interprétation*, Paris, Desclée De Brouwer, 1971.

[11] Trong cuốn sách nhỏ nhưng rất súc tích : *La papauté, từ sách « Que penser de ... ? » của các cha dòng Tên ở Namur (nước Bỉ)*, Namur, 1998.

[12] Vị giáo tông cuối cùng đã tuyên bố « *ex cathedra* » là đức Pi-ô XII (Xem sách của Dentin, tr 39).

[13] Xem : Giancarlo ZIZOLA , trong cuốn sách *Le Successeur (người kế vị)*, Paris, Desclée de Brouwers, 1995, tr 302).

VỀ MỤC LỤC

LỜI CHỨNG CỦA ĐỨC GIÊ-SU VÀ CỦA CHÚA CHA TRONG TIN MỪNG GIO-AN



Bài viết tiếng Pháp:

[Le témoignage de Jésus et du Père dans l'Évangile de Jean.](#)

Tác giả: [Giu-se LÊ MINH THÔNG, O.P.](#)

Blog: <http://leminhthongtinmunggi oan.blogspot.com/>

Email: josleminhthong@gmail.com

Ngày 19 tháng 07 năm 2014.

Nội dung

I. Dẫn nhập

II. Lời chứng của Đức Giê-su ở 3,11.32-33

1. “Lời chứng” và “làm chứng” ở 3,11

2. “Lời chứng” và “làm chứng” ở 3,32-33

III. Lời chứng của Đức Giê-su và Cha ở ch. 5 và ch. 8

1. Bản văn 5,30-40 và 8,13-19

a) Ga 5,30-40

- b) Ga 8,13-19
- c) So sánh giữa 5,30-40 và 8,13-19
- 2. Lời chứng của Đức Giê-su không thật (5,31) hay thật (8,14a)?
 - a) Nguồn gốc câu: “làm chứng về mình thì không thật”
 - b) Ga 5,31 và 8,14 trong mạch văn 5,30-40 và 8,13-19
- 3. Lời chứng của Chúa Cha (5,31-32.37-38)
- 4. Lời chứng của hai người (8,17-18)
- 5. Nội dung lời chứng về Đức Giê-su
- 6. Những kẻ chống đối không đón nhận lời chứng

IV. Kết luận

I. Dẫn nhập

Bài viết “[‘Lời chứng’ \(marturia\) và ‘làm chứng’ \(martureô\) trong Tin Mừng Gio-an](#)” đã trình bày khái quát về đề tài này và liệt kê số lần danh từ “marturia” và động từ “martureô”. Những bài viết khác đã trình bày chi tiết hơn về [lời chứng của Gio-an Tẩy Giả](#) và [của môn đệ Đức Giê-su yêu mến](#). Bài viết này sẽ tập trung phân tích lời chứng của Đức Giê-su và của Chúa Cha. Các lời chứng này tìm thấy trong Tin Mừng Gio-an như sau:

Lời chứng của Đức Giê-su trình bày bằng danh từ “marturia” (lời chứng) xuất hiện 6 lần ở 3,11.32.33; 5,31; 8,13.14 và bằng động từ “martureô” (làm chứng) xuất hiện 10 lần ở 3,11.32; 4,44; 5,31; 7,7; 8,13.14.18a; 13,21; 18,37.

Đề tài này được nói đến trong các chương sau:

- Ch. 3 (5 lần): 3,11.32.33 (danh từ: marturia), 3,11.32 (động từ: martureô).
- Ch. 4 (1 lần): 4,44 (động từ).
- Ch. 5 (2 lần): 5,31a (động từ); 5,31b (danh từ).
- Ch. 7 (1 lần): 7,7 (động từ).
- Ch. 8 (5 lần): 8,13.14 (danh từ); 8,13.14.18a (động từ).
- Ch. 13 (1 lần): 13,21 (động từ).
- Ch. 18 (1 lần): 18,37 (động từ).

Như thế, đề tài “lời chứng” và “làm chứng” của Đức Giê-su xuất hiện chủ yếu trong Sách Các Dấu Lạ (Ga 1–12): 14 lần. Trong phần Sách Giờ Tôn Vinh (Ga 13–21) chỉ có 2 lần động từ “martureô” ở 13,21; 18,37.

Lời chứng của Chúa Cha trình bày bằng danh từ “marturia” (lời chứng) xuất hiện 2 lần ở 5,34; 8,17 và bằng động từ “martureô” (làm chứng), 4 lần ở 5,32a.32b.37; 8,18b. Đề tài này chỉ được thấy ở hai chương:

- Ch. 5 (4 lần): 5,34 (danh từ: marturia); 5,32a.32b.37 (động từ: martureô).
- Ch. 8 (2 lần): 8,17 (danh từ); 8,18b (động từ).

Dựa vào những lần danh từ “lời chứng” (marturia) và động từ “làm chứng” (martureô) xuất hiện trên đây bài viết sẽ tìm hiểu đề tài này qua hai mục lớn: (I) Lời chứng của Đức Giê-su ở Ga 3, (II) Lời chứng của Đức Giê-su và Chúa Cha ở Ga 5 và 8. Còn việc làm chứng của Đức Giê-su ở các chương 4; 7; 13; 18, trong mỗi chương chỉ xuất hiện 1 lần động từ “martureô” ở 4,44; 7,7; 13,21; 18,37. Những câu này sẽ được phân tích trong một bài viết khác.

II. Lời chứng của Đức Giê-su ở 3,11.32-33

Trong Ga 3, lời chứng của Đức Giê-su được chính Người nói với Ni-cô-đê-mô ở 3,11. Còn ở 3,32-33 là thuộc về đoạn văn Gio-an Tẩy Giả nói về lời chứng của Đức Giê-su. Các trích dẫn Tin Mừng lấy trong: [Bản văn Gio-an, Tin Mừng và ba thư, Hy Lạp – Việt](#).

1. “Lời chứng” và “làm chứng” ở 3,11

Sau khi Đức Giê-su mặc khải cho Ni-cô-đê-mô biết: “Nếu ai không được sinh ra một lần nữa, thì không thể thấy vương quốc Thiên Chúa” (3,3), Ni-cô-đê-mô đã hiểu lầm về lời nói của Đức Giê-su. Người đã giải thích ở 3,5-7, nhưng Ni-cô-đê-mô vẫn chưa hiểu, ông ấy nói với Đức Giê-su ở 3,9: “Làm sao những điều ấy có thể xảy ra được?” Lần này, Đức Giê-su trả lời Ni-cô-đê-mô bằng hai câu hỏi khác ở 3,10.12. Giữa hai câu hỏi này là lời Đức Giê-su nói về lời chứng của Người, điều lạ lùng là Đức Giê-su dùng đại từ ngôi thứ nhất số nhiều: “chúng tôi” (3,11). Người thuật chuyện kể ở 3,10-12: “10 Đức Giê-su trả lời và nói với ông [Ni-cô-đê-mô]: ‘Ông là bậc thầy của Ít-ra-en, mà không biết những điều ấy sao? 11 A-men, a-men, Tôi nói cho ông: Điều chúng tôi đã biết, chúng tôi nói và điều chúng tôi đã thấy, chúng tôi làm chứng (martuoumen), và lời chứng (marturian) của chúng tôi, các ông không đón nhận. 12 Nếu những chuyện dưới đất Tôi nói với các ông mà các ông không tin, thì nếu Tôi nói với các ông về những chuyện trên trời làm sao các ông tin?’” (3,10-12). Kể từ 3,10, nhân vật Ni-cô-đê-mô không còn lên tiếng trong trình thuật nữa. Đoạn văn tiếp theo (3,13-21) là phần độc thoại của Đức Giê-su về sứ vụ của Người với ba ý chính: (1) Nguồn gốc của Người (3,13-14), (2) Cách thức Thiên Chúa biểu lộ tình yêu của Người dành cho thế gian (3,16-17) và (3) Sự xét xử dành cho những ai không tin vào Đức Giê-su (3,18-21).

Việc Đức Giê-su dùng đại từ ngôi thứ nhất số nhiều (chúng tôi) ở 3,11 có thể hiểu: “lời chứng” và hành động “làm chứng” của Đức Giê-su được đồng hóa với “lời chứng” và “làm chứng” của cộng đoàn các môn đệ. Nói cách khác, Đức Giê-su đứng về phía cộng đoàn, với đại từ “chúng tôi”, Đức Giê-su nói thay cộng đoàn người tin. Còn Ni-cô-đê-mô, ông được xem là đại diện cho những người Do Thái, nên Đức Giê-su dùng đại từ ngôi thứ hai số nhiều: “các ông” để nói với ông ấy ở 3,11.

Ý mở đầu ở 3,11 gọi đến lời rao giảng của Đức Giê-su và của các môn đệ, Đức Giê-su nói ở 3,11b: “Điều chúng tôi đã biết, chúng tôi nói.” Ý tiếp theo là việc làm chứng của Đức Giê-su và của cộng đoàn dựa trên những điều đã “thấy”, Người nói tiếp ở 3,11c: “Điều chúng tôi đã thấy, chúng tôi làm chứng.” Cuối cùng Đức Giê-su nói đến sự khước từ lời chứng của những người Do Thái mà Ni-cô-đê-mô là người đại diện, Đức Giê-su nói ở 3,11d: “Lời chứng của chúng tôi, các ông không đón nhận.” Sự khước từ này sẽ được làm rõ trong nội dung sách Tin

Mừng qua sự xung đột và chống đối của những người Pha-ri-sêu, những người Do Thái và các thượng tế.

2. “Lời chứng” và “làm chứng” ở 3,32-33

Đề tài lời chứng của Đức Giê-su ở 3,32-33 thuộc về diễn từ độc thoại của Gio-an Tẩy Giả (3,31-36), ông nói về nguồn gốc và sứ vụ của Đức Giê-su với các môn đệ của mình. (Xem mục 3. “Gio-an làm chứng về Đức Giê-su ở 3,31-36” trong bài viết: [“‘Lời chứng’ và ‘làm chứng’ của Gio-an Tẩy Giả trong Tin Mừng Gio-an](#)”). Gio-an Tẩy Giả mở đầu lời chứng về Đức Giê-su ở 3,31-33: “31 Đấng đến từ trên thì ở trên tất cả; kẻ bởi đất thì thuộc về đất và nói chuyện thuộc về đất. Đấng đến bởi trời [thì ở trên tất cả]; 32 điều Người đã thấy và đã nghe, Người làm chứng về điều ấy, và lời chứng của Người chẳng ai đón nhận. 33 Ai đón nhận lời chứng của Người thì xác nhận rằng: Thiên Chúa thì chân thật.”

Ở 3,32, Gio-an Tẩy Giả nói về lời chứng của Đức Giê-su như là “Đấng đến từ trên” (3,31a), “Đấng đến bởi trời” (3,31c). Lời chứng của Đấng này dựa trên những gì “đã thấy” và “đã nghe”, Gio-an nói ở 3,32a: “Điều Người đã thấy và đã nghe, Người làm chứng về điều ấy.” Đây là điều Đức Giê-su “đã thấy” và “đã nghe” từ nơi Cha của Người như Người khẳng định với những người Do-thái ở 8,26: “Đấng đã sai tôi là Đấng chân thật; và Tôi, những điều Tôi đã nghe nơi Người, Tôi nói những điều đó trong thế gian.” Cuối sứ vụ công khai, Đức Giê-su tóm kết sứ vụ của Người ở 12,49-50: “49 Vì chính Tôi đã không nói tự mình, nhưng là Cha, Đấng đã sai Tôi, Chính Người cho Tôi mệnh lệnh để Tôi nói điều gì và tuyên bố điều gì. 50 Và Tôi biết rằng: Mệnh lệnh của Người là sự sống đời đời. Vậy những điều Tôi nói, *thì* như Cha đã nói với Tôi thế nào, Tôi nói như vậy.” Trước khi bước vào cuộc Thương Khó, Đức Giê-su nhắc lại ý tưởng trên với các môn đệ ở 14,24: “Ai không yêu mến Thầy *thì* không giữ những lời của Thầy; và lời mà anh em nghe không phải là của Thầy, nhưng là của Cha, Đấng đã sai Thầy.” Như thế, tất cả những gì Đức Giê-su mặc khải và làm chứng là dựa trên những gì Người “đã thấy” và “đã nghe” từ nơi Cha.

Về thứ hai của 3,32 là 3,32b, song song với 3,11c, cùng nói về sự khước từ lời chứng, Gio-an nói ở 3,32b: “Lời chứng của Người chẳng ai đón nhận.” Tuy vậy, câu tiếp theo (3,33) nói về “lời chứng của Đức Giê-su” theo hướng tích cực: “Ai đón nhận lời chứng của Người thì xác nhận rằng: Thiên Chúa thì chân thật” (3,33). Kiểu hành văn đối lập giữa “đón nhận” hay “không đón nhận”, “tin” hay “không tin”, “hư mất” hay “được cứu”, “bị xét xử” hay “không bị xét xử” là đặc thù của Tin Mừng Gio-an. Những cặp đối lập này xuất hiện trong lời chứng của Đức Giê-su ở 3,13-21 và của Gio-an Tẩy Giả ở 3,31-36. Chẳng hạn Đức Giê-su nói ở 3,18: “Ai tin vào Người *thì* không bị lên án; nhưng kẻ không tin *thì* bị lên án rồi, vì đã không tin vào danh Con Một Thiên Chúa.” Còn Gio-an Tẩy Giả, ông kết thúc lời chứng ở 3,36: “Ai tin vào Con *thì* có sự sống đời đời; còn ai không vâng phục Con *thì* sẽ không thấy sự sống, nhưng sự thịnh nộ của Thiên Chúa ở lại trên kẻ ấy.”

III. Lời chứng của Đức Giê-su và Cha ở ch. 5 và ch. 8

Đề tài “lời chứng” và “làm chứng” của Đức Giê-su và Chúa Cha được thuật lại trong hai đoạn văn: 5,30-40 và 8,13-19. Điểm chung của hai đoạn văn này là cùng nói về các đề tài “xét xử” (krinô), “lời chứng” (martureô) và “làm chứng” (marturia). Phần này sẽ trình bày 6 mục: (1) Bản văn 5,30-40 và 8,13-19, (2) Lời chứng của Đức Giê-su không thật (5,31) hay thật (8,14a)? (3) Lời chứng của Chúa Cha (5,31-32.37-38), (4) Lời chứng của hai người (8,17-18), (5) Nội dung lời chứng về Đức Giê-su, (6) Những kẻ chống đối không đón nhận lời chứng.

1. Bản văn 5,30-40 và 8,13-19

Phần dưới đây trích dẫn hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19 và trình bày bản văn dưới dạng cấu trúc theo các tiểu đoạn.

a) Ga 5,30-40

Đoạn văn 5,30-40 thuộc phần diễn từ độc thoại của Đức Giê-su nói với những người Do Thái (5,19-47) và cấu trúc thành 6 tiểu đoạn:

(1) 5,30: *Đức Giê-su xét xử công minh.*

“30 Tôi (Đức Giê-su) không thể làm điều gì tự mình. Tôi xét xử theo như Tôi nghe, và sự xét xử của Tôi là công minh, vì Tôi không tìm kiếm ý của Tôi nhưng là ý của Đấng đã sai Tôi.”

(2) 5,31-32: *Chúa Cha làm chứng về Đức Giê-su (// 5,37-38).*

“31 Nếu Tôi làm chứng về chính mình thì lời chứng của Tôi không thật. 32 Có Đấng khác là Đấng làm chứng về Tôi và Tôi biết rằng: Lời chứng mà Người làm chứng về Tôi là thật.”

(3) 5,33-35: *Gio-an Tẩy Giả làm chứng cho sự thật.*

“33 Chính các ông (những người Do Thái) đã cử người đến với Gio-an, và ông ấy đã làm chứng cho sự thật. 34 Phần Tôi, Tôi không nhận lời chứng do người phạm, nhưng Tôi nói những điều này để chính các ông được cứu. 35 Ông ấy là ngọn đèn được thắp lên và toả sáng, chính các ông đã muốn hoan hỷ một thời gian trong ánh sáng của ông ấy.”

(4) 5,36: *Việc Đức Giê-su làm, làm chứng về Người.*

“36 Nhưng Tôi, Tôi có lời chứng lớn hơn *lời chứng* của Gio-an, đó là những việc mà Cha đã ban cho Tôi để Tôi hoàn thành chúng. Chính những việc Tôi làm, làm chứng về Tôi rằng: Cha đã sai Tôi.”

(5) 5,37-38: *Chúa Cha làm chứng về Đức Giê-su (// 5,32).*

“37 Và Cha, Đấng đã sai Tôi, chính Người đã làm chứng về Tôi. Các ông đã không bao giờ nghe tiếng của Người, cũng chẳng thấy tôn nhan của Người; 38 và các ông không có lời của Người ở lại trong các ông, vì Đấng Người đã sai đến, chính các ông không tin vào Đấng ấy.”

(6) 5,39-40: *Kinh Thánh là lời chứng về Đức Giê-su.*

“39 Các ông nghiên cứu Kinh Thánh, vì chính các ông nghĩ rằng trong đó có sự sống đời đời. Chính *Kinh Thánh* là những lời chứng về Tôi, 40 và các ông không muốn đến với Tôi để có sự sống.”

b) Ga 8,13-19

Đoạn văn 8,13-19 thuộc phần tranh luận giữa Đức Giê-su và những người Pha-ri-sêu (8,12-30) và được cấu trúc với 4 tiểu đoạn:

(1) 8,13-14: *Lời chứng của Đức Giê-su là thật.*

“13 Những người Pha-ri-sêu nói với Người (Đức Giê-su): ‘Ông làm chứng cho chính mình; lời chứng của Ông là không thật.’ 14 Đức Giê-su trả lời và nói với họ: ‘Nếu chính Tôi làm chứng về mình lời chứng của Tôi là thật, bởi vì Tôi biết Tôi từ đâu tới và Tôi đi đâu. Nhưng các ông, các ông không biết Tôi từ đâu tới và Tôi đi đâu.’”

(2) 8,15-16: Xét đoán của Đức Giê-su là thật.

“15 Các ông (những người Pha-ri-sêu), các ông xét đoán theo người phàm, phần Tôi, Tôi không xét đoán ai cả. 16 Mà nếu chính Tôi xét đoán, sự xét đoán của Tôi là thật, vì không chỉ một mình Tôi, nhưng Tôi và Cha, Đấng đã sai Tôi.”

(3) 8,17-18: Lời chứng của hai người.

“17 Trong Lễ Luật của các ông có chép rằng: ‘Lời chứng của hai người là thật.’ 18 Chính Tôi là người làm chứng về mình, và Cha, Đấng đã sai Tôi, làm chứng về Tôi.”

(4) 8,19: Người Pha-ri-sêu không biết Đức Giê-su và Cha.

“19 Vậy họ (những người Pha-ri-sêu) nói với Người: ‘Cha của Ông ở đâu?’ Đức Giê-su trả lời: ‘Các ông không biết Tôi, cũng chẳng biết Cha của Tôi. Nếu các ông biết Tôi, các ông cũng biết Cha của Tôi.’”

c) So sánh giữa 5,30-40 và 8,13-19

Những chi tiết giống nhau và khác nhau trong hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19 được trình bày qua bảng sau:

Ga 5,30-40 và 8,13-19	
Ga 5,30-40	Ga 8,13-19
+ 5,30: Đức Giê-su xét xử công minh. + 5,31-32: Chúa Cha làm chứng về Đức Giê-su. // 5,37-38. + 5,33-35: Gio-an Tẩy Giả làm chứng cho sự thật. + 5,36: Việc Đức Giê-su làm, làm chứng về Người. + 5,37-38: Chúa Cha làm chứng về Đức Giê-su. // 5,32; 8,17-18 + 5,39: Kinh Thánh là lời chứng về Đức Giê-su.	+ 8,13-14a: Lời chứng của Đức Giê-su là thật. + 8,14b: Những người Pha-ri-sêu không biết nguồn gốc của Đức Giê-su. // 8,19. + 8,15-16: Sự xét đoán của Đức Giê-su là thật. + 8,17-18: Lời chứng của hai người. // 5,37-38. + 8,19: Những người Pha-ri-sêu không biết Đức Giê-su và Chúa Cha. // 8,14b.

<http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/>

Đoạn văn 5,30-40 không nhấn mạnh “lời chứng của Đức Giê-su” (5,31) mà tập trung vào các “lời chứng về Đức Giê-su”. Đó là lời chứng của Chúa Cha (5,32.37-38), lời chứng của Gio-an Tẩy Giả (5,33-35), lời chứng qua những việc Đức Giê-su làm (5,36) và lời chứng của Kinh Thánh (5,39). Còn đoạn văn Ga 8,13-19 lại nhấn mạnh đến lời chứng của hai người: Lời chứng của Đức Giê-su và của Chúa Cha. Bảng trên đây cho biết những chi tiết giống nhau và khác nhau trong hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19 và có thể xếp thành ba nhóm:

(I) Ba đề tài chung của hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19.

1) Sự xét xử và xét đoán của Đức Giê-su là công minh và đúng theo sự thật (5,30 // 8,15-16). Danh từ “krisis” và động từ “krinô” tiếng Hy Lạp có ba nghĩa: “xét xử”, “kết án”, “xét đoán”, hiểu theo nghĩa nào còn tùy mạch văn. Ở 5,30 có nghĩa “xét xử” và ở 8,15-16 có thể hiểu theo nghĩa “xét đoán”.

2) Lời chứng của Chúa Cha (5,31-32; 37-38 // 8,17-18).

3) Những kẻ chống đối Đức Giê-su (những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu) “không có” và “không biết” nhiều điều liên quan đến Chúa Cha và Đức Giê-su (5,37b.38.40; 8,14c.19). (Xem phân tích dưới đây ở mục “6. Những kẻ chống đối không đón nhận lời chứng”).

(II) Sáu chi tiết riêng của đoạn văn 5,30-40:

1) Đức Giê-su không làm chứng về mình (5,31).

2) Nhắc lại lời chứng của Gio-an Tẩy Giả (5,33-35).

3) Việc Đức Giê-su làm, làm chứng về Người (5,36).

4) Kinh Thánh là lời chứng về Đức Giê-su (5,39).

5) Những người Do Thái đã không bao giờ nghe tiếng Chúa Cha, cũng chẳng thấy tôn nhan Người (5,37b).

6) Những người Do Thái không có lời của Chúa Cha nơi mình, vì họ không tin vào Đấng Người đã sai đến (5,38).

(III) Sáu ý tưởng riêng của đoạn văn 8,13-19:

1) Đức Giê-su làm chứng về Người và lời chứng của Người là thật (8,13-14a).

2) Đức Giê-su biết Người từ đâu tới và đi đâu (8,14b).

3) Lời chứng của hai người theo quy định Lễ Luật: Đức Giê-su và Chúa Cha (8,17-18).

4) Những người Pha-ri-sêu không biết Đức Giê-su từ đâu tới và đi đâu (8,14c).

5) Những người Pha-ri-sêu không biết Cha của Đức Giê-su ở đâu (8,19a).

6) Những người Pha-ri-sêu không biết Chúa Cha và Đức Giê-su (8,19b).

Trong hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19 trên đây, có hai câu nói của Đức Giê-su (5,31; 8,14a) xem ra mâu thuẫn nhau. Câu hỏi đặt ra là lời chứng của Đức Giê-su không thật (5,31) hay thật (8,14a)?

2. Lời chứng của Đức Giê-su không thật (5,31) hay thật (8,14a)?

Trong đoạn văn 5,30-40, Đức Giê-su nói với những người Do Thái ở 5,31-32: “31 Nếu Tôi làm chứng về chính mình thì lời chứng của Tôi không thật. 32 Có Đấng khác là Đấng làm chứng về Tôi và Tôi biết rằng: Lời chứng mà Người làm chứng về Tôi là thật”, sau đó Đức Giê-su liệt kê một loạt lời chứng về Người (5,32-40). Trong đoạn văn 8,13-19, những người Pha-ri-sêu sử dụng câu Đức Giê-su nói ở 5,31 để chất vấn Người. Họ nói với Đức Giê-su ở 8,13: “Ông làm chứng cho chính mình; lời chứng của Ông là không thật.” Lần này, Đức Giê-su trả lời những người Pha-ri-sêu ở 8,14: “Nếu chính Tôi làm chứng về mình lời chứng của Tôi là thật, bởi vì Tôi biết Tôi từ đâu tới và Tôi đi đâu. Nhưng các ông, các ông không biết Tôi từ đâu tới và Tôi đi đâu.”

Như vậy, lời Đức Giê-su nói ở 5,31 và 8,14a đặt ra câu hỏi: Lời chứng của Đức Giê-su về mình là “không thật” (5,31) hay “thật” (8,14a)? Ở 5,31, Đức Giê-su nói: “Nếu Tôi làm chứng về chính mình thì lời chứng của Tôi không thật” (5,31), nhưng ở 8,14a Người lại nói: “Nếu chính Tôi làm chứng về mình lời chứng của Tôi là thật.” Giải thích thế nào về hai lời nói trái ngược này? Để trả lời câu hỏi này cần tìm hiểu (a) nguồn gốc câu: “Làm chứng về chính mình thì không thật” và (b) đặt 5,31; 8,14a trong mạch văn của 5,30-40; 8,13-19.

a) Nguồn gốc câu: “làm chứng về mình thì không thật”

Lời Đức Giê-su ở 5,31: “Nếu Tôi làm chứng về chính mình thì lời chứng của Tôi không thật” gọi lại một số khoản luật trong Cựu Ước (Đnl 17,6; 19,15; Ds 35,30). Theo Sách Đệ Nhị Luật (Đnl 17,2-7), ai vi phạm Giao Ước, thờ lạy tà thần sẽ bị xử tử. Cách thức tiến hành được mô tả ở Đnl 17,6: “Căn cứ vào lời của hai nhân chứng hay ba nhân chứng, mà người đáng chết sẽ bị xử tử; người ấy sẽ không bị xử tử nếu chỉ căn cứ vào lời của một nhân chứng.” (Các trích dẫn Cựu Ước lấy theo bản dịch Kinh Thánh, ấn bản 2011 của Nhóm Phiên Dịch CGKPV). Sách Đệ Nhị Luật chỉ thị về việc làm chứng trong những tranh tụng trước tòa ở Đnl 19,15: “Một nhân chứng duy nhất không thể đứng lên buộc tội một người về bất cứ một tội một lỗi nào; về bất cứ lỗi nào người ấy phạm, phải căn cứ vào lời của hai nhân chứng hay căn cứ vào lời của ba nhân chứng, sự việc mới được cứu xét.” Ai làm chứng gian (Đnl 19,18b) sẽ bị xử phạt theo cách: “Anh em sẽ xử với nó, như nó đã định xử với anh em mình” (Đnl 19,19a). Sách Dân Số quy định ở Ds 35,30: “Trong mọi trường hợp đánh chết người, người ta sẽ dựa vào lời khai của các chứng nhân mà xử tử kẻ sát nhân. Nhưng lời khai của một chứng nhân duy nhất sẽ không thể làm cho ai bị kết án tử hình.” Như thế, theo Cựu Ước, lời của một nhân chứng thì chưa đủ giá trị để buộc tội. Tuy nhiên những trích dẫn Cựu Ước trên đây là trường hợp làm chứng về người khác, chứ không phải “làm chứng về chính mình” như Đức Giê-su đã nói ở Ga 5,31; 8,13-14.

Có thể lời nói của Đức Giê-su về “làm chứng về chính mình” ở Ga 5,31 và được những người Pha-ri-sêu lặp lại ở 8,13, gọi đến một số câu trong văn chương Do Thái. Mishnah Ketubot, chương 2 câu 9 viết: “không ai có thể làm chứng cho chính mình (No one may testify regarding himself).” (Xem <http://www.emishnah.com/sedarim.html>). Trong bộ Talmud Babylon, tract Rosh Hashana (HaSahanah), chương 3 đoạn 1 viết: “Một cá nhân không thể căn cứ trên chính mình (An individual is not authorized by himself).” (Xem <http://halakhah.com/>). Nếu đặt lời nói của Đức Giê-su ở 5,31 và 8,14a trong mạch văn có thể hiểu ý nghĩa của chúng.

b) Ga 5,31 và 8,14 trong mạch văn 5,30-40 và 8,13-19

Ở 5,31, lời Đức Giê-su nói: “Nếu Tôi làm chứng về chính mình thì lời chứng của Tôi không thật” đặt trong bối cảnh quan niệm Do Thái thời đó và đã được xác định trong Cựu Ước và trong văn chương Do Thái. Dựa trên quy định của Lễ Luật, Đức Giê-su đưa ra một loạt lời chứng về Người: Lời chứng của Chúa Cha (5,32.37-38), lời chứng của Gio-an Tẩy Giả (5,33-35), lời chứng qua những việc Đức Giê-su làm (5,36) và lời chứng trong Kinh Thánh (5,39).

Ngược lại ở 8,13, những người Pha-ri-sêu chất vấn Đức Giê-su bằng câu chính Đức Giê-su đã nói với những người Do Thái ở 5,31. Họ nói với Đức Giê-su: “Ông làm chứng cho chính mình; lời chứng của Ông là không thật” (8,13). Đức Giê-su trả lời ngược lại với lời Người đã nói ở 5,31. Người trả lời họ: “Nếu chính Tôi làm chứng về mình lời chứng của Tôi là thật, bởi vì Tôi biết Tôi từ đâu tới và Tôi đi đâu. Nhưng các ông, các ông không biết Tôi từ đâu tới và Tôi đi đâu” (8,14). Lý do “lời chứng của Đức Giê-su là thật” là vì Đức Giê-su biết Người từ đâu tới và sẽ đi đâu (8,14b); còn những người Pha-ri-sêu thì không biết Đức Giê-su từ đâu tới và đi đâu (8,14c), nên họ chỉ xét đoán theo người phạm (8,15a). Như vậy, chỉ một mình Đức Giê-su là người có thể làm chứng về chính mình và lời chứng của Người là thật, vì Người có nguồn gốc thần linh. Đức Giê-su là Đấng từ trời xuống và Người sẽ lại lên trời như Người đã nói ở 3,13: “Không ai đã lên trời, ngoại trừ Đấng từ trời xuống là Con Người” (x. 3,31).

Tóm lại, khi Đức Giê-su nói: “Nếu Tôi làm chứng về chính mình thì lời chứng của Tôi không thật” (5,31) là nói trong trường hợp khái quát áp dụng cho tất cả mọi người. Còn khi Đức Giê-su nói: “Nếu chính Tôi làm chứng về mình lời chứng của Tôi là thật” (8,14a) là nói về trường hợp đặc thù, chỉ áp dụng cho Đức Giê-su mà thôi. Lời chứng của Đức Giê-su về mình là thật, bởi vì Người là Đấng Thiên Chúa sai đến để nói lời Thiên Chúa. Nói cách khác, khi nói đến các lời chứng ở 5,30-39, Đức Giê-su nói với tư cách là “con người”, còn khi nói đến lời chứng của Người và của Chúa Cha ở 8,13-19, Đức Giê-su nói với tư cách là “Con Một Thiên Chúa là Đấng hằng ở nơi cung lòng Cha” (1,18b). Trong viễn cảnh này, Đức Giê-su nói về lời chứng của hai người ở 8,17-18: Lời chứng của Đức Giê-su và Chúa Cha. Trước khi phân tích lời chứng này, phần tiếp theo sẽ tìm hiểu lời chứng của Chúa Cha về Đức Giê-su ở 5,31-32.37-38.

3. Lời chứng của Chúa Cha (5,31-32.37-38)

Trong đoạn văn 5,30-40, Đức Giê-su không làm chứng về chính mình mà nói đến những lời chứng khác. Trong đó, lời chứng quan trọng là lời chứng của Chúa Cha. Đức Giê-su nói với những người Do Thái ở 5,31-32: “31 Nếu Tôi làm chứng về chính mình thì lời chứng của Tôi không thật. 32 Có Đấng khác là Đấng làm chứng về Tôi và Tôi biết rằng: Lời chứng mà Người làm chứng về Tôi là thật.” “Đấng khác” ở 5,32a sẽ được làm sáng tỏ ở 5,37a. Đó là Chúa Cha, Đấng đã sai Đức Giê-su đến như Đức Giê-su khẳng định ở 5,37a: “Cha, Đấng đã sai Tôi, chính Người đã làm chứng về Tôi.” Ở 5,32b, Đức Giê-su xác nhận lời chứng của Cha của Người là đúng sự thật khi nói: “Tôi biết rằng: Lời chứng mà Người làm chứng về Tôi là thật” (5,32b). Như thế, đoạn văn 5,30-40 nhấn mạnh uy thế lời chứng của Chúa Cha về Đức Giê-su. Còn trong đoạn văn 8,13-19 nhấn mạnh đến lời chứng của hai người.

4. Lời chứng của hai người (8,17-18)

Đoạn văn 8,17-18 triển khai ý tưởng lời chứng của hai người theo quy định trong các bản văn Cựu Ước trích dẫn trên đây (Đnl 17,6; 19,15; Ds 35,30). Trước hết Đức Giê-su cho biết tại sao Người làm chứng về chính mình và lời chứng của Người là lời chứng thật. Xem mục 2 trên đây: “Lời chứng của Đức Giê-su không thật (5,31) hay thật (8,14a)?”. Kế đến, Đức Giê-su dựa trên quy định của Lễ Luật, Người nói với những người Pha-ri-sêu ở 8,17-18: “17 Trong Lễ Luật của các ông có chép rằng: ‘Lời chứng của hai người là thật.’ 18 Chính Tôi là người làm chứng về mình, và Cha, Đấng đã sai Tôi, làm chứng về Tôi.” Các bản văn Đnl 17,6; 19,15 và Ds 35,30 khẳng định lời chứng của hai người thì có giá trị. Ở đây lời chứng của Đức Giê-su và lời chứng của Chúa Cha không phải là hai lời chứng của hai người phạm mà là lời chứng của Thiên Chúa và của Con Thiên Chúa. Vì thế, mức độ tin cậy là tuyệt đối. Người phạm có thể làm chứng gian

để hại nhau, nhưng lời chứng của Thiên Chúa và Đấng Người sai đến thì chân thật và luôn phù hợp với sự thật.

5. Nội dung lời chứng về Đức Giê-su

Hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19 tập trung vào tính xác thực của lời chứng nên không nói nhiều về nội dung lời chứng. Lời chứng của Đức Giê-su là thật (8,14a), lời chứng của Chúa Cha là thật (5,32b). Còn Gio-an Tẩy Giả, ông là người “làm chứng cho sự thật” (5,33b). Đức Giê-su còn nói đến lời chứng qua những việc Người làm (5,36) và lời chứng của Kinh Thánh (5,39). Tất cả các nhân vật trên và những điều này làm chứng về Đức Giê-su.

Tuy nhiên có thể nhận ra nội dung lời chứng qua cụm từ “những việc Đức Giê-su làm” ở 5,36c. Đức Giê-su xác định nguồn gốc “những việc” (les œuvres) làm chứng về Người ở 5,36b: “Đó là những việc mà Cha đã ban cho Tôi để Tôi hoàn thành chúng.” Như thế, đây không phải là “công việc riêng của Đức Giê-su” mà là “công việc của Chúa Cha”, chính Chúa Cha đã trao cho Đức Giê-su công việc của Người và trong sứ vụ công khai, Đức Giê-su là người thực hiện những công việc đó. Những việc Đức Giê-su thực hiện, làm chứng rằng Chúa Cha đã sai Người đến thế gian như Đức Giê-su khẳng định ở 5,36c: “Chính những việc Tôi làm, làm chứng về Tôi rằng: Cha đã sai Tôi.”

Tóm lại, trong bối cảnh trực tiếp của 5,36, nội dung lời chứng về Đức Giê-su nhằm khẳng định hai điều: (1) Thiên Chúa là Cha của Đức Giê-su, và (2) Chúa Cha là Đấng sai Đức Giê-su đến thế gian để hoàn thành công việc của Chúa Cha. Theo nghĩa rộng trong toàn bộ Tin Mừng Gio-an, nội dung lời chứng về Đức Giê-su là tất cả những gì sách Tin Mừng này trình bày về căn tính, nguồn gốc và sứ vụ của Người. Nghĩa là tất cả những gì Đức Giê-su đã nói và đã làm, cùng với tất cả những gì tác giả nói về Đức Giê-su trong sách Tin Mừng đều là những lời xác thực và đáng tin cậy.

6. Những kẻ chống đối không đón nhận lời chứng

Đề tài lời chứng trong hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19 đặt trong bối cảnh tranh luận với những kẻ chống đối Đức Giê-su (những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu). Đoạn văn 5,30-40 là một phần diễn từ của Đức Giê-su nói với những người Do Thái (5,19-47), họ là những người đang tìm cách giết Đức Giê-su (5,18). Thật vậy, sau khi Đức Giê-su chữa lành người bị bệnh 38 năm tại hồ nước Bết-da-tha vào ngày sa-bát (5,1-9), người thuật chuyện cho biết thái độ của những người Do Thái về Đức Giê-su ở 5,18: “VẬY, vì điều này, những người Do Thái lại càng tìm Người để giết, vì Người không chỉ phá ngày sa-bát, nhưng còn nói Thiên Chúa là Cha của mình, tự cho mình ngang hàng với Thiên Chúa.” Tiếp theo là diễn từ độc thoại dài của Đức Giê-su với những người Do Thái (5,19-47), trong đó có đoạn văn về các lời chứng (5,30-40).

Trong ch. 8, đoạn văn 8,12-59 gồm hai cuộc tranh luận: (1) Tranh luận thứ nhất giữa Đức Giê-su với những người Pha-ri-sêu (8,12-30), (2) Tranh luận thứ hai giữa Đức Giê-su với những người Do Thái (8,31-59). Những cuộc tranh luận trên diễn ra ngày càng gay gắt và kết thúc bằng hành động ném đá Đức Giê-su. Ch 8 kết thúc như sau: “Họ (những người Do Thái) liền lượm đá để ném Người (Đức Giê-su). Nhưng Đức Giê-su ẩn mình và đi ra khỏi Đền Thờ” (8,59). Bầu khí tranh luận và xung đột này giải thích tại sao những kẻ chống đối đã không đón nhận lời chứng của Đức Giê-su (xem mục II. Lời chứng của Đức Giê-su ở 3,11.32-33). Trong bối cảnh tranh luận về mạc khải của Đức Giê-su về lời chứng và về căn tính thần linh của Người, Người cho biết tình trạng của những kẻ chống đối trong hai đoạn văn 5,30-40 và 8,13-19. Hai đoạn văn này cho thấy những kẻ chống đối (những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu) thiếu mười điều sau:

- (1) KHÔNG NGHE tiếng Chúa Cha (5,37b).
- (2) KHÔNG THẤY tôn nhan Chúa Cha (5,37c).
- (3) KHÔNG CÓ lời Chúa Cha ở lại trong mình (5,38a).
- (4) KHÔNG TIN vào Đấng Chúa Cha sai đến (5,38b).
- (5) KHÔNG MUỐN đến với Đức Giê-su để có sự sống (5,40).
- (6) KHÔNG BIẾT Đức Giê-su từ đâu tới (8,14e).
- (7) KHÔNG BIẾT Đức Giê-su sẽ đi đâu (8,14f).
- (8) KHÔNG BIẾT Cha của Đức Giê-su ở đâu (8,19a).
- (9) KHÔNG BIẾT Chúa Cha (8,19b).
- (10) KHÔNG BIẾT Đức Giê-su (8,19c).

Như thế, những kẻ chống đối Đức Giê-su (những người Do Thái và những người Pha-ri-sêu trong Tin Mừng Gio-an) đã “không nghe”, “không thấy”, “không có”, “không tin”, “không muốn” và “không biết” những điều căn bản trên đây. Không biết nhiều điều như thế, thiếu sót nhiều điều như thế, thì không ngạc nhiên khi họ không đón nhận lời chứng của Người và tìm cách giết Người.

Những lời kết tội trên đây cần được hiểu theo hướng tích cực, đó là những lời giáo huấn và mạc khải. Nghĩa là Đức Giê-su cho những kẻ chống đối biết tại sao họ không hiểu giáo huấn của Người và không đón nhận mạc khải về căn tính và nguồn gốc thần linh của Người. Qua đó, Đức Giê-su mời gọi các nhân vật trong câu chuyện, nhất là người thuật chuyện mời gọi độc giả nhận ra Thiên Chúa là ai và Đức Giê-su là ai, nhờ đó biết đón nhận lời chứng Đức Giê-su, đón nhận giáo huấn của Đức Giê-su và tin vào Người.

IV. Kết luận

Bài viết đã tìm hiểu những đoạn văn nói về “lời chứng” và “làm chứng” của Đức Giê-su và của Chúa Cha. Trước hết là lời chứng của Đức Giê-su ở 3,11 và 3,32-33. Đức Giê-su làm chứng về điều Người “đã thấy” và “đã nghe” từ nơi Cha của Người. Nghĩa là qua lời nói và việc làm của Đức Giê-su, Người thực hiện công việc Cha giao phó (5,36). Lời chứng của Đức Giê-su không được nói đến trong đoạn văn 5,30-40, bởi vì theo truyền thống Do Thái “người làm chứng về chính mình thì không thật” (5,31). Từ đó, Đức Giê-su đưa ra một loạt lời chứng về Người: Lời chứng của Gio-an Tẩy Giả (5,33-35), lời chứng qua những việc Đức Giê-su làm (5,36), lời chứng của Kinh Thánh (5,39), đặc biệt bản văn nhấn mạnh lời chứng của Chúa Cha về Đức Giê-su ở 5,31-32 và 5,37-38.

Sang đoạn văn 8,13-19, Đức Giê-su lại cho biết: nếu Người làm chứng về chính mình, lời chứng của Người là thật, bởi vì Đức Giê-su biết Người từ đâu tới và đi đâu (x. 8,13-14). Theo Lễ Luật quy định: “Lời chứng của hai người là thật” và hai người làm chứng cho Đức Giê-su: (1) Chính Đức Giê-su làm chứng về mình và lời chứng của Người là thật (8,14a.18a) và (2) Chúa Cha, Đấng đã sai Đức Giê-su, làm chứng về Người (8,18b) và lời chứng của Chúa Cha là thật (5,32b). Đây là lời chứng của Thiên Chúa và của Con Thiên Chúa chứ không phải của người phạm, nên lời chứng này xác thực và đáng tin cậy.

Trong cả hai đoạn văn nói về lời chứng của Đức Giê-su và của Chúa Cha (5,30-40; 8,13-19), đều gặp sự khước từ của những kẻ chống đối. Ở 3,11.32-33, lời chứng của Đức Giê-su không được đón nhận. Lý do những kẻ chống đối không đón nhận lời chứng của Đức Giê-su là vì họ đã “không nghe”, “không thấy”, “không có”, “không tin”, “không muốn” và “không biết” (xem “10 không” trên đây). Giọng văn tranh luận trong Tin Mừng Gio-an nhằm mục đích giáo huấn. Qua những lời nói mạnh mẽ, Đức Giê-su mời gọi những kẻ chống đối nhận ra sự thiếu sót của họ, nhờ đó họ có thể mở lòng đón nhận sự sống đích thực Đức Giê-su ban tặng cho những ai tin vào Người. Ở cấp độ trình thuật, qua bản văn tác giả mời gọi độc giả xác tín vào “lời chứng” và việc “làm chứng” của Đức Giê-su và của Chúa Cha. Từ đó lắng nghe và đón nhận giáo huấn của Đức Giê-su như là “lương thực trường tồn cho sự sống đời đời” (6,27b).

Bài viết này chưa tìm hiểu đề tài: “Kinh Thánh làm chứng về Đức Giê-su” (5,39). Thật ra liên hệ giữa Tin Mừng Gio-an và Kinh Thánh là đề tài rộng lớn, nên lời chứng của Kinh Thánh được tìm hiểu trong các bài viết khác./.

Nguồn: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2013/10/loi-chung-va-lam-chung-cua-uc-gie-su-va.html>

Ghi chú:

Tác giả chịu trách nhiệm nội dung bài viết, vì thế, xin các trang web đăng lại cho hiển thị ngày tháng, nguồn bài viết và đừng chỉnh sửa hay cắt bớt nội dung. Cảm ơn.

Bài viết này đã đăng ngày 19/10/2013 trên Blog <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/> với tựa đề: “‘Lời chứng’ và ‘làm chứng’ của Đức Giê-su và của Chúa Cha trong Tin Mừng Gio-an.” Nhân dịp viết bài này bằng tiếng Pháp: “Le témoignage de Jésus et du Père dans l’Évangile de Jean”, bài tiếng Việt được trình bày lại với tựa đề mới: [“Lời chứng của Đức Giê-su và của Chúa Cha trong Tin Mừng Gio-an”](#) và đề ngày mới.

Xem:

+ Bài viết liên quan:

- 1- [“Lời chứng” \(marturia\) và “làm chứng” \(martureô\) trong Tin Mừng Gio-an.](#)
- 2- [“Lời chứng” và “làm chứng” của Gio-an Tẩy Giả trong Tin Mừng Gio-an.](#)
- 3- [Ga 21,20-25. Vận mệnh, bút tích và lời chứng của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến.](#)
- 4- [Ga 19,35; 21,24. Lời chứng của môn đệ Đức Giê-su yêu mến trong Tin Mừng Gio-an.](#)
- 5- Lời chứng của Đức Giê-su và của Chúa Cha trong Tin Mừng Gio-an.

+ Mục từ:

- [marturia \(lời chứng\) và martureô \(làm chứng\) trong Tin Mừng Gio-an.](#)

12 CUỐN SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

[Một số đề tài trong các tập sách](#)

[ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ SÁCH](#)

Sách học tiếng Hy Lạp để đọc Tân Ước bằng tiếng gốc:

[1. Ngữ pháp Hy Lạp Tân Ước \(Phần căn bản\)](#)

[2. Cú pháp Hy Lạp Tân Ước \(Phần nâng cao\)](#)

Bản văn Tân Ước

[1. Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THU', Hy Lạp – Việt](#)

[2. Tin Mừng Mác-cô, Hy Lạp – Việt](#)

[3. Sách Khải Huyền, Hy Lạp – Việt](#)

Các sách tìm hiểu Tin Mừng Gio-an

[01. Người MÔN ĐỀ ĐỨC GIÊ-SU YÊU MẾN](#)
trong Tin Mừng thứ tư là ai?

[02. TÌNH YÊU và TÌNH BAN trong Ga 15,9-17](#)

[03. KHỦNG HOẢNG và GIẢI PHÁP](#)
cho các môn đệ trong Tin Mừng thứ tư

[04. Phân tích THUẬT CHUYỆN và CẤU TRÚC](#)
áp dụng vào Tin Mừng thứ tư

[05. Đấng PA-RÁC-LÊ – Thần Khí sự thật –](#)
trong Tin Mừng thứ tư

[06. YÊU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần I](#)

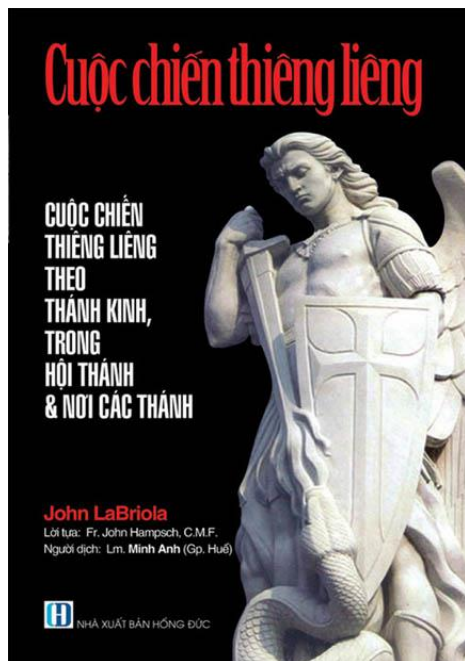
[07. YÊU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần II](#)

VỀ MỤC LỤC

CUỘC CHIẾN THIÊNG LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER

GIỚI THIỆU

“Các môn đệ lại gần Người và thưa rằng: ‘Xin Thầy giải nghĩa dụ ngôn cỏ lùng trong ruộng cho chúng con nghe’. Người đáp, ‘Kẻ gieo hạt giống tốt là Con Người. Ruộng là thế gian. Hạt giống tốt, đó là con cái Nước Trời. Cỏ lùng là con cái Ác Thần. Kẻ thù đã gieo cỏ lùng là ma quỷ. Mùa gặt là ngày tận thế. Thợ gặt là các thiên thần. Vậy, như người ta nhổ cỏ lùng rồi lấy lửa đốt đi thế nào, thì đến ngày tận thế cũng sẽ xảy ra như vậy. Con Người sẽ sai các thiên thần của Người tập trung mọi kẻ làm gương mù gương xấu và mọi kẻ làm điều gian ác, mà tổng ra khỏi Nước của Người, rồi quăng chúng vào lò lửa; ở đó, chúng sẽ phải khóc lóc nghiêng rằng. Bấy giờ người công chính sẽ chói lọi như mặt trời, trong Nước của Cha họ. Ai có tai thì nghe’” (Mt 13, 36b-43).



Trong đêm Vọng Phục Sinh, khi nhắc lại các lời hứa của Bí tích Rửa Tội, Linh mục hỏi, “Anh Chị em có từ bỏ ma quỷ và mọi việc cũng như những hứa hẹn hão huyền của nó không?”. “Thưa từ bỏ”, câu trả lời phản xạ cho tất cả các câu hỏi; thế mà, cuộc chiến thiêng liêng đang sau sự cần thiết của những câu hỏi ấy và tính cấp thiết để trả lời chúng với niềm xác tín lại thường bị bỏ qua. Xung đột giữa Đấng Tạo Hoá và tạo vật không được nhắm đến như trạng thái bình thường trong công trình tạo dựng, thế nhưng, đó là thực tế hiện tại. Satan đã bị đánh bại nhưng nó vẫn nguy hiểm và gây chết chóc. Hôm nay, hạt giống của nó vẫn mọc lên, bóp nghẹt đời sống đức tin của bao người.

Thánh Kinh nói đến Satan và ma quỷ rất nhiều lần, ám chỉ cũng như hiển nhiên. Qua hai ngàn năm, Giáo Hội và các thánh của Giáo Hội nói đến Satan như một thực thể hiện sinh, nhan nhản và mạnh mẽ... đang tìm cách huỷ diệt vĩnh viễn các linh hồn. Các thánh từ khắp nơi trên thế giới thuộc mọi hoàn cảnh kinh tế, văn hoá và ớn gọi khác nhau không

ngừng tin sự có mặt của ma quỷ và đưa ra những giáo huấn về thực tại này.

Chống lại và khước từ thực tại ma quỷ là một hiện tượng khá mới mẻ. Để giúp vượt qua ý tưởng dối trá khi cho rằng không có ma quỷ, hoặc Satan không còn hoạt động, thì bên cạnh những trích dẫn Thánh Kinh, tôi đã lấy thêm hơn 1.000 câu trích từ các tài liệu của Giáo Hội và các thánh, những trích dẫn từ thời sơ khai đến các lời gần đây nhất của các Giáo Hoàng, Giám mục, Linh mục, Phó tế và của bao anh chị em thiện nam tín nữ từ Đông sang Tây vốn sẽ được sử dụng để xác minh đúng cho từng hoàn cảnh. Họ là những người không ngừng ngợi khen Thiên Chúa, họ đã để lại những chứng từ liên quan đến thực thể Satan và cách thức tốt nhất giúp họ chiến thắng nó. Các lời của họ là những câu nói rất người mang tính lịch sử đề cập sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Sẽ thật khôn ngoan khi chúng ta nhận ra sự thích đáng để rút ra cho mình bao bài học từ những lời đó.

Ồi, vào cuối đời, chúng ta sẽ cảm thấy hối hận làm sao khi nhìn lại bao gương lành gương sáng cùng những lời chỉ dạy của Chúa cũng như của các thánh giúp chúng ta nên trọn lành; vậy mà chúng ta thật vô tâm khi lãnh hội chúng. Nếu hôm nay là ngày cuối cùng của đời con, liệu con có hài lòng với cách sống của con trong một năm qua? (Thánh Phanxicô Salêsiô).

Làm sao có thể điều chỉnh cuộc sống, vun trồng các nhân đức và thoát khỏi tội lỗi nếu người ta không biết những phương sách, qua đó, tìm lại con người tốt lành của mình trước đây, xa lánh những gì nhuốc nhơ, tránh khỏi bao cám dỗ và cạm bẫy của quân thù? (Chân Phước Louis Granada).

Cứ như thế, Giáo Hội hôm nay và mai ngày vẫn luôn nói đến thực tại Satan và ma quỷ. Bỏ qua thực tại này chỉ là góp phần phục vụ tên Dối Trá, điều mà G.K. Chesterton từng gọi là “nền dân chủ của sự chết”. Đừng tin vào một số ít người với những lời này lời kia khi họ cho rằng không có ma quỷ... hãy chúng ta xem ra thuyết phục đến đâu. Thay vào đó, hãy tin những lời của Đức Giêsu trong Thánh Kinh, những giáo huấn của Hội Thánh Ngài được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần cùng những lời của các thánh, các đấng tử đạo. Hãy kêu cầu với những ai đi trước chúng ta nay đang ở trên trời, xin các ngài soi đường dẫn lối cho chúng ta đến với Chúa.

Nói đến niềm tin của người tín hữu, thì ma quỷ, điều mà các nhà thần học ít cần trọng có thể nói đến, là một sự hiện diện đầy ngờ vực, nhưng có thực; riêng tư nhưng không chỉ mang tính biểu tượng. Nó là một thực tại mạnh mẽ, một tự do siêu phàm độc hại chống lại tự do của Thiên Chúa (Hồng Y Joseph Ratzinger).

Sẽ đi trạch với hình ảnh được cung cấp bởi giáo huấn Thánh Kinh của Hội Thánh khi chúng ta từ chối nhìn nhận sự hiện hữu của ma quỷ; để rồi coi nó như một nguyên lý cam chịu thua

thiệt, không như các tạo vật khác, một kẻ không nhìn nhận Thiên Chúa là nguồn gốc của mình; hoặc giải thích ma quỷ như một thực thể giả tạo, một cái gì được nhân cách hoá mang tính ý niệm, không có thật của những nguyên nhân không thể lý giải về bao tai hoạ chúng ta gặp phải (Giáo Hoàng Phaolô VI).

Khi nói đến cuộc chiến thiêng liêng, những câu trả lời tôi nhận được cụ thể sẽ rơi vào một trong năm phạm trù. Bốn phạm trù đầu tiên là vô tri, lừng khừng, hăng nhiệt và sợ hãi. Cả bốn phạm trù đều là những lý do đáng quan tâm. Vô tri về thực tại của cuộc chiến thiêng liêng một chỉ làm lợi cho Satan. Lừng khừng đối với nó thì tệ hơn, chúng ta nhớ lại cái “không nóng không lạnh” của sách Khải Huyền (x. Kh 3, 16). Quá hăng nhiệt với cuộc chiến, xem mình đáng nể, thường lại dẫn đến tự cao tự đại. Sợ hãi nó, cũng chỉ ngăn trở chân lý và làm cho công cùm nô lệ thêm kiên cố. Phạm trù thứ năm, may thay, lớn nhất trong tất cả các phạm trù là niềm vui thích đầy say mê.

Người vô tri nhìn cuộc chiến thiêng liêng qua đôi mắt thơ ngây. Chưa nhận thức được sự thâm nhập và môi trường xâm hại của ma quỷ, họ nhìn cuộc chiến thiêng liêng như một ẩn dụ cổ xưa, một ẩn dụ phát triển nhanh chóng cái vô dụng của nó trong thời buổi hiện đại này. Họ coi toàn bộ ý niệm về sự dữ dường như đã được nhân cách hoá bởi Satan và thuộc hạ của nó với chủ nghĩa hoài nghi. Hạng vô tri không chỉ từ chối sự hiện diện hung hãn của Satan mà còn chối nhận cả sự hiện hữu sờ sờ của nó nữa. Không kẻ thù nào nguy hiểm hơn kẻ thù mà bạn nghĩ không có nó.

Đừng chế nhạo Lời Chúa và phủ nhận sự hiện diện của ma quỷ. Sự dữ quá hiển nhiên trong thế giới hôm nay cho thấy điều đó. Đừng nói Satan đã chết, nay không còn, nó không nhiều đến thế... vì trong mưu mô của nó, nó phao tin rằng, nó vẫn sống ngay khi chết (Fulton Sheen, Tôi tớ Chúa).

Tôi, nữ tu Faustina, theo lệnh Chúa, đã viếng thăm những cảnh vực địa ngục để rồi có thể nói cho các linh hồn về nó và chứng thực về sự hiện hữu của nó... Tôi lưu ý một điều: phần lớn các linh hồn ở đó là những linh hồn đã không tin có một hoả ngục (Thánh Faustina Kowalska).

Chúng ta không thể đơn thuần coi ma quỷ như một biểu tượng của sự ác; bằng không, như những nhà xã hội, chúng ta chỉ biết đứng nhìn mà không giải thích được gì. Và những ai bảo, chúng tôi không còn tin vào những điều ấy nữa, suy nghĩ của họ về thế kỷ hai mươi này thật quá hời hợt (Hồng Y Joseph Ratzinger).

Người lừng khừng nhìn cuộc chiến thiêng liêng với đôi mắt dửng dưng. Thông thường, sai lầm của họ là coi yêu thương ngang với chấp nhận, xem chân lý ngang với vị tha. “Việc ai người ấy lo!”, “Sống và hãy sống!” hoặc “Đừng xét đoán...!” là những câu thần chú quen thuộc của họ. Họ cầu nài và kêu trách rằng, một Thiên Chúa ‘công bằng’ sẽ không để một tạo vật góm giếc như thế tồn tại, cứ để con mồi thao túng mặc sức trên Dân Người! Họ không nhận ra trần gian là một bãi chiến và thiên quốc mới là phần thưởng. Lừng khừng trước chân lý và không sẵn sàng cầm lấy vũ khí, họ dễ bị lạc đường.

Đây là lý do khiến người ta thờ ơ liều lĩnh đánh mất chính mình: từ trong linh hồn họ, một sự nhạt nhẽo đã che giấu một sự dữ lớn lao vốn là nguyên nhân của mọi tai ương (Thánh Alphonsô Liguori).

Hãy luôn nhìn nhận rằng: ở đây, trên trái đất này, chúng ta đang chiến đấu; mãi trên thiên đàng, chúng ta mới nhận lấy triều thiên chiến thắng (Thánh Piô Pietrelcina).

Cửa thiên đàng mở ra, sự sống đánh bại tử thần trong một cuộc thánh chiến (Thánh Agnes Monteculciano).

Khi bạn từ bỏ Satan, dẫm đạp dưới chân mọi hiệp ước với nó, tiêu huỷ “liên minh hoả ngục” xưa; và rồi, thiên đàng của Chúa mở ra trước mặt bạn (Thánh Cyril Jérusalem).

Người quá hăng nhiệt coi cuộc chiến thiêng liêng với đôi mắt tự phụ. Họ coi đó là cuộc đại chiến với những vũ khí sáng ngời, một đạo quân hùng hậu bên cạnh họ và kẻ thù không đáng gì đang co rúm vì sự có mặt của họ. Họ co duỗi cơ bắp, thán phục khả năng của chúng, sững sờ trước vẻ lộng lẫy chúng có; họ coi thân xác mình và những công năng của nó như thể là những gì của riêng họ. Họ yêu thích hình ảnh giết chết con rồng, nhưng lại không muốn chuẩn bị cho điều đó hoặc sợ bắn tay khi làm điều đó. Họ thường viết những diễn văn thắng trận trước khi biết đến kế hoạch chiến đấu. Họ không nhận ra rằng, nếu kế hoạch chiến đấu là của riêng họ, hoặc biết rất rõ, nếu họ tiến lên phía trước mà không có một quyền năng thích đáng nào đó thì một chỉ phỏ mình cho sự tác hại dữ dằn của Satan mà thôi.

Sức người không thể sánh với sức quỷ; vì thế, chỉ với sức mạnh của Thiên Chúa mới có thể đánh bại ma quỷ, chỉ ánh sáng của Người mới có thể soi thấu những mưu chước của nó (Thánh Gioan Thánh Giá).

Tính bạo tàn của ma quỷ cốt ở chỗ nó ăn tươi nuốt sống chúng ta bất cứ lúc nào nếu quyền lực Thiên Chúa không bảo vệ chúng ta (Thánh Bonaventura).

Chiến thắng nào không có sự hợp tác của thân xác mới được gọi là chiến thắng do nỗ lực riêng của con; nhưng thân xác cũng đâu phải của con, nó là công trình của Thiên Chúa (Thánh Gioan Climacus).

Chúng ta không buộc phải có những vũ khí bóng loáng để chiến thắng Goliath, nhưng chỉ cần biết chọn một vài viên sỏi, những viên sỏi thích hợp, với sự khôn ngoan và can trường của David (Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II).

Kẻ sợ hãi nhìn cuộc chiến thiêng liêng qua đôi mắt khiếp đảm. Họ tưởng tượng rằng, càng đề ý đến ma quỷ, sẽ càng gia tăng những cuộc chiến thiêng liêng. Họ tin rằng, cách nào đó, chiến đấu thiêng liêng là một lây nhiễm vốn sẽ lây lan nếu họ biết điều đó là thật. Những người khác thì nghĩ rằng, lãnh vực chiến đấu thiêng liêng chỉ là việc của giới tu trì; bằng cách ấy, họ bán non chính mình và những gì đã lãnh nhận khi chịu phép rửa tội. Một số khác lại sợ rằng, đó không phải là việc của họ, nên họ né tránh cuộc chiến và chấp nhận mọi hậu quả. Sợ hãi và khiêm tốn lệch lạc ấy chỉ làm lợi cho Satan. Sợ hãi của bạn nuôi dưỡng Satan, chỉ giúp nó mạnh mẽ kiên cường hơn.

Tôi thật sự sợ những người quá sợ ma quỷ hơn là sợ chính ma quỷ (Thánh Têrêxa Avila).

Đừng sợ ma quỷ, hãy sợ mưu mô của nó vốn đang khiến con chao đảo (Thánh Antôn Padua).

Đừng sợ những cạm bẫy của kẻ thù. Rốt cuộc, nó buộc phải bắt lực trước một linh hồn gắn bó với Chúa Giêsu. Thế nên, con cứ an lòng (Thánh Piô Pietrelcina).

Tên cám dỗ hàng canh chừng, gây chiến ác liệt nhất để chống lại những ai nó thấy thận trọng tránh tội nhất (Thánh Giáo Hoàng Lêô Cả).

Dù ngây ngô hay thờ ơ, kiêu ngạo hay sợ hãi, cả bốn phạm trù trên đều đưa con người rời xa chân lý và hướng về đối trá. Dù không nhất thiết là cố tình, họ vẫn đã tuân theo lời mời chào của Satan.

Phạm trù cuối cùng thuộc về những ai đáp trả với lòng nhiệt thành, họ nhìn cuộc chiến thiêng liêng với con mắt đức tin. Từ ngữ nhiệt thành “enthousiasm” có một nguyên ngữ thú vị. Nó bắt nguồn bởi hai từ Hy Lạp “en + theos”, hoặc trong tiếng Anh “in + god”. Theo nghĩa đen, enthousiasm, nhiệt thành, là “ở trong Thiên Chúa”. Những ai nhiệt thành đều nhận ra chiến thắng của Thiên Chúa trên chiến thắng của sự ác và vai trò của họ là thực hiện nó cho đến khi hoàn thành chiến thắng đó. Họ cũng nhận ra sự cần thiết phải giải thoát và bảo vệ chính mình cũng như người khác. Họ tin thác cho Thiên Chúa và mở lòng mình ra cho những đường lối diệu kỳ của Người. Họ chuẩn bị chiến đấu nhưng không trông mong điều đó. Nếu cuộc chiến xảy ra như một phần trong ý định của Thiên Chúa, họ sẵn sàng đón nhận. Họ chỉ tìm kiếm

thánh ý Thiên Chúa cho dù điều đó buộc họ phải ở tuyến đầu hoặc ngoài biên thùy. Bất cứ điều gì Thiên Chúa cho phép, họ chấp nhận; bất cứ điều gì xảy ra, họ thấy tay Người đang thực hiện. Như trẻ thơ, họ phó mình cho lời hứa của Thiên Chúa, Abba và sức mạnh của Người. Sức mạnh của họ là Thiên Chúa đang hoạt động ngang qua sự yếu hèn của mình.

Hãy luôn canh chừng kẻ thù nhưng đừng gây chiến với nó, vì đây không phải là thái độ của người lính nhưng là thái độ của kẻ dấy loạn (Thánh Gioan Kim Khẩu).

Chúng ta đừng bao giờ quên hai chân lý này: Chúa Giêsu ở với tôi, và dù gì xảy ra đi nữa thì vẫn xảy ra bởi ý muốn của Thiên Chúa (Chân Phước Charles de Foucauld).

Khiêm tốn, khiêm tốn và luôn luôn khiêm tốn. Satan khiếp sợ và run rẩy trước những linh hồn khiêm tốn. Thiên Chúa sẵn sàng làm những việc lớn lao với điều kiện là chúng ta phải thực sự nhu mì (Thánh Piô Pietrelcina).

Những chiến sĩ thiêng liêng đích thực nhìn cuộc chiến qua đôi mắt của Đức Maria, Mẹ Đầy Ơn Phúc. Cuộc chiến thiêng liêng luôn được hoàn tất bởi ân sủng của Thiên Chúa và phù hợp với sự cho phép của Người. Điều đó thường ẩn khuất, lặng lẽ và vô danh. Khiêm tốn, vâng phục, phó thác và tin tưởng là những vũ khí của người chiến sĩ Chúa Kitô. Sau Chúa Giêsu, không chiến sĩ nào lớn hơn Đức Maria. Qua mọi thời, lời “Xin Vâng” của Đức Maria đánh bại lời “Thưa Không” của Satan. Thánh Kinh đặt Đức Maria ngay giữa chiến trận. Từ sách Sáng Thế đến sách Khải Huyền, Đức Maria là Eva mới sinh ra Adam mới (x. St 3 & Kh 12). Lời “Fiat” xin vâng của Đức Maria là khởi đầu cho kết thúc của Satan. Nếu bạn được gọi để dẫn thân trong cuộc chiến thiêng liêng, bạn chỉ có thể làm điều đó dưới sự bảo trợ của Mẹ Đầy Ơn Phúc và đúng với ý định của Thiên Chúa.

Không ai thực sự yêu mến Đức Mẹ mà lại phải sa hoả ngục, bởi Mẹ là người chiến thắng đáng sợ đối với ma quỷ (Thánh Alphonsô Liguôri).

Ở đâu có Mẹ, ở đó vắng bóng quỷ ma (Thánh Louis Montfort).

Hãy lắng nghe và ghi nhớ trong lòng, đừng bối rối cũng đừng nản lòng với những tiếc xót. Đừng sợ bất cứ bệnh tật, phiền muộn, lo lắng hay đau đớn nào. Không phải ta đang ở đây và không phải ta là Mẹ của con sao? Con không ở dưới bóng áo và sự che chở của Mẹ sao? Mẹ không phải là nguồn suối của đời con sao? Con không ở dưới nếp áo Mẹ, trong vòng tay Mẹ sao? Ở đó, con còn cần gì nữa? (Lời Mẹ Guadalupe nói với thánh Juan Diego).

Cẩn trọng với từng từ ngữ là điều cần thiết mỗi khi nói đến Satan. Phải tránh gán cho nó quá nhiều sức mạnh và ảnh hưởng, điều này thật quan trọng. Bạn đừng bao giờ là nạn nhân của ý niệm khi cho rằng ma quỷ cách nào đó mạnh mẽ và uy quyền ngang bằng Thiên Chúa. Thiên Chúa là Tạo Hoá và Satan chỉ là tạo vật. Sức mạnh của ma quỷ cũng như khả năng thực hiện quyền lực của nó đều bị giới hạn bởi Thiên Chúa và khả năng thực hiện đó chỉ được phép theo cấp độ phục vụ ý muốn của Người. Thiên Chúa có thể và chính Người đã sử dụng những hành động của ma quỷ để dẫn đến những dự định cho vinh quang Người - nếu bạn để Người hành động. Tốt hay xấu, điều đó tùy vào ý muốn của Thiên Chúa; mọi sự đều có thể hữu ích cho việc cứu độ của Người.

Thiên Chúa mạnh mẽ hơn nhiều trong việc phục hồi ơn cứu độ so với ma quỷ vốn chỉ muốn giam hãm con người (Thánh Paulinus Nola).

Bất luận điều tốt hay xấu xảy đến, hãy tin rằng, Thiên Chúa sẽ biến tất cả nên điều lành cho con (Thánh Jane Frances Chantal).

Linh hồn thật sự yêu mến Thiên Chúa biết rằng, mọi sự xảy đến trên trần gian đều do lệnh của Thiên Chúa hoặc là được phép Người (Thánh Alphonsô Liguôri).

Một cách tương tự, bạn đừng cho rằng, Satan không mấy mạnh mẽ và chẳng ảnh hưởng gì; điều này cũng thật quan trọng. Nghĩ như thế chẳng khác gì bạn dọn cỗ cho nó. Đừng bao giờ tin không có ma quỷ, tin như thế là không biết giáo huấn bất biến của Hội Thánh; cũng

đừng đùa với câu nói “ma quỷ bắt tôi làm điều đó”. Nói như thế là từ chối ý chí tự do cũng như vai trò của bạn khi phạm tội. Nó còn là một trở ngại cho việc thống hối và hoà giải. Thông thường, chân lý được tìm thấy chính giữa hai cái nhìn trái ngược này.

Ma quỷ sung sướng khi bị buộc tội. Thật vậy, nó thực sự muốn con đổ lỗi cho nó. Nó sẵn sàng lắng nghe tất cả cáo buộc của con lâu chừng nào có thể để ngăn con đến toà giải tội (Thánh Augustinô).

Đừng sợ ma cũng đừng sợ quỷ, Đấng cùng chiến đấu với chúng ta mạnh mẽ hơn chúng nhiều (Thánh Cyril Jérusalem).

Với cuốn sách này, tôi hy vọng soi rọi một luồng sáng mạnh mẽ vào tên ác quỷ, luồng sáng của Đức Kitô và Hội Thánh Ngài, một luồng sáng xua tan mọi bóng tối. Dựa vào Thánh Kinh và bút tích của các thánh để đào sâu và gợi hứng, những chương tiếp theo sẽ đưa ra những lời khuyên thực dụng về việc phải chiến đấu hoặc không chiến đấu thế nào. Những thực tế, những cảnh báo, những gánh nặng và những lợi ích của cuộc chiến thiêng liêng sẽ được bàn thảo. Satan sẽ được nói đến, nhưng chỉ trong mức độ nó phụng sự Nước Thiên Chúa.

Nói với con về ma quỷ hẳn chẳng thú vị gì, nhưng giáo lý, qua đó Cha được phép nói về nó lại sẽ rất ích lợi cho con (Thánh Gioan Kim Khẩu).

Chúa muốn tôi chia sẻ những gì tôi được dạy và những gì tôi tin. Cả bạn nữa, hãy sử dụng rộng rãi Thánh Kinh, các tài liệu có thẩm quyền và sự khôn ngoan của các thánh cho những ý tưởng được bày tỏ.

Hãy dõi theo các thánh, bởi ai theo chân các ngài, chính họ cũng sẽ nên thánh (Thánh Giáo Hoàng Clement).

Cách tự nhiên, những ý tưởng này vừa mang tính tấn công vừa mang tính bảo vệ; vừa phòng ngừa vừa chữa lành; vừa hướng đến các nhân đức vừa tránh xa mọi thói hư tật xấu.

Khi bạn được đánh động bởi một đoạn Thánh Kinh, hãy cầu nguyện với đoạn văn đó. Hãy cầu xin ơn Chúa Thánh Thần mặc khải tất cả ý nghĩa đoạn văn cho bạn. Khi được đánh động bởi lời nào đó của một vị thánh hay một huấn từ nào đó của Hội Thánh, bạn hãy nghiền ngẫm những soi dọi thích ứng của nó. Hãy thẩm thấu lời Thánh Kinh và lời các thánh, đừng chỉ lướt qua chúng.

Sau cùng, vì những mục đích của cuốn sách, khi tôi nói đến Satan, xin vui lòng biết cho rằng, tôi đang nói đến tất cả các thiên thần đã sa ngã. Dẫu được gọi dưới bất cứ danh hiệu nào: sự dữ, thần ô uế, ma quỷ, tà quyền, quỷ vương hay gì đi nữa... tất cả chúng vẫn chỉ là một, kẻ thù nghịch với Thiên Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần cùng những ai yêu mến Người.

Không cần phải sợ hãi để gọi đích danh tác nhân đầu tiên của sự dữ bằng chính cái tên của nó: Quỷ Dữ (Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II).

Ma quỷ không phải là một con người, nó là một đạo quân có tổ chức của sự ác (Gioan Hardon, Tôi tớ Chúa).

Bởi không hiểu biết và thờ ơ cũng như bởi những nỗ lực của ma quỷ, nhiều người trong Hội Thánh không thích nói đến thực tại Satan và sự cần thiết của cuộc chiến thiêng liêng. Ngu ngơ, thờ ơ... dẫn đến bản khoán sợ hãi. Tiêu trừ cặp rồng sinh đôi ngu ngơ và thờ ơ này cùng với những bản khoán và sợ hãi theo sau chúng là một điều quan trọng. Với sự khôn ngoan, bình an, ân sủng, sự thật, lòng thương xót của Thiên Chúa cùng với sự can trọng đúng đắn dưới sự bảo trợ của Đức Trinh Nữ Maria Đầy Ơn Phúc, thì nay, đã đến lúc chúng ta cần nói đến sự thật về cuộc chiến chống lại tên ác quỷ này.

Ma quỷ không dám lộ diện hay hành quyền chết chóc của nó bất cứ nơi nào danh rất thánh của Đức Maria chiếu rọi. Tên ngài càng được kêu lên thường xuyên với tất cả lòng yêu mến, ma quỷ càng nhanh chóng cao chạy bay xa (Thomas a' Kempis, Tôi tớ Chúa).

Với ma quỷ, Đức Maria quá mạnh mẽ đến nỗi chỉ một hơi thở của ngài vẫn khiến nó khiếp đảm hơn tất cả mọi cầu khẩn của các thánh (Thánh Louis Monfort).

Những tướng quỷ trong hoả ngục sợ hãi Đức Maria cho thấy sự kính trọng ngài (Thánh Louis Monfort).

Còn tiếp nhiều kỳ

LTS. Lm. Minh Anh, TGP Huế có một tài sản rất lớn và quý báu, đồng thời sẵn sàng trao tặng cho bất cứ ai muốn nhận, đó là 13 bản dịch của những tác phẩm uy tín và giá trị. Quý vị có thể chọn lựa tên tác phẩm và xin nhận qua email bằng file, hoặc tham khảo tại đây (tải về máy dễ dàng):

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=module2&id=69>

CUỘC CHIẾN THIÊN LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER

“Đừng sợ những mưu chước, những công kích của ma quỷ, kẻ có thể đến cướp phá và chiếm cứ thành phố linh hồn con. Không, đừng sợ, nhưng hãy như những chiến sĩ đang dàn quân trên mặt trận, vũ trang bằng thanh kiếm đức ái của Thiên Chúa. Thanh kiếm này là ngọn roi quất vào chúng” (Thánh Catarina Siêna). [...File kèm](#) ➡

Tìm Kiếm và Giữ Lấy Bình An - Searching for and Maintaining Peace

Cần biết rằng, con đường dẫn đến Thiên Chúa, dẫn đến sự trọn lành mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi chúng ta thì ngắn hơn, hiệu năng hơn và thật hiển nhiên, dễ dàng hơn khi chúng ta học biết dần dần cách thức giữ lấy bình an thẳm sâu trong tâm hồn ở bất cứ hoàn cảnh nào. Vì lẽ, lúc bấy giờ, tâm hồn đã phó mặc cho sự dẫn dắt của Thánh Thần, và với ân sủng của Người, Thiên Chúa có thể hành động nhiều hơn những gì mà tâm hồn có thể thực hiện bằng sức riêng của mình. [...File kèm](#) ➡

TỰ DO NỘI TÂM - La Liberté intérieure (Jacques Philippe)

Cuốn sách này nói đến chủ đề nền tảng của đời sống Kitô giáo: tự do nội tâm. Mục đích của nó thật rõ ràng. Mọi Kitô hữu cần khám phá ra rằng, ngay trong những hoàn cảnh bên ngoài bất ưng nhất, bên trong chúng ta vẫn có một khoảng không tự do mà không ai có thể lấy đi, bởi Thiên Chúa là nguồn mạch và là bảo chứng của tự do đó. Không có khám phá này, chúng ta sẽ luôn luôn bị giới hạn cách nào đó và sẽ không bao giờ nếm hưởng được hạnh phúc đích thực. Nhưng nếu chúng ta học cách để cho khoảng không tự do nội tâm này mở ra, thì dù cho bao điều làm chúng ta đau khổ, vẫn không gì thực sự có thể đàn áp hay nghiền nát chúng ta. [...File kèm](#) ➡

Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô của D. Wahrheit

Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô của **D. Wahrheit** được hiệu đính từ một tập sách rất khó đọc dạng ronéo. Sau một thời gian dài tìm tác giả cũng như người dịch, tôi được Đức Ông Phêrô Nguyễn Văn Tài, Giám Đốc Đài Chân Lý Á Châu, cho biết: các sách có tên tác giả D. Wahrheit là những tác phẩm của Đài Chân Lý Á Châu đã phát thanh, được thánh giả ghi lại trong thời gian khó khăn khi chưa có internet (D: Đài; Wahrheit: Chân Lý); và nay, được phép ngài cho phổ biến, tôi chân thành giới thiệu tập sách bổ ích **Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô** này cùng các bạn trẻ, cách riêng những bạn trẻ sắp bước vào đời sống hôn nhân. Lễ Thánh Monica, 27.8.2009. Lm. Minh Anh (Gp. Huế) [...File kèm ▶](#)

Thầy Dạy Khát Khao - Le Maître du désir

Con người muốn sống. Con người được tạo dựng để sống. Không chỉ tự nhiên tìm cách bảo tồn sự sống, nhưng chúng ta còn muốn phát triển nó, làm cho cuộc sống của mình hạnh phúc hơn, tươi đẹp hơn, thanh cao hơn, mạnh mẽ hơn; tắt một lời, sống động hơn. “Vì chưng, gánh nặng nề nhất là tồn tại mà không sống” (Victor Hugo). Sống có ý nghĩa gì nếu không có niềm vui sống? [...File kèm ▶](#)

HOA TRÁI THINH LẶNG - Thoughts in Solitude

Những lời ghi chép trong tập này được viết vào những năm 1953 và 1954 vào thời điểm mà tác giả, nhờ ân sủng của Thiên Chúa và nhờ sự rộng lượng của các Bề Trên, có thể tận dụng những cơ hội đặc biệt dành cho việc tĩnh tâm và suy niệm; từ đó, mới có đề tựa tập sách như trên. Điều này không muốn nói rằng, những lời ghi chép đó mang tính chủ quan hay tự thuật. Chúng không hề được nhắm đến như một tường trình về những cuộc phiêu lưu tinh thần. Đối với tác giả, không có cuộc phiêu lưu nào để viết, và nếu có, nó cũng sẽ không phó mặc cho việc in ấn trong bất kỳ trường hợp nào. Đây chỉ là những suy tư về đời sống chiêm niệm, những hiểu biết bằng trực giác mà dường như có một tầm quan trọng cơ bản vào một lúc nào đó trong quá khứ. [...File kèm ▶](#)

Một Quan Điểm Công Giáo về Tác Phẩm Sống Theo Đúng Mục Đích - “A Catholic Perspective on The Purpose Driven Life”

Là một linh mục Công giáo Rôma, từ hơn 50 năm nay, tôi vẫn thường lướt qua những phim ảnh và những cuốn sách được yêu chuộng như là nguồn tài liệu khả dĩ có thể sử dụng cho việc giảng dạy và viết lách. Sự hiểu kỳ đó đã dẫn tôi đến với quyển sách của Mục sư Rick Warren. [...File kèm ▶](#)

Sống Theo Đúng Mục Đích - The Purpose-Driven Life

Ngày nay, ta biết quá nhiều thứ, nhưng lại ít biết về chính mình, theo đuổi nhiều thứ nhưng không biết cái gì là chính. Ta quay cuồng và bị lôi kéo, bị xô đẩy giữa biết bao khuynh hướng, trào lưu mà không biết đi về đâu. Biết mình, biết mục đích đời mình và sống đúng mục đích, điều quan trọng bậc nhất trong đời sống này sẽ giúp đời sống ta thay đổi, có ý nghĩa và triển nở đến vô tận. (TGM Giuse Ngô Quang Kiệt, giới thiệu) [...File kèm ▶](#)

BÀI CA CỦA BÌNH MINH - THE SONG OF THE DAWN

Người ta có thể ngạc nhiên khi những ý tưởng sâu sắc lại được tìm thấy trong những tác phẩm thi ca của các nhà thơ hơn là của các triết gia; bởi lẽ, nhà thơ vận dụng hết mọi nỗi niềm và khai thác tối đa khả năng tưởng tượng. Như đá lửa, trong chúng ta, có những hạt giống của ánh sáng. Qua lý trí, triết gia khơi dậy chúng, đang khi nhà thơ làm cho chúng chiếu toả rạng

ngời hơn nhờ đặc ân tưởng tượng. Descartes, Cogitationes Privatae [...File kèm](#) ➡

ĐI TRÊN NƯỚC - WALKING ON WATER

Cầu nguyện, yêu thương, đời sống tinh thần, đời sống đạo đức sắp giải thoát bạn khỏi những ảo giác. Một khi đời sống đức tin triển nở, thật tuyệt vời, tuyệt vời! Nhưng khi nó trệch hướng, thì đó là bệnh hoạn, một dịch tể phải tránh. Khi ảo giác rơi rụng, con tim không còn bị tắc nghẽn, tình yêu sẽ nở hoa. Đó cũng là lúc hạnh phúc chợt đến và bắt đầu có sự đổi thay. Và rồi, chỉ khi đó, bạn mới biết Thiên Chúa là ai... [...File kèm](#) ➡

TAKING FLIGHT - BAY LÊN ĐI!

Đã một thời, Tony de Mello, một linh mục dòng Tên dạy hàng thiêng liêng không ngừng đánh động tâm hồn bao người khắp năm châu; bởi lẽ, ngài quá yêu đời, yêu cuộc sống - một cuộc sống thực tế, sôi nổi và tràn đầy niềm vui. Những chuyện kể đầy mê hoặc, đầy nhiệt huyết, đậm nét hài hước và những hiểu biết sâu sắc của ngài về bí quyết hạnh phúc, về việc khám phá bản ngã đích thực của mỗi người - tất cả đã tạo nên một tác động đầy phấn khích cho bất cứ ai đã từng nghe ngài. Ngài đến cho những tâm hồn được giải thoát, cho người vô cảm biết yêu thương, đem ý nghĩa cho tất cả những gì làm nên một nẻo đường thiêng liêng trên đó bao người đang tiến bước. [...File kèm](#) ➡

SADHANA - MỘT NẸO ĐƯỜNG DẪN TỚI THIÊN CHÚA - Linh Thao Kitô Giáo Theo Lối Đông Phương

Nguyên bản tiếng Anh chúng ta đang có là Sadhana toàn tập, không rút gọn, như tác giả đã lưu ý (complete and unabridged). Vì thế, bạn sẽ có một bản dịch đầy đủ. Ước mong sao, chúng ta cùng khám phá những chiều kích mới mẻ của kho tàng hiểu biết và tinh thần bên trong chính mình, qua việc ý thức đem *toàn thể* con người - thân xác, linh hồn, con tim, lý trí, kỷ ức và tưởng tượng - đi vào cầu nguyện, đi vào chiêm ngắm Đấng đang ngự ở đó. [...File kèm](#) ➡

HUẾ CỔ VẾT TÍCH ĐẠO VÀ ĐỜI

“*Vestiges Religieux et Profanes du Vieux Hué*” của Cố Ngôn (J. B. Roux) được chuyển dịch như một đóng góp nhỏ nhân dịp Kỷ Niệm 15 Năm Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II tôn phong 117 Hiển Thánh Tử Đạo Việt Nam (1988-2003) với tựa đề “Vết Tích Chứng Nhân Đức Tin Của Huế Cổ”. Nay, nhân Kỷ Niệm 20 Năm Tôn Phong Các Thánh Tử Đạo Việt Nam (1988-2008), một lần nữa tập sách được tái bản với đề tựa mới, “Vết Máu Trên Huế Cổ”.

[...File kèm](#) ➡

VỀ MỤC LỤC

TÂN PHÚC ÂM HÓA BẢN THÂN TU SĨ VÀ CỘNG ĐOÀN

(DÒNG THÁNH TÂM HUẾ THƯỜNG HUẤN - Ngày 16-24/7/2014)

Kính mời viếng thăm www.cvlctt.net (chỉ vì lòng Chúa thương tôi)

Kính thưa Quý Thầy,

Trong cuộc tiếp kiến 120 Bề Trên Tổng Quyền Các Dòng Nam họp Đại Hội ở Rôma từ 27-29/11/2013 để thảo luận về việc giải quyết những thách đố đang đặt ra cho giới tu sĩ, ĐTC Phanxicô đã thông báo năm 2015 sẽ được dành cho đời sống thánh hiến (10/2014-11/2015) với chủ đề “Điều mới mẻ trong đời thánh hiến từ Công đồng chung Vatican 2” với 3 mục tiêu chính được công bố ngày 31/1/2014: Nhìn lại quá khứ gần đây trong tâm tình biết ơn và đồng thời thống hối vì những yếu đuối và thiếu sót; hướng nhìn về tương lai trong hy vọng; và khích lệ các người sống đời thánh hiến sống hiện tại trong sự hăng say; đồng thời quyết định *duyet lại qui luật về tương quan giữa các dòng tu và Giám mục địa phương để thăng tiến sự quý chuộng hơn đối với đoàn sủng của mỗi dòng*.

Hình ảnh người môn đệ đích thực được rõ nét nơi bức họa Tiệc Ly, thánh Gioan tựa đầu vào ngực Chúa Giêsu và mắt nhìn ra phía trước, nghĩa là người môn đệ phải ở mật thiết với Chúa Giêsu rồi mới có thể thông truyền Chúa Giêsu cho thế giới. Trong sứ mệnh ấy, chúng ta nghe Huấn quyền nói nhiều đến Tân Phúc Âm hóa. Vì thế, khi nhận lời mời của Cha Tổng Quyền Antôn kính yêu mà đến với quý thầy trong chín ngày thường huấn ngắn ngủi này, tôi xin chia sẻ chủ đề **TÂN PHÚC ÂM HOÁ BẢN THÂN TU SĨ VÀ CỘNG ĐOÀN**. Tân nhưng không phải mới về nội dung, vì Tin Mừng vẫn là một, Chúa Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay, và mãi mãi vẫn như thế, mà mới trong nhiệt huyết, mới trong phương pháp, mới trong cách diễn tả, nhờ đặt Chúa Kitô ở trung tâm đời sống của chúng ta.

Hòa chung với Giáo Hội hoàn vũ, HĐGMVN cũng lên kế hoạch mục vụ “Tân Phúc-Âm-hóa để thông truyền đức tin Kitô giáo” và năm nay là Năm Tân Phúc Âm hóa Gia Đình, mà đối với tu sĩ chúng ta thì cốt yếu trước hết phải là tân phúc âm hóa bản thân và cộng đoàn chúng ta. Đức TGM Phaolô Bùi Văn Đọc, Chủ tịch HĐGMVN, nhấn mạnh “*cần phải có một sự chuyển mình thật mạnh dạn, thật can đảm, chuyển từ một loại “mục vụ bảo trì” gìn giữ và bảo vệ cơ chế, cơ sở sang một “mục vụ truyền giáo” đích thực... và cần phải Phúc-Âm-hóa mọi lãnh vực, mọi “ngóc ngách của hữu thể”, mọi bình diện của cuộc sống*”¹.

Với những chỉ dẫn minh bạch như thế của Huấn Quyền Giáo Hội, trước khi đi vào chi tiết nội dung cụ thể, tôi mời anh em thường thức bài hát “**Bài Học Quét Lũ**”, với ý thức tự nhắc nhở “*Đi về đâu do mình chọn lấy con đường*”.

Còn tiếp nhiều kỳ

VỀ MỤC LỤC

BỆNH SẠN THẬN

Câu chuyện Thầy Lang, Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC

Sạn Thận hoặc Sạn đường Tiết niệu là bệnh rất xưa và thường xảy ra. Chỉ cần bị bệnh một lần là ta nhớ mãi những cơn đau khiếp đảm mà sạn gây ra khi nó di chuyển trong đường tiết niệu. Có người nói là đau sạn thận còn khủng khiếp hơn khi các bà đau bụng “*vượt cạn chỉ có một mình*”

Ngày nay, nhờ nhiều phương pháp điều trị tiên bộ, sạn được loại bỏ dễ dàng, mau lẹ và an toàn. Sau đó, với các phương pháp phòng ngừa hữu hiệu, bệnh ít có nguy cơ tái phát và con người tránh được sự ôm bụng kêu đau.

¹ Phát biểu tại Hội nghị thường niên của Liên hiệp Bề trên Thượng cấp Việt Nam <http://www.hdgmvietnam.org/duong-huong-muc-vu-cua-giao-hoi-chua-kito-tai-viet-nam/5540.63.8.aspx>

Đại cương

Sạn là kết quả của một loạt những phản ứng hóa học, trong đó nước tiểu trở nên quá đậm đặc khiến các chất calcium oxalate, uric acid, cystine kết tinh lại thành những hạt nhỏ. Rồi với thời gian, các hạt nhỏ này kết tụ dần dần thành cục sạn lớn

Bệnh có thể xảy ra cho nhiều người trong một gia đình hoặc gây ra do các rối loạn của ruột, tuyến giáp trạng hoặc do khiếm khuyết trong cấu tạo của hai trái thận.

Đàn ông bị sạn thận gấp đôi đàn bà. Cho tới tuổi 70 tuổi thì 5% nữ giới và 9% nam giới đều mắc bệnh sạn thận ít nhất một lần. Sau đó sạn thường hay tái phát. Người da trắng bị sạn nhiều hơn người da màu.

Bệnh thường xảy ra cho dân cư sống ở vùng khí hậu khô nóng hơn là ở nơi nhiệt độ ôn hòa. Không uống nước đầy đủ khiến nồng độ nước tiểu cô đặc là một trong nhiều yếu tố đưa đến sạn kết tinh.

Một vài dược phẩm như triamterene, acetazolamide có thể gây ra sạn thận. Tiêu thụ thực phẩm nhiều oxalate cũng có thể là một nguy cơ.

Các loại sạn

Sạn thận có thể do nhiều hóa chất tạo thành.

1- Sạn calcium.

Có tới 75% sạn được cấu tạo bằng chất calcium (oxalate, phos phate, carbonate). Nam giới bị loại sạn này nhiều gấp hai ba lần nữ giới. Sạn bắt đầu vào tuổi từ 20 đến 30 và hay tái phát vào những năm sau đó. Calcium oxalate là nhiều nhất và thường thường là do ăn thực phẩm có nhiều hóa chất này hoặc do hậu quả các bệnh ở ruột hoặc tăng chức năng tuyến cận giáp mà ra.

2- Sạn uric acid.

Chiếm 10% các loại sạn thận và cũng có nhiều ở đàn ông. Người bị sạn này thường cũng bị bệnh thống phong (gout).

3- Sạn cystine. 1%, thường do di truyền gây ra.

4- Sạn struvite.

To, đôi khi làm nghẹt thận, gây ra do các bệnh nhiễm trùng đường tiểu tiện.

Các loại sạn trên có thể nhỏ như hạt cát hoặc lớn như trái banh bóng bàn; có thể trơn tru nhẵn nhụi hay sắc cạnh.

Sạn được tạo ra trong trái thận hay trong ống dẫn nước tiểu.

Thường thường sạn thận không gây đau trừ khi nó di chuyển từ thận xuống ống dẫn tiểu. Những cơn đau này rất dữ dội khiến người bệnh nhớ suốt đời.

Nguy cơ gây sạn:

a- Sạn thận xảy ra khi ta không uống đầy đủ nước, nước tiểu trở nên đậm đặc, các hóa chất kết trên kết tinh;

b- Khi ta ăn quá nhiều vài thực phẩm như bơ, sữa, chocolate, đậu phộng;

c- Khi có nhiễm trùng đường tiết niệu;

đ- Trước đây đã có sạn;

e- Đàn ông;

g- Trong gia đình có thân nhân bị sạn.

Triệu chứng

Cơn đau do sạn di chuyển hoặc kẹt ở thận, ống dẫn nước tiểu đều rất dữ dội và xảy ra bất thành hình. Đau xuất phát ở một bên mạng sườn hay bụng dưới, chạy xuống bẹn, bắp đùi. Các cơn đau không thuyên giảm với thay đổi vị trí nằm, ngồi hoặc sau khi uống thuốc chống đau không có chất á phiện. Đôi khi bệnh nhân bị sốt, ớn lạnh, ỉ đái ra máu, ói mửa.

Bình thường, sạn hiện diện trong âm thầm. Cho nên tìm ra sạn đôi khi là do tình cờ chụp quang tuyến bụng trong lúc điều trị các bệnh khác hoặc đi tiểu tiện ra sạn nhỏ.

Khi nghi ngờ có sạn, bác sĩ sẽ thử nước tiểu coi xem có lẫn máu và nhiễm trùng không; rồi sẽ cho chụp hình quang tuyến các loại để xác định sự hiện diện của sạn.

Điều trị

Để chữa sạn thận, các nhà chuyên môn về khoa tiết niệu có thể áp dụng mấy cách sau đây:

a- Theo dõi - Đợi chờ.

Trong nhiều trường hợp, sạn nhỏ có thể được tiểu tiện ra ngoài, nhất là khi ta uống nhiều nước. Mỗi lần tiểu, lọc coi có sạn nhỏ trong nước tiểu, đưa bác sĩ để phân loại.

b- Dùng thuốc. Tùy theo loại sạn, sẽ có được phẩm thích hợp.

Nếu sạn loại uric acid thì thuốc Allopurinol sẽ làm giảm hóa chất này trong máu, dung dịch Bicarbonate làm tan sạn. Đồng thời cần uống nhiều nước.

Sạn cystine thường rất hiếm, thuốc Penicillamine, Tiopronun thường được dùng để làm giảm cystine. Nên uống nhiều nước.

Khi sạn gây ra nhiễm trùng đường tiểu tiện, thuốc kháng sinh được dùng trước khi sạn được lấy ra.

c- Nghiền sạn bằng sóng lực trong nước (Shock wave lithotripsy):

Đây là phương pháp trị liệu tương đối mới, được sáng chế bên Tây Đức và bắt đầu dùng ở Hoa Kỳ từ năm 1984.

Có nhiều loại máy nhưng nguyên tắc chung giống nhau: máy tạo ra những đợt sóng lực có sức mạnh làm rạn nứt, tan vỡ sạn mà không gây thương tích cho cơ thể. Phương pháp này được áp dụng cho trường hợp sạn nằm ở thận hoặc phần trên của ống nước tiểu.

Người bệnh nằm trên một cái nệm nước hay trong bể nước, các đợt sóng có sức mạnh chuyển qua nước, dội vào nơi có sạn. Trung bình cần từ 200 tới 400 đợt sóng để làm vỡ sạn, đôi khi cần tới 1500 đợt. Thời gian chạy máy lâu khoảng từ 45 phút tới một giờ.

Phương pháp có thể thực hiện trong ngày, sau vài giờ theo dõi, bệnh nhân có thể về nhà. Thường thường không cần đánh thuốc mê, nhưng để bớt đau, bệnh nhân được cho liều thuốc an thần. Bệnh nhân cũng mang máy bịt tai để tránh âm thanh to do sóng lực gây ra.

Khi về nhà, cần uống nhiều nước, đi toilet đi lui, tiểu tiện ngay khi mót đái, lọc nước tiểu để theo dõi sạn ra nhiều hay ít.

d- Giải phẫu.

Khi sạn quá lớn mà các phương pháp trên không có kết quả thì nhiều phương thức giải phẫu được áp dụng và bệnh nhân cần được nhập bệnh viện để giải phẫu.

Với sạn nhỏ, bác sĩ có thể đưa một ống plastic đầu có dụng cụ gấp sạn vào ống tiểu hoặc thận để gấp sạn ra.

Phòng ngừa lâu dài

Mỗi lần đau sạn là một kỷ niệm đáng ghi nhớ. Cho nên để tránh sạn tái phát, người bệnh cần biết cách phòng ngừa, gồm có:

a- Uống nhiều nước để tránh tình trạng thiếu nước trong cơ thể, khiến nước tiểu cô đặc tạo ra cơ hội thuận tiện cho sạn kết tinh, đóng cục. Có bác sĩ khuyên phải uống chừng 10 ly nước một ngày. Tránh chất lỏng làm mất nước trong cơ thể như cà phê, rượu. Nhưng khi đau là lúc sạn di chuyển trong ống thì không nên uống nước. Sạn có thể làm kẹt niệu quản, đưa tới phình nở các khoang ở thận.

b- Ăn kiêng: sạn được cấu tạo bởi hóa chất có trong vài thực phẩm, nên ta cần tránh. Khi bị sạn calcium, ta cần giảm thiểu thực phẩm nhiều calcium như bơ sữa, chocolate, đậu phộng; với sạn uric acid thì ta cần bớt ăn thịt vì thịt làm tăng purine, tiền thân của acid này; còn sạn cystine thì cần giới hạn cá vì cá có nhiều chất cystine.

c- Uống thuốc theo toa bác sĩ và giữ hẹn để được theo dõi tình trạng sạn. Sự theo dõi này cần thực hiện hầu như suốt đời.

Kết luận

Trong tất cả các trường hợp sạn bộ máy tiết niệu, số lượng nước tiểu thụ hàng ngày có một vai trò rất quan trọng. Nước uống làm nước tiểu loãng và ngăn ngừa các tinh thể gây sạn kết tụ với nhau. Cho nên, mỗi ngày, người bị bệnh sạn thận cần uống ít nhất tám ly nước hoặc nhiều hơn.

Xin lưu ý là một số thực phẩm làm thay đổi mức độ kiềm hoặc acid của nước tiểu (chỉ số pH) và có ảnh hưởng tới sự kết tinh các hóa chất trong sạn thận.

Rau, trái cây (ngoại trừ trái prune, plumbs, cranberries), sữa, làm nước tiểu có độ kiềm.

Thực phẩm có nhiều chất đậm như thịt, cá, trứng, pho mát; trái plumb, prunes, cranberries, ngô bắp, đậu lentils làm nước tiểu có độ acid.

Ngoài ra, kinh nghiệm các cụ ta là nước sắc rễ đu đủ, nước ngô và râu ngô luộc, nước sắc cây râu mèo cũng được dùng để làm tiêu sạn.

Xin quý thân hữu dùng thử coi xem có công hiệu không. Vừa rẻ tiền vừa không sợ tác dụng phụ của hóa chất trong dược phẩm.

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thấy Lạ](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

TỪ NỀ VỢ ĐẾN SỢ VỢ

TỪ NỀ VỢ

Báo Phụ Nữ Thứ Hai, số 111, ra ngày 8.11.2010, có đăng một mẫu chuyện như sau:

Trong buổi tuyên dương gia đình hạnh phúc, người ta đã hỏi một ông cụ 71 tuổi, nhân vật được tuyên dương:

- Xin bác cho biết làm thế nào bác giữ được hạnh phúc suốt 50 năm chung sống?

Ông cụ móm mém, đầy vẻ hài hước:

- Vợ chồng chúng tôi có một nguyên tắc: Cái gì quan trọng thì tôi quyết định, còn cái gì không quan trọng thì vợ tôi quyết định.

- Thế những vấn đề gì được xem là quan trọng ạ?

- Thú thật là...vấn đề đó do vợ tôi quyết định, nên suốt 50 năm qua, chúng tôi chưa gặp vấn đề quan trọng nào cả.

Và tác giả bài viết đã kết luận:

- Nếu phỏng vấn bất kỳ người chồng nào có "thâm niên" cơm lành canh ngọt với vợ, chắc chắn bạn sẽ được nghe nói đến một điều kiện quan trọng nhất: Nhường vợ. Cánh đờn ông chẳng thường nói đùa với nhau "Nhất vợ nhì trời" đó sao.

Lại có chuyện khác rằng:

Có một anh nọ xưa nay rất là sợ vợ. Vợ quát tháo thế nào, anh ta cũng ngậm miệng, không dám cãi một lời. Anh ta đi đánh bạc, mãi xẩm tối mới về. Thối cơm ăn xong, chị vợ ngồi chờ chồng mỏi mắt. Chị ta tức lắm. Khi anh chồng vừa mới ló mặt vào ngõ, chị ta đã chạy ra túm ngực lôi vào nhà, găm rít. Anh ta vừa gỡ tay vợ túm ngực, vừa kêu xin:

- Bỏ tôi ra! Tôi xin bu nó!

Chị vợ được thể càng làm già, túm luôn tóc ấn đầu anh ta xuống. Anh ta liền vùng tay gạt ngã chị vợ, tát cho luôn chị vợ mấy cái, rồi trợn mắt, quát:

- Người ta đã sợ thì để cho người ta sợ chứ!

Và chuyện sau cùng:

Một trận mưa đám mây bất ngờ đổ xuống làm cho anh chồng kia không kịp chạy ra sân thu gom quần áo đang phơi. Và thế là anh ta liền bị bà vợ thuộc vào hạng sư tử Hà đông “tích” cho một trận tơi bời hoa lá cành. Thấy vậy anh chồng này, vốn là người hàng xóm, bèn mở miệng chê bai, phóng thanh qua dậu mỏng tơi mà rằng:

- Sao ông hèn quá vậy, sao ông nhát quá vậy. Cứ để cho bà ấy làm tới hoài mãi sao? Phải tay tui thì...

Vừa nói đến đây, bỗng bà vợ xuất hiện. Bà đứng chống nạnh, trừng mắt và phán:

- Phải tay tui thì sao?

Và thế là anh chồng này bèn cúi mặt xuống như muông chim, miệng thì ấp a ấp úng:

- Dạ, phải tay anh, thì anh đã thu gom từ trước lúc trời mưa ạ.

Mencken có nói một câu đáng cho gã suy nghĩ: Khi một người đờn ông và một người đờn bà lấy nhau, thì họ chỉ còn là một người. Tuy nhiên, cái khó đầu tiên là phải quyết định xem người đó là người nào?

Qua hai câu chuyện kể trên, gã nhận thấy quan điểm của tác giả Trần Triều trong bài viết “Nhất vợ” hơi bị đúng:

“Chuyện phái mạnh chấp nhận lùi một bước, để vợ ở “cơ trên” là hết sức bình thường. Và hơn thế nữa, chuyện vâng lời vợ để được yên ổn cũng chẳng có gì lạ. Người đờn ông vốn thích suy luận và phân tích, luôn hiểu rằng: Gây với vợ và trái lời vợ, thì từ chết đến bị thương, chỉ chuốc khổ thêm cho cả nhà mà thôi”.

Trước câu hỏi: Đờn ông vốn mạnh ngoài xã hội, nhưng sao lại “yếu” trong gia đình? Một anh chồng khác đã trả lời như sau:

“Thực ra không phải đờn ông sợ vợ, mà là sợ mất hoà khí trong gia đình. Với bản tính rộng lượng, anh chồng dễ chếp miệng cho qua để yên chuyện. Khổ nỗi, mỗi lần được anh chồng nhin là một lần chị vợ tưởng mình đúng hoàn toàn, nên cứ thế “phát huy”. Một lần, hai lần, ba lần và nhiều lần như thế, quyền lực của chị vợ tăng lên dần, khiến cán cân quyền lực trong gia đình nghiêng hẳn về bên nội tướng lúc nào cũng chẳng biết. Cái bi kịch khó giải quyết ở chỗ: Có những chị vợ thâm tóm quyền lực một cách quá đáng, mà vẫn nghĩ chân lý thuộc về họ, nên không chịu lùi một bước, không nghĩ mình còn phải biết tôn trọng anh chồng nữa”.

Được đàn ông chân lấm tay bẩn. Chị vợ cứ vô tư phom phom tiến tới, đâu có ngờ rằng sức chịu đựng của anh chồng cũng có hạn, tới một lúc nào đó, tức nước ắt tràn sẽ vỡ bờ, để lại những hậu quả não nùng và bi đát. Một anh chồng đã tâm sự như sau:

“Nhịn mãi, nhịn hoài đến lúc không nhịn được nữa, tôi đã nghĩ:

- Một sự nhịn là chín sự...nhục.

Thế nên, thỉnh thoảng tôi bất ngờ quật lại vợ một phát, khiến bà ấy cũng tá hỏa. Tôi vô tình nghe được vợ tâm sự với người bạn qua điện thoại:

- Ông nhà tôi lạ lắm, vốn hiền lành, nhưng lâu lâu lại nổi khùng bất tử, làm mình cũng sợ thật. Mà sao lạ thế nhỉ?

Tôi cười thầm trong bụng, hoá ra bà ấy cũng biết sợ, thế là còn may. Thực ra, lâu lâu vùng lên một lần chỉ để vớt vát lại đôi chút quyền lực, cho bà ấy “tỉnh ngộ”, chứ lúc nào cũng nhịn, thì vợ dễ “hư” lắm. Nói ra nghe kỳ cục, chứ khoảng một tháng là tôi lại cãi vợ một lần và có thể gây nhau từ cuộc cãi vã đó”.

ĐẾN SỢ VỢ

Thế nhưng, có người lại cho rằng sợ vợ là một căn bệnh di truyền hay mãn tính của nhiều anh chồng. Căn bệnh mãn tính này đã bén rễ sâu vào tâm can tì phế, và lục phủ ngũ tạng, khó lòng mà chạy chữa;

"Sợ vợ" là chứng nan y

Cố công, chạy chữa thuốc gì cũng toi!

Cái này lệ thuộc giống nòi

Di truyền trong máu phải coi kỹ càng

Xin đừng huyệt huyệt, hoang mang

Nên đi xét nghiệm...chớ than, chớ sầu!

Nhiều anh chồng chẳng những không hổ thẹn, mà lại còn rất lấy làm hãnh diện về cái “nhân đức sợ vợ” của mình:

Tôi đây thích sợ vợ nhà

Thì đâu có sợ người ta chê cười.

Vợ tôi, tôi sợ kê tôi

Miền tôi không sợ vợ người thì thôi.

Người xưa thường bảo với tôi

Vợ mày mày sợ thế là người khôn

Chớ không mảy đã không còn
Công ơn vợ dưỡng nên chồng hôm nay.
Là người phải biết nghĩ dài
Mai sau già yếu ngày ngày vợ nuôi
oOo

Sợ vợ, đôi chữ nghe thanh
Thời nay sợ vợ, nổi danh... anh hùng
Người ta cứ bảo tui hùng
Đường đường quân tử, nhưng chùn hồng nhan
Thời nay sợ vợ mới sang
Chớ không sợ vợ, có màn ra hiên.

Sở dĩ như vậy là vì “nhân đức sợ vợ” sẽ đem lại cho anh chồng nhiều lợi ích thiết thực cho cuộc sống:

Ngồi buồn kiếm chuyện nói chơi,
Nhất vợ nhì trời là chuyện tự nhiên.
Đàn ông sợ vợ thì sang,
Đàn ông đánh vợ tan hoang cửa nhà.
Đàn ông không biết thờ "bà"
Cuộc đời lặn độn kể là vớt đi.
Đàn ông sợ vợ ai khi,
Vợ mình, mình sợ sá gì thế gian!
Đàn ông khí phách ngang tàng,
Nghe lời vợ dạy là hàng "trượng phu."
Đàn ông đánh vợ là ngu,
Tốn tiền cơm nước, ở tù như chơi.
Mặc dù đôi lúc cũng cảm thấy xót xa cho thân phận làm chồng của mình:
Lấy nàng từ thuở mười năm,
Đến khi mười chín tôi đã năm con.

Nàng thì trông hầy còn son,
Tôi thì dính ốc, bù lon rã rời.
Nắng mưa là chuyện của trời,
Tề gia nội trợ có tôi bao thầu.
Suốt ngày cày cấy như trâu,
Chiều về rửa chén cũng "ngầu" như ai.
Nấu cơm, đi chợ hàng ngày,
Bồng con, thay tã tôi đây vẹn toàn.
Lau nhà, lau cửa chẳng màng,
Ôi thời oanh liệt ngang tàng còn đâu.
Nhiều khi muốn học xì dầu,
Xin nàng nghỉ phép, nàng chau đôi mày.
Nàng đòi thi đấu võ đài,
Tung ra một chưởng, chén bay ào ào.
Nhớ xưa mình mới quen nhau,
Em ăn, em nói ngọt ngào dễ thương.
Cho nên tôi mới bị lường,
Mang thân ngà ngọc cậy nương nơi nàng.
Nhưng dầu sao chẳng nữa, thì cuối cùng vẫn một lòng một dạ thủy chung cùng nàng:
Than ôi thực tế phũ phàng,
Mày râu một kiếp thôi đành đi đoong.
Một lòng thờ vợ sắt son,
Còn non còn nước thì tôi còn... thờ.
Tóm lại, người khôn thì phải "ăn lời vợ", chỉ kẻ dại khờ mới dám cãi lại mà thôi:
Đàn ông nể vợ là sang,
Ngồi nghe vợ dạy là hàng trượng phu.
Đàn ông đánh vợ là ngu,

Vừa mất tiền thuốc vừa tù chung thân.

Tới đây, gã xin mượn câu truyện của tác giả Thảo Trần trên báo Phụ Nữ Việt Nam như một kết luận. Tác giả viết như sau:

Tớ sợ vợ.

Vợ ghê gớm nên chồng sợ vợ thì chẳng có gì đáng nói. Nhưng vợ tớ lại không ghê gớm mà tớ vẫn sợ mới là điều để nói, nên tớ nói ra để các chị em nghe mà học.

Tớ cũng lảm tội như nhiều đàn ông khác, cũng nhậu nhẹt bia bọt, cũng về muộn, ít ăn cơm nhà, cũng một tắc đến trời, trăm voi không được bát nước xáo. Nhưng vợ tớ lại chẳng giống vợ các ông ấy. Cô ấy không găm gào, chì chiết khi thấy chồng về muộn. Không rình rập, theo dõi khi chồng nói là đi họp hành, công tác. Không phong tỏa kinh tế, không theo dõi điện thoại. Nghĩa là vợ tớ để tớ tự giác hoàn toàn (chứ không phải là mặc xác đâu).

Càng nghĩ đến vợ, tớ càng phục cô ấy. Vợ tớ là người đàn bà đảm đang, chịu thương chịu khó. Việc nhà cô ấy làm tất, không bắt tớ làm gì cả. Nhưng có hôm thấy cô ấy mệt, tớ bảo để tớ rửa bát chẳng hạn, là mắt cô ấy nhìn tớ cực kỳ ầu yếm, cô ấy hôn tớ đánh chụt rồi bảo: “Ồi! Anh thật tuyệt vời. Hôm nay em thấy mệt. May quá...”.

Thế là thỉnh thoảng muốn được vợ hôn và cảm ơn, tớ lại đóng vai người chồng tốt. Thực ra so với cô ấy thì tớ làm việc nhà chỉ bằng cái móng tay, nhưng chỉ thế thôi mà vợ tớ đã cảm động lắm, nên yêu tớ nhiều hơn và tớ cũng yêu vợ, biết ơn vợ nhiều hơn.

Vợ vò vố ở nhà chăm con, lo chuyện gia đình, tớ thì cứ trốn lên đánh đu với đám bạn ở quán, nhưng vợ tớ không cáu. Hôm nào tớ về sớm, vợ nhìn thấy mừng như bắt được vàng, reo tướng lên: “Ồi, hôm nay anh ngoan quá, về sớm... Sướng thật”. Nghe thế lòng dạ tớ cứ sướng mê tơi. Nhìn mắt vợ sáng long lanh mà lòng cũng thấy vui.

Thế là thời gian nhậu của tớ cứ ngắn dần khiến đám bạn gán cho tớ danh hiệu sợ vợ. Điều mà tớ yêu nhất và cũng nể nhất ở vợ là cô ấy biết cảm ơn và xin lỗi từ những điều nhỏ nhất.

Nhiều bà vợ hiếu thắng, hay tranh cãi đến thắng mới thôi, nhưng vợ tớ mà thấy ý kiến hai đứa trái nhau thì cô ấy không tranh cãi nữa mà sau đó cô ấy đi tìm tài liệu để xem ý nào đúng rồi mới nói tiếp. Cô ấy bảo: Đó không phải là hiếu thắng mà muốn có kiến thức. Khi biết ý mình sai thì cô ấy nói: “... Anh nói đúng, còn em thì sai rồi, xin lỗi chồng nhé”.

Tớ thích vợ tớ ngay cả ở cách nói lời xin lỗi và cảm ơn, rất vui vẻ và chân thành. Ví như: “Hôm nay mẹ nấu cơm khô quá. Xin lỗi cả nhà nhé”; “Xin lỗi con bé bỏng. Hôm nay mẹ cáu con thế là mẹ sai rồi. Nhưng lần sau con đừng làm thế nữa nhé...”.

Tớ sợ nhất là khi mở cửa ra thấy vợ ngồi nghiêm túc ở bàn nước chờ mình. Những lúc ấy tớ sợ vãi cả linh hồn vì biết vợ đang cáu lắm. Vợ tớ mà cáu thực sự không bao giờ cô ấy to tiếng, không bao giờ xưng hô anh với tôi. Cô ấy rất giỏi kìm chế. Cô ấy bảo: “Cả giận mất khôn. Mỗi lời nói khi mất khôn sẽ làm sứt mẻ tình vợ chồng, em chả dại...”. Vì vậy mà vợ tớ rất bình tĩnh bảo: “Anh ngồi đây, em muốn nói chuyện với anh...”, thế là cô ấy đem tội của tớ ra nói, cô ấy phân tích tác hại, cô ấy nói sự lo lắng của cô ấy... Sau mỗi lần “em muốn nói chuyện với anh” của vợ là tớ sợ hàng tháng, ngoan ngoãn hàng tháng vì biết mình đã bước đến giới hạn chịu đựng của vợ.

Tớ đẹp trai lại tốt tính nên cũng lắm cô thích, nhưng rồi họ bảo tớ là thầy tu. Mấy thằng bạn thì bảo tớ sợ vợ. Có cậu còn nghĩ vợ tớ ghê gớm lắm, hay ghen lắm nên tớ cứ nhũn như con

chi chi. Quả là oan cho vợ tớ. Thực ra, với người vợ đão để ghê gớm, chồng sợ là sợ mất thể diện, chứ chẳng phải sợ gì vợ, có khi còn ghét là đằng khác. Chả thế mà nhiều anh chán vợ, có bồ là vì thế. Dùng chiêu lạt mềm buộc chặt như vợ tớ mới là cao thủ.

Có lẽ mỗi người chúng ta nên nhiệt liệt hoan hô những anh chồng sợ vợ, bởi vì:

Kính vợ đặc trọng.

Sợ vợ sống lâu.

Nể vợ bớt ưu sầu.

Để vợ lên đầu,

là trường sinh bất tử.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA